

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  
**HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
*(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

*(Hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận kết quả  
đánh giá chất lượng chương trình đào tạo)*

**Hà Nội - 2020**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ  
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**



*(Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	CHỮ KÝ
1	Đào Văn Hùng	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện	Chủ tịch	
2	Giang Thanh Tùng	P.GĐ Học viện	Phó Chủ tịch	
3	Bùi Thúy Vân	Trưởng Khoa KTQT	Phó Chủ tịch thường trực	
4	Lê Minh Vân	GD, TTKT&ĐBCL	Thư ký	
5	Lê Hồng Quân	Chủ tịch công đoàn Học viện, TP. TCHC	Ủy viên	
6	Vũ Đình Hòa	Bí thư đoàn thanh niên, P.Trưởng khoa QTKD	Ủy viên	
7	Trịnh Tùng	P.Trưởng khoa KTQT	Ủy viên thường trực	
8	Bùi Quý Thuận	Giảng viên khoa KTQT	Ủy viên	
9	Nguyễn Thế Hùng	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên	
10	Ngô Minh Thuận	P.Trưởng bộ môn Triết	Ủy viên	
11	Nguyễn Tiến Hùng	Trưởng phòng CT& CTSV	Ủy viên	
12	Nguyễn Văn Tuấn	P.Trưởng bộ môn toán	Ủy viên	
13	Chu Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng	Ủy viên	
14	Nguyễn Thị Đông	P. Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên	
15	Lê Quang Hiếu	Sinh viên K8, chuyên ngành KTDN	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 15 người).

# MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	ii
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	1
1.1. Đặt vấn đề.....	1
1.2. Tổng quan chung.....	7
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ .....	14
Tiêu chuẩn 1 .....	14
Tiêu chuẩn 2 .....	26
Tiêu chuẩn 3 .....	36
Tiêu chuẩn 4 .....	47
Tiêu chuẩn 5 .....	54
Tiêu chuẩn 6 .....	74
Tiêu chuẩn 7 .....	93
Tiêu chuẩn 8.....	105
Tiêu chuẩn 9.....	121
Tiêu chuẩn 10.....	133
Tiêu chuẩn 11 .....	152
PHẦN III. KẾT LUẬN .....	166
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT .....	166
3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT .....	169
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT .....	173
3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT .....	178
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	- 1 -

## DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Ý nghĩa</b>
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLC	Chất lượng cao (Chương trình)
CT&CTSV	Chính trị và Công tác Sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
KHPT	Kế hoạch phát triển
KQHT	Kết quả học tập
KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
KTĐN	Kinh tế đối ngoại
KTQT	Kinh tế quốc tế
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QLĐT	Quản lý đào tạo
TĐG	Tự đánh giá
THPT	Trung học phổ thông

## DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ SƠ ĐỒ

Tên bảng	Trang
Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức Học viện Chính sách và Phát triển	8
Bảng 3.1.1. Ma trận tích hợp các phương pháp giảng dạy đáp ứng CDR	38
Bảng 6.2.1. Tỷ lệ giảng viên/người học của Khoa KTQT giai đoạn 2014 - 2019	78
Bảng 6.2.2. Định mức giờ NCKH đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	80
Bảng 6.2.3. Khối lượng giờ dạy và giờ NCKH bình quân/1GV/ năm	80
Bảng 6.7.1. Thống kê về đề tài NCKH của giảng viên Khoa KTQT giai đoạn 2014 – 2019	90
Bảng 6.7.2. Thống kê về các bài đăng trên tạp chí khoa học của giảng viên Khoa KTQT giai đoạn 2014 – 2019	91
Bảng 8.1.1. Kết quả tuyển sinh ngành Kinh tế Quốc tế giai đoạn 2015 – 2019	108
Bảng 8.2.1. Thống kê tình hình tuyển sinh của ngành Kinh tế quốc tế giai đoạn 2015 - 2019	110
Bảng 8.3.1. Tình hình sinh viên KTQT thôi học qua các năm học từ 2014 - 2019	113
Bảng 10.4.1. Một số đề tài khoa học do giảng viên Khoa Kinh tế quốc tế thực hiện đã được ứng dụng trong đào tạo	142
Bảng 11.1.1. Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp/thôi học ngành KTQT các khóa K2, K3, K4, K5, K6	152
Bảng 11.1.2. Đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và Tỷ lệ sinh viên thôi học của sinh viên ngành KTQT	153
Bảng 11.3.1. Tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp ngành KTQT	157
Bảng 11.3.2. Đối sánh người học có việc làm trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp của 02 CTĐT KTQT và KT	157
Bảng 11.4.1. Đối sánh kết quả NCKH của sinh viên ngành KTQT và sinh viên chuyên ngành Kinh tế	161

## **PHẦN I. KHÁI QUÁT**

### **1.1. Đặt vấn đề**

Học viện Chính sách và Phát triển được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) cho phép đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế Quốc tế theo Quyết định số 2672/QĐ-BGDĐT ngày 24/07/2012. Trong giai đoạn 2010 - 2019, Học viện đã tuyển sinh được 10 khóa, trong đó có 06 khóa đã tốt nghiệp (từ khóa 01 đến khóa 06). Thông qua chương trình đào tạo (CTĐT) này, Học viện đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, sinh viên ra trường làm việc trong nhiều lĩnh vực từ các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp. Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, trong đó hội nhập mạnh mẽ về kinh tế quốc tế, thì yêu cầu đặt ra đối với các trường đại học là phải tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, hội nhập với khu vực và thế giới theo xu hướng tất yếu chung của thị trường lao động, Học viện triển khai tự đánh giá các CTĐT, trong đó có CTĐT trình độ đại học ngành Kinh tế quốc tế (KTQT).

Báo cáo tự đánh giá CTĐT với kết cấu gồm 04 phần: Phần I. Khái quát, nêu tóm tắt về Học viện, về Khoa KTQT, về báo cáo tự đánh giá; Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục (1) Mô tả, (2) Điểm mạnh, (3) Điểm tồn tại, (4) Kế hoạch hành động, (5) Tự đánh giá; Phần III. Kết luận, tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại, kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT; Phần IV. Phụ lục. Nội dung của báo cáo tập trung TĐG gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, được khái quát như sau:

- Về mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT: Mục tiêu của CTĐT ngành KTQT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học (GDDH) quy định tại Luật Giáo dục Đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

- Về bản mô tả CTĐT: Bản mô tả CTĐT ngành KTQT được xây dựng trên cơ sở CTĐT ban hành từ năm 2018 theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Học viện, của Khoa KTQT, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực cho các tổ chức trong nước và có định hướng khu vực ASEAN. Bản mô tả CTĐT ngành KTQT cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá học phần.

- Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH): CTDH ngành KTQT được cấu trúc hợp lý và hệ thống; tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Học viện với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, chuẩn thái độ; gắn với môi trường thực tiễn, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá sinh viên được sử dụng nhằm đảm bảo đạt các CDR chung của CTDH và các CDR của từng học phần. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTDH ngành KTQT liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTDH tổng thể và thay đổi theo hướng gắn với nhu cầu của môi trường làm việc trong thực tiễn của người học sau khi tốt nghiệp.

- Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học: Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Học viện và của ngành KTQT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

- Về đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học: Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục Đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Học viện và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT

của người học thuộc ngành KTQT được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CDR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như các kỹ năng giành cho ngành KTQT. Các quy định về đánh giá KQHT của người học đều được thông báo công khai tới người học thông qua Sổ tay sinh viên lúc mới nhập học và trong quá trình học. Trước khi bắt đầu học mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. KQĐG được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiêu nại về KQHT.

- Về đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên của Khoa KTQT được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Đội ngũ giảng viên của Khoa có lợi thế là đơn vị trực thuộc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, do vậy, có điều kiện tham gia rất nhiều sự kiện lớn về kinh tế và chính sách hay các lớp học ngắn hạn trong và ngoài nước để cập nhật cũng như bổ sung kiến thức cả lý thuyết và thực tiễn vào quá trình giảng dạy ngành KTQT. Quá trình tuyển dụng, đề bạt cán bộ giảng viên được thực hiện công khai, đúng quy định; dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của giảng viên. Bên cạnh đó, công tác quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên được triển khai đồng bộ nhằm tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Giảng viên tham gia giảng dạy, nghiên cứu các CTĐT ngành KTQT bao gồm 20 giảng viên cơ hữu ngành, giảng viên cơ hữu giáo dục đại cương và đội ngũ giảng viên thỉnh giảng. Các giảng viên thỉnh giảng là các giáo sư, tiến sĩ của các trường đại học lớn, các chuyên gia thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, cán bộ của các tập đoàn công ty lớn có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) như SamSung, Honda, Toyota...



Chất lượng của đội ngũ giảng viên được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch giảng viên, tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, năng lực của đội ngũ giảng viên, kế hoạch phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, đánh giá kết quả công việc của giảng viên, kết quả các hoạt động nghiên cứu của giảng viên.

- Về đội ngũ nhân viên: Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Học viện Chính sách và Phát triển luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Học viện đã thực hiện tốt công tác phát triển đội ngũ nhân viên. Chất lượng của đội ngũ nhân viên được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch nhân viên; qua quá trình tuyển dụng nhân viên với các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn rõ ràng, minh bạch; qua năng lực của đội ngũ nhân viên; qua các kế hoạch đào tạo phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhân viên và qua quá trình đánh giá kết quả công việc của đội ngũ nhân viên.

- Về người học và hoạt động hỗ trợ người học: Tất cả các hoạt động của Học viện đều hướng đến mục tiêu hỗ trợ người học phát huy tối đa năng lực bản thân trong học tập và nghiên cứu khoa học (NCKH). Để giúp người học tham gia quá trình đào tạo, Học viện thành lập các đơn vị chức năng như: Phòng Quản lý Đào tạo (QLĐT), Phòng Chính trị và Công tác sinh viên (CT&CTSV), Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, đội ngũ cố vấn học tập, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Đoàn Thanh niên, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác và các Câu lạc bộ sinh viên. Trong các năm qua, Học viện Chính sách và Phát triển, Khoa KTQT đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ và rèn luyện của người học một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo chung của Học viện.

- Hiện nay, Học viện đã đầu tư xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị khá đầy đủ, sử dụng có hiệu quả, phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu bao gồm: (1) Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức

năng phù hợp với các trang thiết bị, đảm bảo cho việc dạy và học; (2) Hệ thống Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật; (3) Hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và sử dụng hiệu quả; (4) Hệ thống công nghệ thông tin ngày càng được nâng cấp; (5) Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai hợp lý.

- Về nâng cao chất lượng: Học viện Chính sách và Phát triển và Khoa KTQT đang từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng đào tạo. Cụ thể, tiến hành rà soát, CTDH, CTĐT, rà soát nội dung giảng dạy, phương pháp dạy – học... các công tác này được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan gồm giảng viên, người học, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, qua đó giúp Khoa có cơ sở thiết kế và phát triển CTDH hiệu quả. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, các kết quả từ việc dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan thúc đẩy việc cải tiến chất lượng đào tạo.

- Về kết quả đầu ra: Nhằm đảm bảo chất lượng của các CTĐT, việc định kỳ đánh giá kết quả đầu ra được xem là một trong số những cách thức quan trọng. Những vấn đề mà Học viện quan tâm khi tiến hành đánh giá về kết quả đầu ra bao gồm tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, NCKH của sinh viên và mức độ hài lòng của các bên liên quan.

- Mã hóa minh chứng: Đối với từng tiêu chí trong tiêu chuẩn, nội dung mô tả có minh chứng kèm theo. Minh chứng được mã hóa theo cách thức Hn.ab.cd.ef, trong đó: H là hộp minh chứng, n là số thứ tự hộp minh chứng, ab là số thứ tự tiêu chuẩn, cd là số thứ tự tiêu chí, ef là số thứ tự của minh chứng trong tiêu chí. Ví dụ, H01.01.02.11 nghĩa là minh chứng đó thuộc Hộp minh chứng thứ nhất của tiêu chuẩn 01, phục vụ cho tiêu chí thứ 2 và đây là minh chứng thứ 11.

- Mục đích tự đánh giá: Giúp Khoa, Học viện tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các Kế hoạch cải tiến chất lượng

nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo hiệu quả hơn; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa và Học viện trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã xác định; tạo điều kiện cần thiết để Học viện đăng ký đánh giá ngoài.

- Quy trình tự đánh giá: Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành Kinh tế quốc tế trình độ đại học; Bước 2. Lập kế hoạch TĐG; Bước 3. Họp Hội đồng TĐG, ban thư ký, nhóm công tác để triển khai và phân công; Bước 4. Triển khai viết báo cáo TĐG (phân tích nội hàm yêu cầu tiêu chí, thu thập số liệu thông tin MC, viết phiếu đánh giá tiêu chí, tổng hợp báo cáo TĐG); Bước 5. Họp Hội đồng thông qua báo cáo TĐG và công bố toàn Học viện.

- Phương pháp tự đánh giá: mỗi tiêu chí được viết theo trình tự: Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những tồn tại từ đó đưa ra Kế hoạch hành động phù hợp và khả thi.

- Công cụ tự đánh giá: Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT ban hành tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 và các văn bản hướng dẫn khác của Cục Quản lý chất lượng – Bộ GD&ĐT.

- Phạm vi đánh giá: TĐG CTĐT trình độ đại học ngành KTQT, giai đoạn từ tháng 1/2015 đến tháng 12/2019.

Học viện đã ban hành Quyết định số 670a/QĐ-HVCSPT ngày 12/08/2019 về tự đánh giá CTĐT trình độ Đại học ngành KTQT và kèm theo Quyết định này là danh sách thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành KTQT. Học viện đã tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Để triển khai TĐG, Trường khoa tiến hành họp Khoa KTQT và Viện Đào tạo Quốc tế đã phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: khảo sát các bên liên quan; thu thập, phân loại, mã hóa MC; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG; sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Học viện cung cấp số liệu thông tin MC cần thiết cho Khoa.

## **1.2. Tổng quan chung**

### ***1.2.1. Khái quát về Học viện Chính sách và Phát triển***

Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập theo Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ, là trường Đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục đại học quốc dân. Về tổ chức, Học viện trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư – cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tham mưu đề xuất các chính sách kinh tế vĩ mô và thống kê.

- Tên bằng tiếng Anh: Academy of Policy and Development
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: HCP
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: APD
- Cơ quan Bộ chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Địa chỉ: Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- + Trụ sở chính: Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội
- + Cơ sở 2: Tòa nhà D25 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (024) 37957368
- Fax: (024) 37475217.
- Website: <http://apd.edu.vn>

**TẦM NHÌN:** Đến năm 2030, Học viện trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu đạt chuẩn quốc gia về chất lượng, nằm trong nhóm các trường đại học có uy tín ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á; trở thành trung tâm nghiên cứu có uy tín trong nước và khu vực.

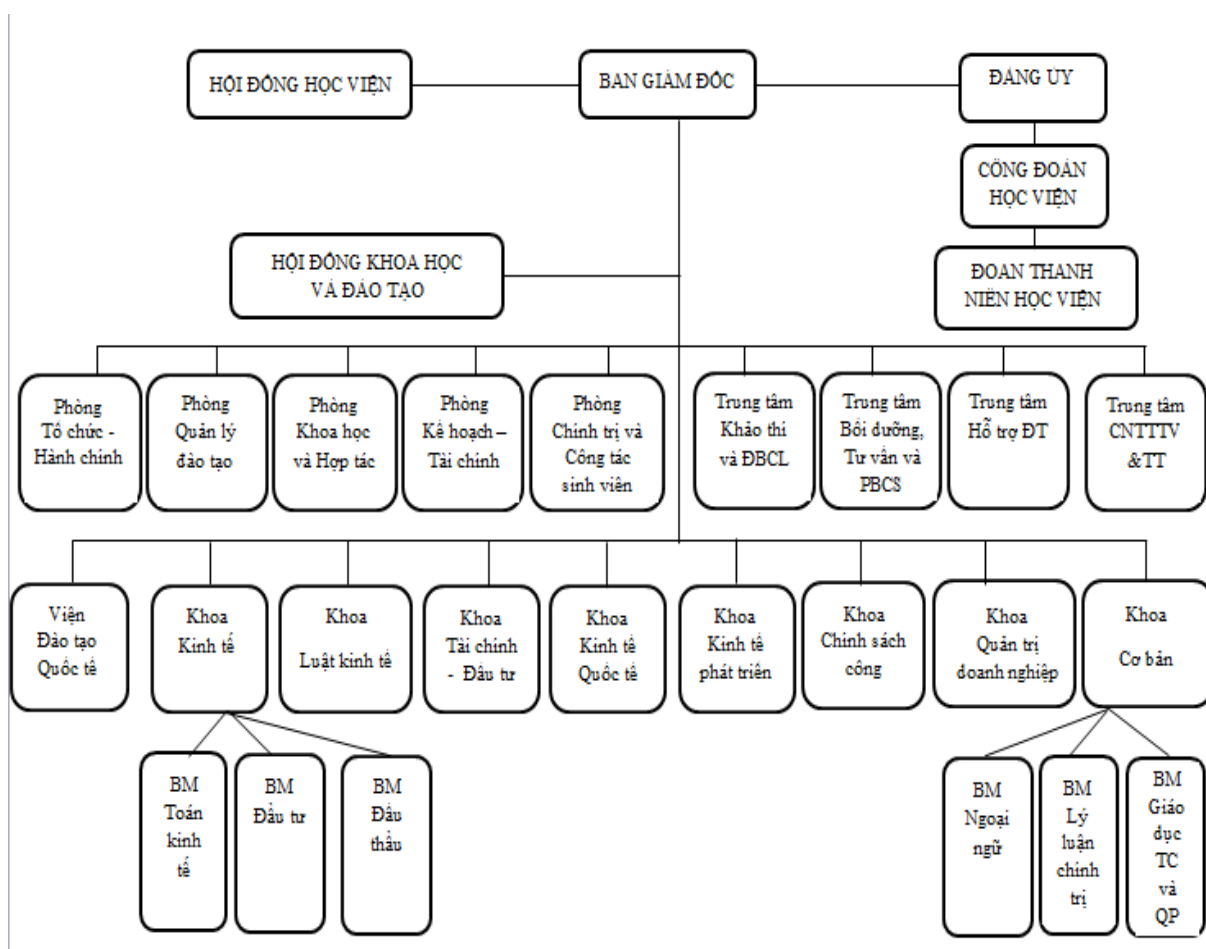
**SỨ MỆNH:** Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, thạc sỹ, tiến sỹ về chính sách công, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách.

**TRIẾT LÝ GIÁO DỤC:** Chất lượng, Phát triển bền vững và Hội nhập quốc tế.

**GIÁ TRỊ CỐT LÕI:** Chất lượng – Minh bạch – Trí tuệ và Phát triển.

**Về cơ cấu tổ chức:** hiện nay cơ cấu tổ chức của Học viện gồm: Đảng bộ Học viện; Các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên); Ban Giám đốc; Hội đồng Khoa học và Đào tạo; 09 đơn vị chức năng giúp Giám đốc Học viện thực hiện hoạt động quản lý và 09 đơn vị đào tạo gồm 01 Viện Đào tạo Quốc tế, 07 khoa chuyên ngành và 01 khoa cơ bản (Sơ đồ 1.1). Tổng số cán bộ giảng viên của Học viện tính tại thời điểm 31/12/2019 là 124 người, trong đó có 78 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 61,3% tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu toàn Học viện. Cơ cấu gồm 04 người là Phó Giáo sư, 23 người là Tiến sĩ (không kể PGS), 54 người là Thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên (không kể PGS) trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 22,3%. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 71,1%. Học viện chưa thành lập Hội đồng Học viện.

**Sơ đồ 1.1: Cơ cấu tổ chức Học viện Chính sách và Phát triển**



**Các hoạt động chính:** (1) Đào tạo đại học và sau đại học; (2) Hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế (nghiên cứu các lĩnh vực chính là Kinh tế vĩ mô, quy hoạch phát triển, quản lý chính sách và đầu tư tài chính); (3) Tư vấn, phản biện chính sách; (4) Đào tạo và bồi dưỡng.

*(1) Đào tạo đại học và sau đại học*

Hiện nay, Học viện đang đào tạo 07 ngành trình độ đại học, 04 ngành trình độ thạc sĩ với quy mô trên 3.000 sinh viên, học viên cao học.

Đối với đào tạo đại học, Học viện đang tổ chức 17 chương trình đào tạo (CTĐT) hệ chuẩn (hệ đại trà) và 04 CTĐT chất lượng cao. Quá trình tuyển sinh đầu vào được thực hiện theo Quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với đào tạo sau đại học, Học viện đang triển khai 04 CTĐT thạc sĩ trong nước (Chính sách công, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển) và 01 CTĐT liên kết (Kinh tế quản lý công với trường Đại học Rennes 1 của Pháp).

*(2) Hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế*

Hoạt động NCKH tại Học viện Chính sách và Phát triển bao gồm các hoạt động về nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách tập trung các lĩnh vực: Chính sách phát triển, kinh tế vĩ mô, kinh tế quốc tế, tài chính ngân hàng; triển khai, xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Học viện. Học viện chú trọng đầu tư vào các đề tài NCKH gắn liền với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu về đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ và các vấn đề nghiên cứu công nghệ phục vụ trực tiếp cho việc dạy học của giảng viên và sinh viên. Đồng thời, Học viện khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tham gia đấu thầu đề tài NCKH các cấp; có bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế phù hợp với định hướng nghiên cứu để có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Học viện đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong việc NCKH và tiếp cận khai thác chương trình Quốc tế theo phương thức hiện đại, thông qua các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế với các nước có nền giáo dục hiện đại

hơn, tiệm cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện cho giảng viên được bồi dưỡng năng lực giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Học viện; góp phần thực hiện kiểm định CTĐT, kiểm định cơ sở giáo dục. Học viện đã từng bước khẳng định vị thế của mình trong quan hệ hợp tác quốc tế với các trường đại học và các tổ chức trên thế giới. Học viện đã phát triển quan hệ hợp tác với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới, như Đại học Tổng hợp Kinh tế, Thống kê và Tin học Matxcova (MESI) - Nga, Đại học Portland - Mỹ, Đại học Quốc gia Seoul - Hàn Quốc, Trường Lý Quang Diệu (Đại học Quốc gia Singapore) - Singapore, Đại học Nam California – Mỹ. Học viện tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác với 02 tổ chức quốc tế là USAID và KOICA. Các tổ chức này đã tài trợ kinh phí cũng như giới thiệu các chuyên gia nước ngoài đến làm việc và hỗ trợ trong công tác đào tạo và NCKH của Học viện. Hoạt động hợp tác quốc tế đã góp phần không nhỏ giúp Học viện nhanh chóng thực hiện các mục tiêu chiến lược trở thành cơ sở đào tạo và NCKH có uy tín trong nước cũng như trong khu vực.

**Cơ sở vật chất:** Từ năm 2015 – 2019, Học viện tổ chức đào tạo sinh viên và học viên cao học tại Trụ sở tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, địa chỉ: ngõ 7, Tôn Thất Thuyết, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội với diện tích phòng học là 1.950 m<sup>2</sup>. Từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, Học viện đã chuyển ra trụ sở đào tạo tại Lô CT11 khu đô thị Nam An Khánh thuộc phần mở rộng – Khu B, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, với quy mô đất thuộc dự án là 50.700m<sup>2</sup>. Học viện có tổng diện tích phòng học, phòng thực hành là 13.811 m<sup>2</sup> với trang thiết bị giảng dạy hiện đại phục vụ cho việc giảng dạy, học tập với quy mô 7.000 sinh viên và học viên.

**Tài chính:** Học viện Chính sách và Phát triển là đơn vị sự nghiệp công lập đồng thời là đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo luật ngân sách bao gồm các khâu lập, chấp hành và quyết toán ngân sách. Công tác quản trị tài chính nội bộ của Học viện được thực hiện tốt và đảm bảo phát huy hiệu quả cho các hoạt động của Học viện. Các chế độ chính sách của sinh viên được đảm bảo và đóng góp vào nguồn thu ngân sách nhà nước thông qua nộp các nghĩa vụ thuế. Đời sống cán bộ giảng viên ngày càng được cải thiện. Các kết luận của kiểm toán 2014 và

biên bản xét duyệt ngân sách hàng năm đều khẳng định hoạt động quản lý tài chính của Học viện đều công khai và minh bạch.

Trong 3 năm trở lại đây (2017-2019), trong cơ cấu nguồn thu của Học viện, nguồn thu từ ngân sách Nhà nước chiếm khoảng 27-30%, nguồn thu từ học phí, lệ phí các loại chiếm khoảng 60-70%, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ chiếm khoảng 3-8%. Năng lực tự chủ tài chính của Học viện đáp ứng được khoảng 60-70%.

**Khen thưởng:** Học viện Chính sách và Phát triển nhiều năm liền đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Bằng khen. Năm 2013, Học viện được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Công đoàn Học viện đã nhận được 02 Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, 15 bằng khen của Công đoàn Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tập thể và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn cơ sở trong những năm qua. Từ 2012 đến nay, Đoàn Thanh niên Học viện đã nhận được 03 Bằng khen của Trung ương Đoàn và 05 Bằng khen của Đoàn Thanh niên Khối các cơ quan Trung ương và nhiều giấy khen của Đoàn Thanh niên Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

### ***1.2.2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế quốc tế***

Khoa KTQT tiền thân là Khoa KTĐN được thành lập ngay từ khi thành lập Học viện vào năm 2009 theo Quyết định số 355/QĐ-HVCSPT, ngày 31/07/2009 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển. Năm 2018, Khoa được đổi tên thành Khoa KTQT theo Quyết định số 532/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018.

Website: <http://apd.edu.vn/khoa-kinh-te-doi-ngoai>

*Cơ cấu tổ chức của Khoa:*

Về cơ cấu tổ chức, Khoa KTQT có 01 trưởng khoa, 01 phó trưởng khoa, 01 trợ lý khoa và 14 giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy 2 bộ môn KTĐN và Thương mại quốc tế. Hội đồng Khoa được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Học viện, bao gồm 01 Chủ tịch, 01 phó Chủ tịch và 01 Thư ký và các thành viên. Về công tác Đảng, các cán bộ, giảng viên của Khoa là Đảng viên tham gia sinh hoạt tại Chi bộ 2 (Chi bộ khối cán bộ phòng ban) và Chi bộ 3 (Chi bộ khối giảng viên). Về công tác Đoàn, một số cán bộ, giảng viên của Khoa tham gia



sinh hoạt tại Chi đoàn khối cán bộ giảng viên của Học viện. Các cán bộ giảng viên trong Khoa đều là thành viên của Tổ công đoàn Khoa trực thuộc Công đoàn Học viện Chính sách và Phát triển.

*Nhân sự của Khoa:*

Nhân sự của Khoa bao gồm 24 GV cơ hữu ngành, giảng viên cơ hữu giáo dục đại cương, đội ngũ giảng viên thỉnh giảng và 01 Trợ lý khoa. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là các giáo sư, tiến sĩ của các trường đại học lớn, các chuyên gia thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, cán bộ của các tập đoàn công ty lớn có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) như Samsung, Honda, Toyota... Ngoài ra, trong giai đoạn 2014-2015, Khoa được tiếp nhận 01 chuyên gia đến từ Hàn Quốc là Chuyên gia Roh Young Guhk làm việc thường xuyên về NCKH và giảng dạy cho sinh viên ngành KTQT.

*Hoạt động đào tạo của Khoa:*

Về hoạt động đào tạo, hiện Khoa phụ trách triển khai CTĐT đại học hệ chính quy ngành KTQT với 02 chuyên ngành: chuyên ngành KTĐN và chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics và triển khai CTĐT thạc sỹ chuyên ngành KTQT. Riêng chuyên ngành Kinh tế đối ngoại chất lượng cao (KTĐN CLC) do Viện Đào tạo Quốc tế (trước đây là khoa Đào tạo Quốc tế) quản lý. Quy mô tuyển sinh hệ đại học hàng năm của Khoa từ 150 – 200 sinh viên, hệ thạc sỹ là 50 học viên. Tính đến tháng 12 năm 2019, Ngành KTQT đã có 6 khóa ra trường với hơn 450 sinh viên tốt nghiệp, riêng đối với chuyên ngành KTĐN CLC đã có 02 khóa sinh viên ra trường với tổng số sinh viên đã tốt nghiệp là 48 sinh viên. Tỷ lệ sinh viên ra trường có việc sau khi ra trường sau 01 năm tốt nghiệp đạt trên 90%.

*Hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa:*

Về hoạt động NCKH, các cán bộ giảng viên của Khoa tích cực tham gia các đề tài, đề án cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện như: Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam; Nghiên cứu về những thách thức, thuận lợi trong thu hút đầu tư nước ngoài và sự chuẩn bị của Việt Nam khi gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015; Nghiên cứu các chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhằm cải thiện giá trị gia tăng của

hàng xuất khẩu trong điều kiện gia nhập Hiệp định thương mại tự do xuyên Thái Bình Dương (TPP); Brexit – Tác động tới xu hướng đầu tư ra nước ngoài của một số đối tác châu Âu chủ yếu và tác động tới Việt Nam... Đồng thời, các cán bộ, giảng viên của Khoa còn tích cực tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo như Giáo trình Kinh tế quốc tế, giáo trình nội bộ Đầu tư quốc tế, sách chuyên khảo Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, sách chuyên khảo Liên kết doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam<sup>1</sup>..., có nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước; đăng trên tạp chí tuy tín ISI.

*Hoạt động về công tác sinh viên:*

Về công tác sinh viên, với vai trò là Khoa quản lý sinh viên, lãnh đạo và cán bộ giảng viên trong Khoa thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị khác trong Học viện triển khai nhiều hoạt động cho sinh viên trong suốt quá trình học tập tại Học viện như: Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, tổ chức các cuộc thi tiếng Anh, Rung chuông vàng, Hội nghị NCKH sinh viên, Hội diễn văn nghệ, Thi cắm trại... Thực hiện quy định của Học viện, đồng thời nhằm hỗ trợ tốt hơn cho sinh viên trong quá trình học tập, Khoa phân công cố vấn học tập cho các lớp sinh viên là các cán bộ giảng viên am hiểu CTĐT, có kinh nghiệm giảng dạy và tư vấn, thường xuyên trao đổi và cung cấp các thông tin hữu ích cho sinh viên. Ngoài những hoạt động chung của Học viện, Khoa phối hợp với Liên Chi đoàn của sinh viên tổ chức các hoạt động như Chào tân sinh viên của Khoa được tổ chức trong phạm vi Học viện hoặc tổ chức dã ngoại, chương trình Nhịp cầu văn hóa, đi thực tế tại cảng Hải Phòng, khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, các khu công nghiệp, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài như Samsung, Honda. Ngoài ra, Khoa còn tổ chức các hoạt động tăng tính thực tiễn cho sinh viên như tham dự các buổi nói chuyện chuyên đề của các chuyên gia đến từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, nghe giảng bằng tiếng Anh từ chuyên gia đến từ Chính phủ Hàn Quốc do tổ chức KOICA tài trợ làm việc thường xuyên ở Khoa từ năm 2014-2015.

---

<sup>1</sup> Đang chờ xuất bản

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### Tiêu chuẩn 1

#### Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

##### Mở đầu

*Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KTQT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển, phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học quy định tại luật GDDH. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. CĐR của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kì rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.*

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học***

##### 1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT ngành KTQT được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng, điều chỉnh CTĐT với các yêu cầu về hình thức, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của đào tạo trình độ đại học. Theo đó, tại bước 3 nêu rõ nhóm soạn thảo CTĐT cần: “*Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ, Tin học) và chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của CTĐT trên cơ sở nghiên cứu CTĐT hiện hành của cơ sở đào tạo có uy tín trong nước và nước ngoài, tham khảo ý kiến chuyên gia*”. [H1.01.01.01]. Mục tiêu của CTĐT ngành KTQT được nêu cụ thể trong các quyết định ban hành CTĐT năm 2012, chi tiết hơn vào các năm 2015, 2018, 2019 cho lĩnh vực chuyên sâu là kinh tế đối ngoại và Logistics và Thương mại quốc tế. [H1.01.01.02].

Ở lần sửa đổi cập nhật năm 2018, mục tiêu của CTĐT ngành KTQT là: “*Đào tạo cử nhân đại học ngành KTQT có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế, nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và kinh tế học hiện đại; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe*

*tốt; có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm kiếm, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc”*

Mục tiêu đào tạo cụ thể của chương trình KTQT về kiến thức là:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, chính sách công, pháp luật và nhà nước cũng như khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

Trang bị cho người học kiến thức nền tảng cơ bản và các kiến thức chuyên môn về kinh tế thế giới, các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh tế quốc tế, thấy được vai trò và tầm quan trọng của các chủ thể này trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay.

Trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên môn sâu về sự tác động qua lại lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia; phân tích cơ sở và lợi ích của các quan hệ kinh tế quốc tế, bao gồm thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường quốc tế, tài chính quốc tế, luật kinh tế quốc tế và những chính sách định hướng cho các quan hệ đó; nghiên cứu các hình thức và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến việc hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại của các quốc gia.

Trang bị các công cụ toán học, thống kê kinh tế, phương pháp luận, ngoại ngữ để người học có thể hiểu, phân tích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung và kinh tế quốc tế nói riêng; trang bị các nghiệp vụ cơ bản để thực hiện các hoạt động kinh tế đối ngoại; rèn luyện các kỹ năng mềm để người học để tăng khả năng thích ứng với các vị trí công việc trong tương lai.

Cử nhân ngành KTQT có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích, hoạch định chính sách và hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực và các tổ chức kinh tế quốc tế.

Cử nhân ngành KTQT có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần chủ động sáng tạo, nhiệt tình, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hợp tác trong thực hiện và tự chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao; có phẩm chất chính trị; tuân thủ pháp luật của Nhà nước [H1.01.01.02 (4)].

Mục tiêu của CTĐT ngành KTQT được nêu ở Kế hoạch Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/1/2016), phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện được ban hành kèm theo Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016, là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển, có tư duy sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế, nghiên cứu bồi dưỡng và phản biện chính sách...” [H1.01.01.03].

Mục tiêu đào tạo của chương trình KTQT phù hợp với mục tiêu đào tạo quy định tại Điều 2, Luật Giáo dục năm 2012, sửa đổi năm 2018, đó là: “Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” [H1.01.01.04]. Mục tiêu phù hợp với mục tiêu của Luật Giáo dục đại học: “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế”. Đào tạo người học có “phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu”; “có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp” và “có ý thức phục vụ nhân dân” [H1.01.01.04].

Các mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành KTQT đã đáp ứng được các yêu cầu của mục tiêu cụ thể về giáo dục đại học được quy định tại điểm a) và b) Mục 2 - Điều 5 của Luật Giáo dục đại học, đó là đào tạo người học có “...*kiến thức chuyên môn cơ bản, kỹ năng thực hành thành thạo, hiểu biết được tác động của các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội trong thực tiễn và có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành được đào tạo*” và “*có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo*” [H1.01.01.04].

Đối với chuyên ngành KTĐN CLC việc xác định mục tiêu đào tạo cũng đáp ứng các yêu cầu chung của ngành KTQT song điểm khác biệt nổi bật là trang bị cho người học các kiến thức cập nhật của thế giới và chuẩn đầu ra về ngoại ngữ cao hơn so với chuyên ngành KTĐN hệ đại trà: 550 TOEIC đối với

sinh viên khóa 5, khóa 6 CLC và 5.5 IELTS quốc tế đối với sinh viên K7, K8 CLC và 6.0 IELTS đối với sinh viên K9, K10 CLC so với chuẩn TOEIC 450 của ngành KTQT đại trà không thay đổi từ giai đoạn 2015 đến 2019 [H1.01.01.02]. Với việc thực hiện chương trình KTĐN CLC góp phần thực hiện mục tiêu “hội nhập quốc tế” trong Luật Giáo dục Đại học 2018 thông qua việc học tập với giáo trình nhập khẩu, nhiều giảng viên được đào tạo ở nước ngoài và sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu với các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

Đối với chuyên ngành Logistics, mục tiêu đào tạo chỉ được chi tiết thêm: “ *Cử nhân chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics có khả năng vận dụng các kiến thức về thương mại quốc tế và Logistics để tham gia vào quá trình phân tích, hoạch định chính sách và hoạt động quản lý, cũng như vận hành liên quan đến lĩnh vực thương mại quốc tế và Logistics của quốc gia với các nước, khu vực và các tổ chức kinh tế quốc tế*” [H1.01.01.02] (6)

Việc xây dựng mục tiêu của CTĐT được tiến hành thông qua các cuộc họp cấp Khoa, cấp Học viện [H1.01.01.05]; [H1.01.01.06], được chi tiết rõ ràng [H1.01.01.02 (1)] [H1.01.01.02 (2)] [H1.01.01.02 (4)] cũng như xem xét tham khảo các chương trình tiên tiến khác [H1.01.01.07] và được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện [H1.01.01.08]. Mục tiêu CTĐT được xác định dựa trên cơ sở đóng góp ý kiến của các bên liên quan như các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên. Các ý kiến có trọng tâm vào mục tiêu của CTĐT ngành KTQT được xác định rõ ràng [H1.01.01.09 (1)]. Tuy nhiên, mục tiêu của CTĐT ngành KTQT nhiều mục tiêu kiến thức và kỹ năng được cụ thể hóa nhưng chưa được đưa vào trong bảng hỏi ý kiến của các tổ chức nghề nghiệp, giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên. Trong bảng câu hỏi mới dừng lại ở câu “ *Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng*” và mục tiêu chương trình đào tạo là phù hợp [H1.01.01.09 (1)]. Nếu các mục tiêu cụ thể được đưa vào câu hỏi khảo sát và có thêm hình thức khảo sát online, sẽ giúp duy trì việc xác định mục tiêu của CTĐT luôn luôn đảm bảo tính rõ ràng hơn nữa cho các đối tượng liên quan đến CTĐT.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành KTQT được công bố rộng rãi công khai bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau để sinh viên và các đối tượng liên quan dễ dàng tiếp cận [H1.01.01.11].

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu của CTĐT ngành KTQT được xác định rõ ràng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện, có tính bền vững và có khảo sát thị trường lao động liên quan đến CTĐT và phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu và rộng như hiện nay.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa có hướng dẫn chi tiết về xác định mục tiêu của CTĐT trong Quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Học viện.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa tiếp tục bám sát các mục tiêu đã xác định cho CTĐT để nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Trong năm học 2020 – 2021, Học viện giao Phòng QLĐT rà soát, đề xuất ban hành lại quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT sao cho có các hướng dẫn xác định mục tiêu CTĐT chi tiết hơn.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.1: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo***

### **1. Mô tả**

CĐR của CTĐT ngành KTQT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, CĐR được xây dựng theo đúng các bước được quy định trong Quyết định ban hành Quy trình thiết kế và xây dựng CTĐT, CTDH của Học viện [H1.01.01.01] và quy định của Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐT ngày 22/4/2010, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT và Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ Quốc gia [H1.01.02.01].

CĐR của CTĐT ngành KTQT được nêu trong Bản mô tả CTĐT năm 2018 và Chương trình ngành KTQT năm 2015 thể hiện được các yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể rõ ràng mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Theo đó, CĐR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập và các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy. CĐR của ngành KTQT được quy định năm 2018 với 20 CĐR, trong đó, 13/20 CĐR về kiến thức cơ bản và chuyên sâu; 5/20 CĐR về kỹ năng (02 kỹ năng nghề nghiệp và 03 kỹ năng mềm); 2/20 CĐR về Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Về tiếng Anh, sinh viên phải đạt chuẩn TOEIC 450 quốc tế hoặc tương đương trở lên, về Tin học, sinh viên phải đạt chuẩn IC3 hoặc MOS [H1.01.01.02 (3)] [H1.01.01.02 (6)].

CĐR của CTĐT ngành KTQT bao gồm các kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai [H1.01.01.02 (2)], [H1.01.01.02 (4)] [H1.01.01.02 (6)]:: *“Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản, đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh... Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới”*; và *“Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về thương mại quốc tế bao gồm các nguyên tắc, công cụ... Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về đầu tư quốc tế bao gồm các lý thuyết về di chuyển quốc tế về vốn, các nguyên tắc, công cụ của đầu tư trực tiếp nước ngoài, đầu tư gián tiếp. Hiểu và có kiến thức chuyên môn sâu về thị trường quốc tế;... Nắm vững và có kiến thức chuyên môn về tài chính quốc tế; Có kiến thức chuyên môn sâu về Luật kinh tế quốc tế, về Đàm phán kinh tế quốc tế, đánh giá và phân tích, ứng dụng được các kiến thức này vào hỗ trợ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn;... Có khả năng vận dụng các kiến thức về KTQT để tham gia vào quá trình hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực, các tổ chức quốc tế”* [H1.01.01.02 (3)]. *Vận dụng kiến thức .....về quản trị kinh doanh logistics để xử lý các công việc trong doanh nghiệp cùng lĩnh vực; Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên môn logistics; quản lý chuỗi cung ứng trong thực thi chính sách của các cơ quan nhà nước về chuyên ngành cũng như*



*các giao dịch logistics của các doanh nghiệp vận tải trong nước và quốc tế; Vận dụng các kiến thức về đàm phán trong kinh doanh nội địa và quốc tế và kiến thức nghiệp vụ sâu về xuất nhập khẩu, marketing dịch vụ trong các giao dịch ngoại thương và logistics; tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường của các doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng như trong giao dịch với các cơ quan nhà nước quản lý chuyên ngành thương mại quốc tế và logistics; Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành về thương mại quốc tế và logistics để có thể xác định hướng nghiên cứu, thu thập xử lý, phân tích số liệu; Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích chính sách Thương mại quốc tế và Logistics, kinh tế quốc tế. [H1.01.01.02 (6)].*

Có CĐR về kỹ năng nghề nghiệp: *“Khả năng làm việc trong các ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực kinh tế quốc tế; Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc”. Có CĐR về kỹ năng mềm: “Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo” [H1.01.01.02 (2)].*

Người học sau hoàn thành chương trình học được trang bị năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: *“Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể” [H1.01.01.02 (2)].*

Ở chương trình KTĐN CLC, các CĐR đảm bảo bám sát các yêu cầu về CĐR chung của ngành KTQT đồng thời nhấn mạnh vào một số điểm khác biệt về CĐR tiếng Anh (yêu cầu mức 550 TOEIC đối với sinh viên khóa 5, khóa 6 CLC và 5.5 IELTS quốc tế đối với sinh viên K7, K8 CLC và 6.0 IELTS đối với sinh viên K9, K10 CLC so với chuẩn TOEIC 450 của ngành KTQT đại trà không thay đổi từ giai đoạn 2015 đến 2019) và yêu cầu về kiến thức thực tiễn, kỹ năng mềm (do chương trình được thiết kế tăng cường thời lượng các buổi nói chuyện chuyên đề, các chuyến khảo sát thực tế và phương pháp giảng dạy theo giáo trình nhập khẩu).

CTĐT cử nhân ngành KTQT đã bao quát được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình, thể hiện chi tiết trong Bản mô tả, CTĐT và đề cương chi tiết các học phần, ma trận các kỹ năng, được tích hợp với CĐR của từng môn học trong CTĐT ngành KTQT bao gồm khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành CĐR được tích hợp với mục tiêu của CTĐT. Tuy nhiên, CĐR về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học mới được chỉ ra, cần chi tiết hơn ở đề cương các môn học cơ sở ngành như Kinh tế quốc tế, Đầu tư quốc tế và các môn học ngành KTQT [H1.01.02.02], [H1.01.02.03].

CĐR tiếng Anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của Học viện Chính sách và Phát triển được ban hành tại Quyết định số 432/QĐ-HVCSPT ngày 27/08/2014 theo đó quy định CĐR đối với sinh viên ngành KTQT là 450 TOIEC quốc tế trở lên hoặc tương đương áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2014 [H1.01.02.02]; CĐR tiếng Anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học chương trình Chất lượng cao của Học viện Chính sách và Phát triển được ban hành tại Quyết định số 432/QĐ-HVCSPT ngày 27/08/2014 theo đó quy định CĐR đối với sinh viên chuyên ngành KTĐN là 550 TOIEC quốc tế trở lên hoặc tương đương áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2014 và từ 5.5 IELTS áp dụng với khóa tuyển sinh các năm 2016, 2017 và từ 6.0 IELTS áp dụng từ khóa tuyển sinh 2018 [H1.01.02.02]; Quyết định số 462/QĐ-HVCSPT ngày 12/09/2014 về việc Ban hành quy định áp dụng CĐR Tin học đối với sinh viên ngành KTQT là IC3 hoặc MOS áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2014 [H1.01.02.02].

## **2. Điểm mạnh**

CĐR của ngành KTQT được xây dựng nghiêm túc, rõ ràng theo các mức độ từ tổng hợp đến chi tiết các khối kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ cho người học. CĐR phù hợp với mục tiêu đào tạo của Khoa và Học viện, có thể hiện triển vọng vị trí việc làm đa dạng trong lĩnh vực KTQT cho người học sau khi hoàn thành CTĐT.

## **3. Điểm tồn tại**

Mức độ chi tiết của CĐR của CTĐT về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học còn chưa được chi tiết gắn với từng học phần của CTĐT.

#### **4. Kế hoạch hành động**

##### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa tiếp tục sử dụng các CĐR đã xây dựng cho CTĐT, rà soát và kiểm tra tỷ lệ đạt CĐR của người học.

##### ***- Khắc phục tồn tại***

Năm học 2020-2021, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT thực hiện rà soát CĐR của CTĐT năm 2018, sẽ tiến hành rà soát các CĐR và tiếp tục chi tiết hơn về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm trong các đề cương các học phần thuộc cơ sở ngành cho môn học Kinh tế quốc tế, Đầu tư quốc tế và các môn học còn lại thuộc phân chuyên ngành.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.2: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kì rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai***

##### **1. Mô tả**

CĐR của CTĐT ngành KTQT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan như chuyên gia, các hiệp hội nghề nghiệp, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các nhà quản lý. Khoa tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT cử nhân ngành KTQT qua 2 giai đoạn: (i) khảo sát khi xây dựng CĐR, CTĐT và (ii) khảo sát khi CTĐT đang triển khai áp dụng để cập nhật, cải tiến. Ý kiến của các nhà tuyển dụng trong biên bản lấy ý kiến về CĐR của chương trình là: “CĐR của CTĐT ngành KTQT là phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của cơ quan” [H1.01.01.09 (1)]. Tổng hợp các ý kiến khảo sát cho thấy hầu hết các nhà tuyển dụng đều đánh giá là CĐR là phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Ý kiến của người đang học hầu hết đánh giá “CĐR phản ánh được mục tiêu của CTĐT và CĐR tương thích với yêu cầu của thị trường lao động, Chuẩn đầu ra của CTĐT nêu rõ kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học cần đạt được” [H1.01.01.09 (2)]. Sinh viên đã tốt nghiệp từ khóa 1 và khóa 5 (đối với hệ Đại trà) và khóa 5, khóa 6 (đối với chương trình KTĐN CLC) đã gửi thư cho Khoa trong đó chuyển ý kiến nhận xét

của nhà tuyển dụng nhận xét chung là một số bạn cựu sinh viên được đào tạo tốt hơn so với Đại học Ngoại thương Hà Nội và muốn tìm sinh viên tốt nghiệp ngành KTQT của Học viện để tuyển dụng và nhận thực tập [H1.01.01.09 (1)] [H1.01.01.09 (3)]. Việc lấy ý kiến các bên liên quan cần có sự tham gia rộng của các nhà tuyển dụng thuộc khu vực nhà nước quản lý lĩnh vực KTQT còn chưa nhiều. Hơn nữa, Học viện cần có phần mềm khảo sát online để thuận tiện hơn và tiết kiệm thời gian cho việc gửi các tài liệu để xin ý kiến cũng như thực hiện tổng kết các báo cáo từ kết quả xin ý kiến của các bên liên quan.

CĐR của CTĐT ngành KTQT được định kỳ rà soát điều chỉnh theo đúng kế hoạch của Học viện [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Năm 2015, Học viện công bố CĐR của các ngành đào tạo trong đó có ngành KTQT với CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ tại Quyết định số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015 và được Học viện ra soát nội bộ vào năm 2016, 2017 nhưng không có sự điều chỉnh [H1.01.02.02] [H1.01.03.01].

Học viện có quy định về CĐR Tin học và tiếng Anh [H1.01.02.02]. Hàng năm khi kết thúc năm học, Học viện và Khoa KTQT/Viện ĐTQT luôn có các biên bản họp về việc đánh giá kết quả CĐR tiếng Anh, Tin học, CĐR của CTĐT, biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp..., những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học [H1.01.03.01]. Trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan [H1.01.01.06], [H1.01.01.09] năm 2018, CĐR của CTĐT ngành KTQT được điều chỉnh, bổ sung chi tiết hơn CĐR về kiến thức chuyên môn sâu trong lĩnh vực KTQT, thể hiện trong Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo [H1.01.01.08] theo hướng đáp ứng nhu cầu của thực tiễn với 20 CĐR cụ thể tương ứng với 3 nhóm chuẩn chủ yếu: kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp [H1.01.02.02], [H1.01.03.02].

CĐR của CTĐT ngành KTQT được công bố rộng rãi công khai bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau theo đúng quy định [H1.01.02.01]: (1) đăng trên trang chủ của Khoa KTQT/Viện ĐTQT, Học viện Chính sách và Phát triển tại <http://apd.edu.vn/khoa-kinh-te-oi-ngoai>; (2) công bố trên trang tin chỉ tới từng sinh viên của chương trình <http://tinchi.apd.edu.vn>; (3) giới thiệu tới sinh viên trong tuần sinh hoạt sinh viên đầu khóa, được nhắc lại trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu năm; công bố trong kế hoạch tuyển sinh và trên các

phương tiện thông tin đại chúng [H1.01.01.11], điều này giúp cho người học và các bên liên quan tiếp cận được dễ dàng hơn với thông tin về CĐR của CTĐT.

## **2. Điểm mạnh**

CĐR của CTĐT ngành KTQT được kịp thời bổ sung, điều chỉnh gắn với yêu cầu từ thực tiễn của thị trường lao động, các ý kiến của các bên liên quan. CĐR phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành KTQT được đánh giá tốt hơn về kiến thức, kỹ năng so với sinh viên có chuyên ngành tương tự nhưng tốt nghiệp ở trường top 1 như Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR chưa huy động được sự tham gia nhiều của nhà tuyển dụng các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực KTQT. Học viện thiếu phần mềm khảo sát online.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa tiếp tục thực hiện bổ sung, điều chỉnh CĐR gắn với yêu cầu của thị trường lao động theo định kỳ 2 năm/lần từ năm 2018 dựa trên cơ sở tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành KTQT .

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Kỳ 2 năm học 2019 -2020, Khoa đề xuất với Học viện thông qua Trung tâm KT&ĐBCL về việc xây dựng phần mềm khảo sát online phục vụ cho khảo sát, đánh giá CTĐT; gửi CĐR và lấy ý kiến phản hồi tại đơn vị thực tập của gần 100 sinh viên của khóa 7 đang trong giai đoạn thực tập từ tháng 1/2020 đến tháng 6/2020.

Năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với Phòng, Trung tâm liên quan lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, cơ quan có liên quan đến lĩnh vực KTQT về CĐR của CTĐT để rà soát, điều chỉnh bổ sung, điều chỉnh nội dung này.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.3: Đạt (mức 5/7).**

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1:***

#### ***- Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:***

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KTQT của Học viện có một số điểm mạnh: (1) Mục tiêu của CTĐT ngành KTQT được xác định rõ ràng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện, có tính bền vững và có khảo sát thị trường lao động liên quan đến CTĐT và phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu và rộng như hiện nay; (2) CĐR của ngành KTQT được xây dựng nghiêm túc, rõ ràng theo các mức độ từ tổng hợp đến chi tiết các khối kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ cho người học, phù hợp với mục tiêu đào tạo của Khoa và Học viện, có thể hiện triển vọng vị trí việc làm đa dạng trong lĩnh vực KTQT cho người học sau khi hoàn thành CTĐT; (3) CĐR của CTĐT ngành KTQT được kịp thời bổ sung, điều chỉnh gắn với yêu cầu từ thực tiễn của thị trường lao động, được nhà tuyển dụng đánh giá cao.

#### ***- Tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:***

Tuy nhiên, Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KTQT còn có một số mặt cần hoàn thiện: (1) Chưa có hướng dẫn chi tiết về xác định mục tiêu của CTĐT trong Quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Học viện; (2) Mức độ chi tiết của CĐR của CTĐT về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học còn chưa được chi tiết gắn với từng học phần của CTĐT; (3) Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR chưa huy động được sự tham gia nhiều của nhà tuyển dụng các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực KTQT; Học viện thiếu phần mềm khảo sát online.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

#### ***- Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:***

Tất cả các tiêu chí (3/3) trong Tiêu chuẩn 1 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 03 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3.

## Tiêu chuẩn 2

### Bản mô tả chương trình đào tạo

#### Mở đầu

*Bản mô tả CTĐT ngành KTQT có đầy đủ thông tin và cập nhật theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ Đại học. Tất cả các học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin và cập nhật. Bản mô tả CTĐT xây dựng dựa trên nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực của xã hội và công bố công khai, giúp các bên liên quan dễ tiếp cận. Bản mô tả ngành KTQT là tài liệu cung cấp các thông tin về thời gian đào tạo; mục tiêu; thông tin tuyển sinh, CDR; cấu trúc và nội dung CTĐT, mô tả tóm tắt các học phần, hoạt động hỗ trợ sinh viên, ma trận liên kết thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần; các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần, điều kiện tốt nghiệp.*

#### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật***

##### **1. Mô tả**

Bản mô tả CTĐT ngành KTQT được xây dựng theo Hướng dẫn xây dựng mô tả chương trình đào tạo của Học viện tại Công văn số 01/HVCSPT-QLĐT ngày 09/8/2018 [H1.02.01.01]. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung bao gồm: Tên CTĐT, thời gian đào tạo, mục tiêu, thông tin tuyển sinh, CDR, cấu trúc chương trình và nội dung CTĐT, đề cương tổng quát các học phần (mô tả tóm tắt các học phần), số lượng tín chỉ từng học phần, hoạt động hỗ trợ sinh viên, ma trận liên kết thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần; các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần, điều kiện tốt nghiệp được đối sánh với các CTĐT cùng trình độ [H1.01.01.02 (3)].

Tại bản mô tả CTĐT ngành KTQT cũng quy định về quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp, theo đó điều kiện tốt nghiệp được quy định là: (i) Thời gian học tập tối đa của khóa học; (ii) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự; (iii) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; (iv) Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2,50 trở lên; (v) Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức  $\geq 450$  điểm hoặc tương đương theo quy định, riêng với

chương trình KTĐN CLC yêu cầu tiếng Anh ở mức cao hơn<sup>2</sup>; (iv) Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS; (vi) Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất. Điều này cũng phù hợp với Điều 34, Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.01.01.02 (3)]. Toàn bộ các học phần trong CTĐT ngành KTQT được mô tả tóm tắt theo đúng các đề cương học phần đã được ban hành [H1.02.01.02], [H1.01.01.02(3)].

Tính đầy đủ các nội dung của bản mô tả CTĐT được bên liên quan là nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, nhà quản lý, chuyên gia, sinh viên đánh giá cao CTĐT “Bản mô tả CTĐT nêu được đầy đủ các nội dung về các kiến thức, kỹ năng mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt được” *“Bản mô tả CTĐT nêu được các thông tin cần thiết, cập nhật, giúp người đọc hiểu được toàn diện nội dung của chương trình đào tạo “[H1.01.01.02 (3)] [H1.01.01.09]. Tuy nhiên, thông tin về nội dung chi tiết của đề cương các học phần chưa đầy đủ các thông tin chỉ được mô tả dạng vắn tắt và tổng quát, do vậy, tính thuận tiện cho việc tra cứu các nội dung chi tiết của các bên liên quan có thể bị hạn chế [H1.01.01.02 (3)]. Bản mô tả CTĐT ngành KTQT được thiết kế gắn với các vị trí việc làm của chuyên ngành, các CĐR, các học phần có nội dung kiến thức và kỹ năng để phục vụ cho một số vị trí việc làm thuộc lĩnh vực KTQT [H1.01.01.02 (3)] [H1.01.01.02 (6)] [H1.02.01.02] [H1.01.01.09].*

Bản mô tả CTĐT ngành KTQT của Khoa được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vừa mang tính khoa học và thực tiễn của các đề tài cấp cơ sở của Khoa có nội dung nghiên cứu vừa liên quan trực tiếp đến cập nhật nội dung CTĐT và liên quan đến chuyên môn sâu của chuyên ngành như: “Giải pháp hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo ngành KTQT nhằm đáp ứng thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế”. Tiếp đến Khoa KTQT đang tiếp tục thực hiện đề tài cấp cơ sở “Đổi mới chương trình đào tạo cho sinh viên KTQT theo hướng đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0” để ứng

---

<sup>2</sup> Cụ thể là mức 550 TOEIC đối với khóa tuyển sinh năm 2014, 2015; mức 5.5 IELTS đối với khóa tuyển sinh năm 2016, 2017; mức 6.0 IELTS đối với khóa tuyển sinh năm 2018, 2019.



dụng tiếp các kết quả nghiên cứu gắn với bối cảnh mới vào cập nhật Bản mô tả CTĐT [H1.06.02.08] [H1.10.04.02], [H1.10.04.04], [H1.10.04.05].

Bản mô tả CTĐT ngành KTQT ban hành tại Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018 cập nhật những vấn đề mới nhất liên quan đến quy chế đào tạo, CDR của CTĐT, tiêu chí tuyển sinh, nội dung CTĐT được ban hành tại Quyết định số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018 [H1.01.01.02 (3)], xu hướng ngành nghề. Chẳng hạn, xu hướng ngành nghề trong bối cảnh Cách mạng 4.0 hiện nay cũng được cập nhật thông qua các học phần Dữ liệu lớn trong kinh tế, kinh doanh, Toàn cầu hóa và các rủi ro, Thương mại quốc tế... [H1.02.01.02].

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung và các thông tin cần thiết, thể hiện sự đóng góp rõ ràng của từng học phần vào CDR của CTĐT ngành KTQT. Ngoài ra Bản mô tả CTĐT được gắn kết với các vị trí việc làm của ngành KTQT. CTĐT của Khoa được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vừa mang tính khoa học và thực tiễn của các đề tài cấp cơ sở của Khoa có nội dung nghiên cứu vừa liên quan trực tiếp đến cập nhật nội dung CTĐT và liên quan đến chuyên môn sâu của ngành.

## **3. Điểm tồn tại**

Bản mô tả CTĐT ngành KTQT được công bố năm 2018, chưa đến thời gian được rà soát, cập nhật và điều chỉnh. Nội dung đề cương các học phần đang ở dạng tổng quát.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa tiếp tục duy trì đầy đủ các nội dung, các thông tin cần thiết, các đóng góp của từng học phần vào CDR, lấy vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp để bổ sung, điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành KTQT đến các định kỳ rà soát kế tiếp.

Tháng 6/2020, nhóm nghiên cứu của Khoa KTQT hoàn thành Đề tài cấp cơ sở: “Đổi mới chương trình đào tạo cho sinh viên KTQT theo hướng đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp

4.0” để cập nhật kết quả nghiên cứu vào ứng dụng trong Bản mô tả CTĐT ngành KTQT ngay tại học kỳ 2 năm học 2019-2020.

***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với các Phòng, Trung tâm liên quan như Trung tâm KT&ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của người học năm cuối, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng để rà soát, cập nhật và chỉnh sửa bản mô tả CTĐT vào năm 2021; phối hợp với Phòng QLĐT bổ sung thêm một số nội dung chi tiết của đề cương các học phần.

**5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.1: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật***

**1. Mô tả:**

Đề cương các học phần của CTĐT ngành KTQT được xây dựng theo các quy định hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần bậc đại học tại Công văn số 82/CV-HVCSPT ngày 08/08/2012 và quy định được ban hành tại Quyết định 494/QĐ-HVCSPT ngày 07/08/2018 và được ban hành kèm theo Quyết định số 531/QĐ-HVCSPT, ngày 10/08/2018 [H1.02.02.01(1)], [H1.01.01.02 (2) (3)], [H1.01.02.03 (2)].

Tất cả đề cương các học phần trong CTĐT bao gồm đầy đủ thông tin bao gồm: tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo... [H1.01.02.03]

CTĐT ngành KTQT năm 2018, tuyển sinh khoá 9 có 62 học phần [H1.01.01.02 (4)], tất cả đề cương các học phần trong CTĐT bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định gồm 09 mục, bao gồm: tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo, hướng dẫn tự học.

Đặc biệt phương pháp đánh giá được thể hiện trong đề cương bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; trọng số của mỗi điểm thành phần, cấu trúc đề thi của các học phần được thể hiện rõ trong đề cương, qua đó, người học biết được chính xác các yêu cầu, nắm được cụ thể hình thức, tính chất, mục đích kiểm tra, thời lượng kiểm tra và các trọng số của từng hình thức kiểm tra.

100% đề cương các học phần với đầy đủ các thông tin nêu trên tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên trong quá trình giảng dạy và học tập, cụ thể là nội dung bài giảng sẽ luôn bám sát theo đề cương đã được xây dựng, đồng thời người học cũng xác định được các yêu cầu cụ thể của môn học/học phần để có phương pháp học tập phù hợp, giúp người học đạt được CĐR trong từng học phần và đạt được CĐR của CTĐT trong giai đoạn 2015 – 2019.

100% đề cương các học phần thuộc CTĐT ngành KTQT được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật 2 năm/lần. Hoạt động rà soát được tiến hành từ hình thức, nội dung, cách sắp xếp từng nội dung, cập nhật tài liệu tham khảo cho từng học phần trong đề cương các học phần dựa trên biên bản họp Hội đồng Khoa về rà soát đề cương học phần [H1.02.02.04]. Quá trình rà soát Đề cương các học phần thuộc ngành KTQT có sự tham gia của các bên liên quan bao gồm sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, nhà khoa học, giảng viên [H1.02.02.03], [H1.01.01.09].

Riêng đối với CTĐT của chuyên ngành KTĐN CLC năm 2018, tuyển sinh khoá 9 có 60 học phần với tổng số 156 tín chỉ [H1.01.01.02 (4)], nhiều hơn so với chương trình chuẩn của chuyên ngành KTĐN hệ đại trà (chỉ có 133 tín chỉ) do tăng thời lượng học tiếng Anh theo chuẩn IELTS và đáp ứng yêu cầu của phía đối tác liên kết (Đại học Middlesex) trong việc tiếp nhận sinh viên chuyển tiếp chương trình 3+1. Đối với một số môn học giảng dạy bằng tiếng Anh cho chương trình KTĐN CLC, các đề cương đều được xây dựng bằng tiếng Anh theo các giáo trình nhập khẩu và vẫn tuân thủ các yêu cầu như đối với đề cương các học phần giảng dạy bằng tiếng Việt đối với chương trình đại trà.

Đề cương các học phần ngành KTQT năm 2018 có thay đổi so với năm 2015 như sau:

- Căn cứ vào yêu cầu từ thực tiễn để xây dựng, bổ sung, điều chỉnh nội dung trong đề cương và các nội dung trong đề cương học phần tuân thủ CDR của chương trình đào tạo.

- Các nội dung giữa các học phần tránh trùng lặp.

- Bổ sung thông tin chi tiết về CDR của học phần về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chịu trách nhiệm

- Chú trọng vào cả 3 mục tiêu đào tạo: Kiến thức, thái độ, kỹ năng. Phần kiến thức tăng các kiến thức thực tiễn và nghiệp vụ cho sinh viên.

- Bổ sung về phương pháp, phương tiện giảng dạy và phương pháp học cho sinh viên.

- Học phần được chi tiết hóa các nội dung và tương ứng các CDR của học phần.

- Bổ sung thông tin về phương pháp đánh giá môn học và đánh giá việc đáp ứng CDR của học phần.

- Bổ sung hướng dẫn sinh viên tự học với chi tiết nhiệm vụ dành cho sinh viên tương ứng với các nội dung của học phần.

- Cập nhật nội dung giảng dạy, giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Ngoài ra các học phần ngành và chuyên ngành trong CTĐT đã tăng cường các ví dụ và các tình huống thực tế giúp sinh viên học trên lớp hoặc tự nghiên cứu

[H1.01.02.03 (1) (2)], [H1.02.02.03], [H1.02.02.04].

Năm 2015, Khoa tiến hành rà soát đề cương và đã cập nhật CDR cho các đề cương học phần chuyên ngành 2012 bao gồm phần kiến thức bao gồm: kiến thức chung và kiến thức sâu về chuyên môn; về kỹ năng bao gồm kỹ năng mềm; kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng tin học; về thái độ hành vi; khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp [H1.01.02.02] [H1.02.02.03] [H1.02.02.04].

Hoạt động rà soát được tiến hành từ hình thức, nội dung, cách sắp xếp từng nội dung, cập nhật tài liệu tham khảo cho từng học phần trong đề cương dựa trên biên bản họp Khoa về rà soát đề cương học phần [H1.02.02.03], biên bản tọa đàm lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan (giảng viên, nhà khoa học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng) về nội dung, chất lượng của các học phần [H1.02.02.04].

## **2. Điểm mạnh**

Đề cương môn học trong CTĐT được xây dựng đầy đủ thông tin, tạo điều kiện cho người học có thể dễ dàng tra cứu nội dung của môn học cũng như các tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học và nắm vững phương pháp đánh giá đối với môn học. Trong quá trình biên soạn, cập nhật hay ngay trong quá trình giảng dạy học phần có sự tham gia của các bên liên quan là sinh viên năm cuối, cựu sinh viên.

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng các đối tượng được khảo sát lấy ý kiến góp ý cho đề cương môn học trong CTĐT ngành KTQT còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Khoa tiếp tục duy trì đầy đủ các nội dung, các thông tin cần thiết của các đề cương học phần trong CTĐT ngành KTQT đến các định kỳ rà soát, bổ sung ngay từ học kỳ 2 năm học 2019-2020.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020 - 2021, Khoa/Viện sẽ phối hợp với các Phòng, Trung tâm liên quan như Trung tâm KT&ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của người học năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và nhà khoa học đối với xây dựng và chỉnh sửa, cập nhật đề cương môn học trong CTĐT ngành KTQT.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.2: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận***

### **1. Mô tả**

Bản mô tả CTĐT ngành KTQT được xây dựng theo đúng quy định và được phê duyệt chính thức tại Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018 [H1.02.01.01], [H1.01.01.02(3)] được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: (1) trên website của Học viện tại địa chỉ <http://apd.edu.vn/khoa-kinh-te-doi-ngoai> [H1.01.01.11]; Ngoài ra, bản mô tả CTĐT ngành KTQT còn được

in trong Sổ tay giảng viên, Sổ tay sinh viên, các trang thông tin phục vụ tư vấn cho tuyển sinh tại địa chỉ [www.apd.edu/tvtsapd](http://www.apd.edu/tvtsapd), Brochure Học viện, giới thiệu CTĐT trong các buổi tư vấn tuyển sinh [H1.02.03.02] để sinh viên tham khảo và tư vấn cho sinh viên được dễ dàng.

Kết quả khảo sát về mức độ công khai phổ biến Bản mô tả CTĐT được các bên liên quan đánh giá cao [H1.01.01.09]. Việc công khai bản mô tả CTĐT còn giúp cán bộ, giảng viên, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành KTQT biết và thực hiện.

Tất cả đề cương của các môn học/học phần trong CTĐT ngành KTQT đều được công bố đầy đủ thông tin trên website của Học viện tại địa chỉ [www.decuongmonhoc.apd.edu](http://www.decuongmonhoc.apd.edu), trang thông tin giới thiệu về CTĐT tại địa chỉ <http://apd.edu.vn/khoa-kinh-te-doi-ngoai> và <http://apd.edu.vn/vien-dao-tao-quoc-te>, trang tư vấn tuyển sinh tại địa chỉ [www.apd.edu/tvtsapd](http://www.apd.edu/tvtsapd) tạo điều kiện thuận lợi cho người học và các đối tượng quan tâm có thể tra cứu dễ dàng [H1.01.01.11], trong hồ sơ giảng dạy của giảng viên [H1.02.03.01]. Ngoài ra, theo quy định tại quy định đào tạo của Học viện, giảng viên phải công bố công khai đề cương học phần cho sinh viên trong buổi học đầu tiên từ số tín chỉ, nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp học tập... [H1.02.03.03]. Ngoài ra Học viện tổ chức phát hành bộ đề cương các học phần thuộc CTĐT ngành KTQT được lưu ở Thư viện để sinh viên tham khảo và học tập [H1.02.03.04].

Các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà tuyển dụng, người học, cựu sinh viên...) đều có thể tiếp cận dễ dàng với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất bằng việc truy cập vào website của Học viện theo các đường link <http://apd.edu.vn/khoa-kinh-te-doi-ngoai>, <http://apd.edu.vn/vien-dao-tao-quoc-te> và [www.decuongmonhoc.apd.edu](http://www.decuongmonhoc.apd.edu) [H1.02.03.02]; Ngoài ra, các nội dung nói trên cũng được cung cấp trong các ấn phẩm: Sổ tay cố vấn học tập, Sổ tay sinh viên, [H1.01.01.11]. Bên cạnh đó, các cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện có thể dễ dàng tiếp cận với CTĐT trên phần mềm quản lý đào tạo tại địa chỉ: <http://qltd.apd.edu.vn>; phần mềm đăng ký tín chỉ tại địa chỉ <http://tinchi.apd.edu.vn> [H1.01.01.11]. Việc sử dụng, công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về

chuyên ngành học biết và thực hiện. Ngoài ra, việc này cũng giúp sinh viên nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT có nội dung khá dài, do vậy, các bên liên quan cần có thời gian để đọc và tìm hiểu, việc lướt nhanh các thông tin sẽ bị hạn chế vì nhiều thông tin quan trọng mà các bên liên quan có thể bỏ qua nhất là đối với các nhà tuyển dụng quá bận rộn với công việc sản xuất và kinh doanh. Thêm vào đó, tuy đa dạng nhiều hình thức, nhưng hiện tại với sự phát triển của internet thì một trong các kênh quảng bá thông tin rất nhanh và hiệu quả hiện nay là facebook và các fanpage lại chưa được sử dụng để Học viện và Khoa đăng tải thông tin về bản mô tả CTĐT và các đề cương môn học.

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT ngành KTQT và đề cương học phần trong CTĐT được công bố đầy đủ, công khai bằng một phần mềm riêng và cá nhân hóa tới từng sinh viên, công khai tới các cơ quan chủ quản và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

## **3. Điểm tồn tại**

Hình thức công khai Bản mô tả CTĐT chưa đa dạng. Bản mô tả CTĐT có nội dung khá dài để các bên liên quan nhất là nhà tuyển dụng có thể lấy thông tin nhanh sẽ bị hạn chế về thời gian và có thể bị bỏ sót thông tin quan trọng về CTĐT.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Khoa tiếp tục duy trì việc công khai Bản mô tả CTĐT ngành KTQT và các đề cương học phần đến người học và các bên liên quan.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Trong tháng 7/2020, Khoa đưa thông tin bản mô tả CTĐT và đề cương môn học lên trang fanpage của Khoa, của Học viện và facebook của cựu sinh viên, sinh viên năm cuối. Năm học 2020 – 2021, Khoa bổ sung 01 bản mô tả CTĐT dạng tóm tắt, bao gồm các nội dung chính để công khai cho các bên liên quan thuận tiện theo dõi, nắm bắt và lấy thông tin nhanh;

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.3: Đạt (mức 5/7).**

## ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2:***

### ***- Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn***

Bản mô tả CTĐT ngành KTQT của Học viện có một số điểm mạnh: (1) Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung và các thông tin cần thiết, được gắn kết với các vị trí việc làm. CTĐT của Khoa được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vừa mang tính khoa học và thực tiễn của các Đề tài cấp cơ sở của Khoa; (2) Đề cương môn học trong CTĐT được xây dựng đầy đủ thông tin, quá trình biên soạn, cập nhật có sự tham gia của sinh viên năm cuối, cựu sinh viên; (3) Bản mô tả CTĐT ngành KTQT và đề cương học phần trong CTĐT được công bố đầy đủ, công khai bằng một phần mềm riêng và cá nhân hóa tới từng sinh viên, công khai tới các cơ quan chủ quản và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

### ***- Điểm tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:***

Tuy nhiên, Bản mô tả CTĐT ngành KTQT còn có một số mặt cần hoàn thiện: (1) Bản mô tả CTĐT ngành KTQT được công bố năm 2018, chưa đến thời gian được rà soát, cập nhật và điều chỉnh; nội dung đề cương các học phần đang ở dạng tổng quát; (2) Số lượng các đối tượng được khảo sát lấy ý kiến góp ý cho đề cương môn học trong CTĐT ngành KTQT còn hạn chế; (3) Hình thức công khai Bản mô tả CTĐT chưa đa dạng; Bản mô tả CTĐT có nội dung khá dài.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

### ***- Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:***

Tất cả các tiêu chí (3/3) trong Tiêu chuẩn 2 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 03 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3.



## **Tiêu chuẩn 3**

### **Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Mở đầu**

*Cấu trúc và chương trình dạy học của ngành KTQT được xây dựng đúng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và chủ trương, định hướng giảng dạy của Học viện Chính sách và Phát triển, đáp ứng linh hoạt nhu cầu đào tạo và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực, đảm bảo tính liên thông và hội nhập. Cấu trúc và nội dung CTĐT ngành KTQT được Khoa KTQT thiết kế bám sát theo CĐR của CTĐT. Trên cơ sở của CĐR, cấu trúc và nội dung chương trình dạy học được thiết kế theo trình tự thời gian và khối lượng kiến thức. CTDH ngành KTQT thể hiện được sự cân bằng giữa khối lượng các kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, đảm bảo CĐR của CTĐT và tính logic giữa các môn học. Thêm vào đó, CTĐT được thiết kế với đa dạng số học phần tự chọn, giúp cho người học có sự chủ động và linh hoạt trong việc lĩnh hội những kiến thức, kỹ năng. Nội dung và phương pháp giảng dạy, đánh giá của các học phần giúp cho người học có thể đạt được những CĐR của CTĐT.*

#### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

##### **1. Mô tả**

CTDH của ngành KTQT được thiết kế gắn chặt chẽ với các CĐR đã được ban hành về các chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H1.01.01.02], [H1.01.02.02]. Khoa KTQT đã xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi tốt nghiệp cũng như xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT [H1.01.01.01].

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR còn thể hiện ở việc trong chương trình đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của sinh viên đối với toàn bộ học phần phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Việc thiết kế CTDH hợp lý đáp ứng hợp lý các CĐR về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm thông qua kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực, trình tự và tiến độ trong CTDH, lịch trình giảng dạy các học phần theo

hướng tiếp cận các khối kiến thức mang tính thống nhất. Sự phù hợp của các môn học trong CTDH với các CDR được thể hiện ở Ma trận kỹ năng [H1.01.01.10]. Bên cạnh đó, để đạt được CDR các kỹ năng nghề nghiệp trong CTDH ngành KTQT đã thiết kế một số học phần tăng kiến thức thực tiễn của sinh viên như học phần Chuyên đề thực tế, học phần Phương pháp NCKH hay trong các học phần chuyên ngành như: Đàm phán kinh tế quốc tế, Thương mại quốc tế...Tuy nhiên, trong hai học phần này thời lượng lý thuyết còn nhiều. Trong việc thiết kế triển khai chương trình, Học viện mời một số chuyên gia chia sẻ các vấn đề thực tiễn trong các học phần chuyên ngành [H1.03.02.01], hay tổ chức cho sinh viên đi tham quan tại doanh nghiệp nhằm giúp người học không chỉ được trang bị nền tảng kiến thức vững chắc mà còn có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn và thực hành nhằm đảm bảo CDR của CTĐT [H1.03.01.02].

CDR của CTĐT ngành KTQT bao gồm các kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Có CDR về kỹ năng nghề nghiệp: “Khả năng làm việc trong các ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực KTQT; Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc”. Có CDR về kỹ năng mềm: “Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo” [H1.01.01.02]. Người học sau hoàn thành chương trình học được trang bị năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm bao gồm: “Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể” [H1.01.01.02].

CTĐT ngành KTQT và đề cương từng môn học đều đảm bảo CDR chung của Học viện theo kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (mỗi CTDH đều có yêu cầu về từng mục trong CDR như kiến thức thường chiếm 6 - 8 tiêu chuẩn, kỹ năng chiếm 5 - 8 tiêu chuẩn, mức tự chủ và trách nhiệm chiếm 2 - 4 tiêu chuẩn). Ngoài ra, trong CTĐT ngành KTQT đều có ma trận đầu ra trong đó chỉ ra cụ thể từng môn học bao gồm những CDR nào [H1.01.01.02 (03)],

[H1.01.02.02], [H1.01.02.03], [H1.03.01.01], [H1.03.01.02], [H1.03.01.03], [H1.03.01.04].

CTDH được thiết kế dựa trên cả chuẩn đầu ra của Học viện và chuẩn đầu ra của ngành KTQT. Học viện đã quy định về chuẩn đầu ra tiếng Anh và chuẩn đầu ra Tin học cho tất cả các chương trình đào tạo tại Học viện [H1.01.02.02], đồng thời Học viện cũng đã quy định về chuẩn đầu ra cho ngành KTQT [H1.01.01.02]. Vì vậy, CTDH ngành KTQT đảm bảo đầy đủ các khối kiến thức Giáo dục đại cương (45 tín chỉ), Cơ sở ngành bắt buộc (38 tín chỉ), Cơ sở ngành lựa chọn (10 tín chỉ), Chuyên ngành bắt buộc (32 tín chỉ) và Chuyên ngành lựa chọn (6 tín chỉ).

Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT ngành KTQT được giảng viên lựa chọn phù hợp, đa dạng, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR [H1.03.01.03].

**Bảng 3.1.1. Ma trận tích hợp các phương pháp giảng dạy đáp ứng CDR**

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY	CHUẨN ĐẦU RA																			
	Kiến thức									Kỹ năng									Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x							x
2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x
3. Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Đối thoại với doanh nghiệp						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

5. Đi thực tế doanh nghiệp/tổ chức hỗ trợ DN	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Làm bài tập			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
7. Tiểu luận/ Bài tập lớn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8. Liên hệ thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

*Nguồn: Bản mô tả CTDH ngành KTQT năm 2018*

Dựa trên CDR của học phần, giảng viên thiết kế hoạt động dạy và học chi tiết cho từng môn học do mình phụ trách, chuẩn bị và tổ chức bài giảng sinh động, lôi cuốn, hệ thống các câu hỏi chất vấn gợi mở đa dạng nhằm giúp sinh viên tham gia xây dựng bài. Đặc biệt là các môn học được thiết kế dựa trên tình huống thực tế sẽ giúp người học rèn luyện được các kỹ năng phân tích, đưa ra lập luận, cập nhật và nắm bắt các vấn đề thực tế. Còn các môn học yêu cầu sinh viên thuyết trình cá nhân/nhóm sẽ tăng được các kỹ năng làm việc nhóm, vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn của mình. CTDH thiết kế dựa trên CDR còn được thể hiện rõ nét ở việc CTDH thiết kế theo hướng cho sinh viên tiếp cận thực tế doanh nghiệp và tham gia nhiều hoạt động gắn với doanh nghiệp. Chuyên đề thực tế của ngành KTQT được tổ chức đa dạng, trong các tuần thực tế doanh nghiệp. Đối với học kỳ thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp, sinh viên được yêu cầu đăng ký rõ vị trí thực tập, liên hệ người hướng dẫn thực tập tại doanh nghiệp để giảng viên hướng dẫn có sự giám sát đạt CDR đối với môn thực tập tốt nghiệp [H1.01.02.03], [H1.01.01.11].

## **2. Điểm mạnh**

Công tác thiết kế CTDH ngành KTQT hợp lý, CTDH được gắn kết chặt chẽ với CDR, giúp phối hợp các nguồn lực, các đơn vị trong Học viện; phối hợp trách nhiệm tham gia của doanh nghiệp, các đơn vị ngoài Học viện trong vận hành CTDH được thuận lợi và đạt CDR một cách hiệu quả.

## **3. Điểm tồn tại**

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. Tuy nhiên các

chuẩn đầu ra chưa thực sự thể hiện các thang đo Bloom 6 bậc, nên thiết kế CTDH chưa thực sự hiệu quả.

#### **4. Kế hoạch hành động**

##### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa tiếp tục duy trì các mối quan hệ với nhà tuyển dụng đã có các hợp tác chặt chẽ trong việc tiếp nhận sinh viên ngành KTQT và thường xuyên lắng nghe các ý kiến của nhà tuyển dụng để có những đề xuất cải tiến kịp thời.

##### ***- Khắc phục tồn tại :***

Năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng QLĐT chủ trì hướng dẫn các khoa thiết kế chương trình dạy học dựa trên CĐR với thang Bloom 6 bậc một cách chi tiết trong các mức độ từ 1 đến 6 theo các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, qua đó đạt được hiệu quả cao hơn.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.1: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng***

##### **1. Mô tả**

Tất cả (62/62) học phần trong CTĐT ngành KTQT được xây dựng dựa vào CĐR của CTĐT [H1.01.01.10] có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của chương trình. Mỗi học phần trong CTDH ngành KTQT đều được thiết kế có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Điều này thể hiện rõ nét trong ma trận kỹ năng [H1.01.01.10] có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của chương trình. CTDH ngành KTQT được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ đại cương được thiết kế để đáp ứng các chuẩn đầu ra (1-5), kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành được thiết kế để đáp ứng các chuẩn đầu ra (6-15), trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Tuy nhiên, đóng góp của một số học phần ở khối kiến thức giáo dục đại cương chưa rõ ràng vào CĐR của CTĐT.

Phương pháp đánh giá học phần được bố trí trong CTĐT đa dạng, phù hợp, có các hoạt động kiểm tra, đánh giá người học tương thích nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR. Trong các đề cương của từng môn học đều dựa trên ma trận CĐR của CTĐT ngành KTQT và có miêu tả rõ phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá của từng môn, trong đó: 62/62 học phần đánh giá chuyên cần, 32/62 học phần đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận, nghiên cứu tình huống và trắc nghiệm, 20/62 học phần chuyên ngành sâu sử dụng bài tập mô phỏng trên máy tính và tự luận [H1.01.02.03], [H1.01.01.02 (03)(6)]. Đối với chuyên ngành KTĐN CLC, các môn học dù được giảng dạy bằng tiếng Việt hay tiếng Anh cũng có đề cương chi tiết thể hiện đa dạng các phương pháp đánh giá như trên, đặc biệt có sử dụng các ngân hàng đề gắn kèm với giáo trình bằng tiếng Anh nhập khẩu.

Hội đồng Khoa nhận xét nội dung các đề cương học phần của chương trình đào tạo hướng tới CĐR [H1.01.01.05]; ý kiến của Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo khẳng định nội dung các học phần phù hợp với CĐR của chương trình [H1.03.02.01]. CTDH của ngành KTQT còn được tham vấn ý kiến và nhận xét của nhà tuyển dụng lao động, Hiệp hội nghề nghiệp và người đã tốt nghiệp, đảm bảo mỗi chương trình lấy ít nhất 2-3 ý kiến từ các nhà tuyển dụng, Hiệp hội nghề nghiệp và các sinh viên đã tốt nghiệp. Các ý kiến của các nhà tuyển dụng được thực hiện bằng văn bản hoặc góp ý trực tiếp cho Khoa tại các buổi thảo luận, tọa đàm của Học viện [H1.03.02.02], [H1.01.01.09], [H1.01.01.09].

Kết quả khảo sát về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng cũng được phản hồi từ các bên liên quan. Năm 2015 theo khảo sát của nhà tuyển dụng cho rằng CTĐT đạt CĐR chiếm 93,94%, năm 2018 đạt 94,29% [H1.01.01.06], [H1.01.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Tất cả học phần trong CTĐT thuộc ngành KTQT đều có đóng góp cụ thể vào CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ là khá rõ ràng, giúp dễ dàng thực hiện CTDH nói chung và chương trình cử nhân ngành KTQT nói riêng.

## **3. Điểm tồn tại**

Đóng góp của một số học phần ở khối kiến thức Giáo dục đại cương chưa rõ ràng vào CDR của chương trình.

#### **4. Kế hoạch hành động**

##### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa tiếp tục rà soát, cập nhật và làm rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần giúp đáp ứng CDR của CTDH.

##### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa sẽ phối hợp với các Khoa, Bộ môn phụ trách học phần đại cương (Khoa Toán kinh tế, Bộ môn Ngoại ngữ...) điều chỉnh nội dung của học phần nhằm đáp ứng tốt hơn CDR của chương trình.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.2: Đạt (mức 5/7).**

#### ***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp***

##### **1. Mô tả**

Các học phần trong CTDH được thiết kế theo cấu trúc nhất quán, trình tự logic, đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa tất cả các khối kiến thức, giúp cho chương trình trở thành một khối thống nhất [H01.01.01.02].

Khối kiến thức Giáo dục đại cương gồm các học phần chung về Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Toán kinh tế, Pháp luật đại cương, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán.... Các học phần này đảm bảo cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết để có thể tiếp thu tốt các học phần trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm ba khối: (1) Khối kiến thức Cơ sở ngành; (2) Khối kiến thức của ngành và (3) Khối kiến thức Chuyên ngành. Khối kiến thức Cơ sở ngành cung cấp các kiến thức về môi trường, bối cảnh, công cụ giúp sinh viên có kiến thức bổ trợ trước khi được tiếp cận các kiến thức ngành và chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức Ngành KTQT là các học phần trang bị các kiến thức căn bản thuộc các chức năng và lĩnh vực trong Kinh tế, Kinh tế quốc tế. Các học phần thuộc khối kiến thức Chuyên

ngành (gồm 03 chuyên ngành: KTĐN đại trà, KTĐN CLC và Thương mại quốc tế và Logistics) nhằm cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế trong đó riêng các môn chuyên ngành của chương trình KTĐN CLC phần lớn được giảng dạy bằng tiếng Anh với giáo trình nhập khẩu. Khối kiến thức Cơ sở ngành được chia ra là Cơ sở ngành bắt buộc gồm 20 tín chỉ, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức Kinh tế quốc tế nói chung tạo tiền đề cho các sinh viên có kiến thức chuẩn và nền tảng để học các môn chuyên ngành; và những học phần Cơ sở ngành lựa chọn gồm 6 tín chỉ, bao gồm các học phần liên quan đến chuyên ngành và thế mạnh cũng như mục tiêu nghiên cứu chuyên sâu của từng sinh viên. Đối với chương trình đại trà, Khối kiến thức Chuyên ngành cũng được chia ra 25 tín chỉ thuộc Chuyên ngành bắt buộc gồm các học phần liên quan mật thiết đến chuyên ngành KTĐN và 6 tín chỉ Chuyên ngành lựa chọn là những học phần thuộc thế mạnh hay mục đích nghiên cứu chuyên sâu của từng sinh viên, điều kiện tiên quyết... giúp người học có được cái nhìn tổng quát về ngành học và chuyên ngành đào tạo. Đối với chương trình CLC, chuyên ngành KTĐN bao gồm 05 môn chuyên ngành bắt buộc và 4 môn chuyên ngành tự chọn do phù hợp với điều kiện học chuyển đổi trên cơ sở tham khảo các chương trình từ các trường uy tín trên thế giới [H01.02.01.02].

Tất cả các môn học trong CTDH được bố trí phù hợp đối với mỗi kỳ học để sinh viên có thể tiếp thu từ các kiến thức chung tới các kiến thức chuyên sâu. Tính trình tự và logic trong CTDH thể hiện ở lịch trình tiếp cận các khối kiến thức: khối kiến thức Giáo dục Đại cương được bố trí trong các kỳ học đầu, tiếp đến là khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành. Các học phần chuyên ngành được tổ chức đào tạo vào học kỳ 2 năm thứ ba và học kỳ đầu năm cuối cùng [H1.02.01.02]. Từ năm thứ 3 sinh viên được tổ chức học phần Chuyên đề thực tế, năm thứ 4 trang bị học phần Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp [H1.01.01.02]. Tính trình tự các học phần, còn gọi là “cây đào tạo” của CTĐT ngành KTQT được xây dựng logic, bố trí hợp lý và cân đối giữa các khối kiến thức chung, chuyên ngành và kỹ năng mềm đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa đào tạo kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề, giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành. Nội dung các học phần thể hiện được chiều rộng, chiều sâu và được thực hiện trong 4 năm [H1.01.01.02]. Việc thiết kế các học phần trong



CTĐT chặt chẽ và khoa học thể hiện ở việc lựa chọn các học phần để đáp ứng CDR tương ứng, các môn học trong cơ sở ngành là những môn tiên quyết để sinh viên có kiến thức nền tảng trước khi học về chuyên ngành như Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô... CTĐT cử nhân ngành KTQT đã có những học phần như Kinh tế quốc tế, Đầu tư quốc tế, Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, Thương mại quốc tế,... được bố trí hợp lý, logic trong CTĐT [H1.01.01.02 (03)(6)].

Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH ngành KTQT được tiến hành định kỳ và theo quy định của Học viện. Định kỳ Khoa và Học viện tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động đào tạo theo học kỳ và hàng năm nhằm rà soát CTĐT để thường xuyên điều chỉnh, cập nhật, bổ sung. Trong 5 năm gần đây, Học viện đã chỉ đạo điều chỉnh chương trình năm 2015 và năm 2018. CTĐT cử nhân ngành KTQT đã được rà soát 02 lần vào các thời điểm nêu trên [H1.01.02.02], [H1.01.01.02].

Học viện luôn chú trọng rà soát, cập nhật bổ sung, chỉnh sửa CTĐT, định kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện và Hội đồng Khoa tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động đào tạo hàng kỳ và hàng năm nhằm rà soát CTĐT để thường xuyên điều chỉnh, cập nhật, bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động [H1.01.01.06], [H1.01.01.05].

Khi điều chỉnh CTDH của Học viện nói chung và của ngành KTQT đã tổ chức nghiên cứu, tham khảo CTĐT của các trường đại học có chương trình đào tạo tương đồng như: Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Ngoại thương, Đại học Quốc gia Hà Nội... và một số chương trình của các trường đại học trên thế giới [H1.03.03.01] và có đối sánh với CTĐT của ngành KTQT [H1.01.01.02 (03)(6)]. Trong đó, riêng chuyên ngành KTĐN CLC đã tham khảo và được sự chấp thuận công nhận đủ điều kiện để chuyển tiếp sinh viên theo chương trình 2+2 của Đại học Perdue (Hoa Kỳ) và chương trình 3+1 của Đại học Middlesex (Anh).

## **2. Điểm mạnh**

Tất cả các học phần của ngành KTQT đều được sắp xếp logic và cập nhật CTĐT của các trường đại học nổi tiếng trong nước và một số trường đại học ở nước ngoài.

### **3. Điểm tồn tại**

CTĐT của ngành KTQT chưa thể hiện rõ tính tích hợp giữa nghiên cứu và ứng dụng.

### **4. Kế hoạch hành động**

#### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Khoa tiếp tục cập nhật CTĐT của các trường nổi tiếng trong và ngoài nước, sau đó Hội đồng khoa học của khoa sẽ rà soát và sắp xếp các học phần sao cho logic và thích ứng với thị trường lao động.

#### ***- Khắc phục tồn tại :***

Năm học 2020-2021, Khoa chủ trì, phối hợp với Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV, các Phòng/Trung tâm liên quan, các chuyên gia, nhà tuyển dụng để nâng cao tính tích hợp giữa nghiên cứu lý luận và ứng dụng thực tế trong các môn học chuyên ngành của Khoa như: tổ chức các buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên đề đối với các môn chuyên ngành...

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.3: Đạt (mức 5/7).**

#### ***Kết luận về tiêu chuẩn 3***

#### ***- Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành KTQT có một số điểm mạnh: (1) Công tác thiết kế CTDH ngành KTQT hợp lý, CTDH được gắn kết chặt chẽ với CĐR; phối hợp trách nhiệm tham gia của doanh nghiệp, các đơn vị ngoài Học viện trong vận hành CTDH được thuận lợi và đạt CĐR một cách hiệu quả; (2) Tất cả học phần trong CTĐT thuộc ngành KTQT đều có đóng góp cụ thể vào CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ là khá rõ ràng, giúp dễ dàng thực hiện CTDH nói chung và chương trình cử nhân ngành KTQT nói riêng; (3) Tất cả các học phần của ngành KTQT đều được sắp xếp logic và cập nhật CTĐT của các trường đại học nổi tiếng trong nước và một số trường đại học ở nước ngoài

#### ***- Điểm tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:***

Tuy nhiên, trong việc thực hiện yêu cầu của Tiêu chuẩn 3 còn có một số mặt cần phải hoàn thiện: (1) Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. Tuy nhiên các chuẩn đầu ra chưa thực sự thể hiện các thang đo Bloom 6 bậc; (2) Đóng góp của một số học phần ở khối kiến thức Giáo dục đại cương

chưa rõ ràng vào CDR của chương trình; (3) CTĐT của ngành KTQT chưa thể hiện rõ tính tích hợp giữa nghiên cứu và ứng dụng.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

*- Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 3:*

Tất cả các tiêu chí (3/3) trong Tiêu chuẩn 3 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 03 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3.

## Tiêu chuẩn 4

### Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

#### Mở đầu

*Học viện đã ban hành Triết lý giáo dục và phổ biến tới người dạy, người học và công bố trên website của Học viện. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của ngành KTQT thực hiện lấy người học làm trung tâm, sử dụng các phương pháp dạy và học đa dạng nhằm phát huy năng lực chuyên môn, tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của người học. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR về mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.*

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

#### 1. Mô tả

Triết lý giáo dục của Học viện đã được tuyên bố chính thức tại Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016 về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”, đó là “Chất lượng, Phát triển bền vững và Hội nhập quốc tế” [H1.01.01.03 (3)].

Triết lý giáo dục này đã được tất cả cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện hiểu rõ và thực hiện. Hàng năm, Học viện đều tổ chức khảo sát ý kiến sinh viên và giảng viên về tinh thần, thái độ và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên để từ đó nâng cao chất lượng phục vụ của khối phòng ban, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện [H1.01.01.09]. Các cán bộ, nhân viên khối phòng ban tích cực tham gia các khóa đào tạo, tham dự các hội thảo, hội nghị nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn [H1.06.05.04]. Đối với giảng viên, việc hiểu rõ và thực hiện triết lý giáo dục được thể hiện thông qua quá trình xây dựng CTĐT, thiết kế nội dung các môn học, quá trình tự rèn luyện của giảng viên. CTĐT được xây dựng trên cơ sở có sự tham khảo, đối chiếu, so sánh với CTĐT của một số trường đại học trong nước và quốc tế hướng tới sự hội nhập về mặt kiến thức, được tiến hành rà soát và cập nhật định kỳ 2 năm và từ năm 2018 đã ban hành CDR đối với từng CTĐT [H1.01.01.02 (3)],

[H1.01.01.05], [H1.01.02.02]. Trong đề cương chi tiết các học phần đều có nội dung hướng dẫn tự học nhằm rèn luyện tinh thần học tập suốt đời cho người học [H1.01.02.03 (2)]. Giảng viên Học viện có ý thức nâng cao trình độ chuyên môn thông qua việc học tập nâng cao trình độ, tham dự các khóa đào tạo ngắn hạn, buổi hội thảo, tọa đàm, tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện [H1.06.05.04], [H1.06.06.01]. Đối với người học, việc thực hiện Triết lý giáo dục “Phát triển bền vững” còn được thể hiện thông qua việc Học viện khuyến khích và tạo điều kiện để sinh viên tham gia các cuộc thi dành cho sinh viên trong và ngoài Học viện về nghiên cứu khoa học, tiếng Anh, kỹ năng mềm, toán... [H1.04.01.01]. Song song với đánh giá kết quả học tập, Học viện đã ban hành quy chế về chấm điểm rèn luyện đối với sinh viên trong từng học kỳ để góp phần khuyến khích sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động chung của Khoa, Học viện và xã hội [H1.08.03.01]. Các câu lạc bộ sinh viên của Học viện hiện đã được thành lập, là nơi để sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm và củng cố kiến thức xã hội hướng tới phát triển toàn diện, bền vững, tăng tính hội nhập của sinh viên như Câu lạc bộ Sách và Hành động APD, Câu lạc bộ tiếng Anh... [H1.08.04.06]. Học viện thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên và sinh viên tham dự các buổi hội thảo, tọa đàm có sự tham gia của các chuyên gia quốc tế để tăng cường tính hội nhập [H1.04.01.02].

Triết lý giáo dục của Học viện được phổ biến thông qua website để cán bộ, giảng viên, sinh viên cũng như các nhà tuyển dụng có thể tiếp cận [H1.04.01.03]. Triết lý giáo dục được phổ biến tại các cuộc họp đối thoại với sinh viên sơ kết học kỳ và tổng kết năm học cấp khoa [H1.05.04.02 (5-10)]. Theo kết quả khảo sát sinh viên đang học tập tại Học viện giai đoạn 2017-2019 đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và chất lượng đào tạo của chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển, tỷ lệ người học của ngành KTQT trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc “Triết lý giáo dục của Học viện được phổ biến rõ ràng” ở mức cao [H1.01.01.09 (2)].

## **2. Điểm mạnh**

Triết lý giáo dục của Học viện được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, giảng viên và người học để hiểu và thực hiện.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc tuyên truyền phổ biến Triết lý giáo dục đến các doanh nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả.

### **4. Kế hoạch hành động**

#### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm 2020-2021, Khoa phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông tiếp tục phổ biến rộng rãi hơn nữa Triết lý giáo dục tới giảng viên, người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận qua các buổi tọa đàm, hội thảo khoa học, website, facebook, fanpage...

#### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm 2020-2021, Khoa phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến Triết lý giáo dục tới các doanh nghiệp thông qua các kênh truyền thông như fanpage, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh...

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.1: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

#### **1. Mô tả**

Các học phần của ngành KTQT có phương pháp giảng dạy hướng tới đáp ứng CDR [H1.01.01.02 (2)]. Có 59 học phần giảng dạy được sử dụng phương pháp dạy là phương pháp thuyết giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình; 47 học phần giảng dạy đưa các tình huống thực tế vào trong quá trình giảng dạy để người học cập nhật thông tin, trao đổi và thảo luận các vấn đề thực tế; 24 học phần yêu cầu người học thực hiện bài tập lớn, thực hành trên máy... hướng tới đạt được CDR của từng học phần trong chương trình. Có 03 học phần yêu cầu bắt buộc sử dụng máy tính và các phần mềm hỗ trợ trong quá trình học là Tin học đại cương, Kinh tế lượng và Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô. Trong hai năm học 2017-2018 và 2018-2019, một số học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành sử dụng phương pháp mô phỏng đóng vai, làm bài tập nhóm và thuyết trình, thảo luận sâu như: Đàm phán kinh tế quốc tế, Thương mại quốc tế,

Đầu tư quốc tế .... [H1.01.02.03 (2)]. Trong giai đoạn 2015 – 2019, Khoa cùng các đơn vị trong Học viện đã tổ chức tọa đàm “Trao đổi kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập”, tổ chức các buổi họp Khoa nhằm xem xét rút kinh nghiệm, cung cấp cho giảng viên phương pháp giảng dạy đa dạng và hiệu quả hơn [H1.04.02.01], [H1.04.02.02].

Phương pháp giảng dạy mỗi học phần được thể hiện trong đề cương học phần, được ghi rõ và công bố ở dạng bản cứng và bản mềm qua đường link được công bố trên website của Học viện; công bố cho sinh viên trong mỗi đầu kỳ của các học phần [H1.01.02.03 (2)], [H1.01.01.11 (3)].

Nhiệm vụ hướng dẫn học tập/nghiên cứu, hướng dẫn phương pháp học tập được ban hành trong Quy định về công tác Cố vấn học tập [H1.04.02.03]. Phương pháp học tập hiệu quả để đạt được CĐR được trao đổi với người học qua buổi tọa đàm cấp Khoa và cấp Học viện, trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm, trong tổng kết học kỳ ở cấp Khoa và cấp Học viện [H1.04.02.02], [H1.05.02.03], [H1.05.04.02]. Các phương pháp học tập từng học phần được hướng dẫn người học ngay trong những tuần đầu triển khai học phần và ghi cụ thể ở đề cương học phần của CTĐT [H1.01.02.03 (2)]. Đối với hoạt động học tập, việc đào tạo theo học chế tín chỉ tăng cường hoạt động tự học, thúc đẩy người học chủ động hơn. Học viện đã thiết lập trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ [www.decuongmonhoc.apd.edu.vn](http://www.decuongmonhoc.apd.edu.vn) và [www.tinchi.apd.edu.vn](http://www.tinchi.apd.edu.vn) để người học dễ dàng theo dõi nắm bắt những thông tin học tập từ phía Học viện và Khoa, chủ động trong kế hoạch học tập [H1.01.01.11 (3)], [H1.04.02.04]. Sinh viên được hướng dẫn tham gia vào các hoạt động thực tế tại cơ quan, doanh nghiệp từ mức độ tổng quan đến chi tiết nghiệp vụ chuyên môn qua các học phần Chuyên đề thực tế và Thực tập tốt nghiệp [H1.05.01.10].

Đa số sinh viên và giảng viên hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT. Theo kết quả khảo sát sinh viên đang học tập tại Học viện giai đoạn 2015-2019, tỷ lệ người học của ngành KTQT trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc các học phần được giảng dạy “sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp” ở mức cao [H1.01.01.09]. Các cuộc họp chuyên môn

của Khoa ghi nhận các giảng viên hài lòng về các phương pháp giảng dạy được áp dụng [H1.04.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Phương pháp dạy và học phù hợp, đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CDR và đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Công nghệ áp dụng cho phương pháp dạy và học còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2020-2021, Phòng QLĐT chủ trì, phối hợp cùng các Khoa, Bộ môn triển khai tiếp tục cập nhật, đa dạng hóa phương pháp dạy và học bằng việc tổ chức tập huấn phương pháp giảng dạy mới đối với các học phần đại cương, học phần cơ sở ngành.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020-2021, Phòng QLĐT chủ trì phối hợp cùng Khoa tiến hành nghiên cứu cách thức tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác dạy và học thông qua việc thiết kế các mô hình, phần mềm để sinh viên thực hành trong các học phần chuyên ngành.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.2: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.***

### **1. Mô tả**

Đề cương chi tiết của tất cả các học phần giảng dạy của CTĐT ngành KTQT năm 2018 mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy như thuyết trình, thảo luận, đi thực tế, làm việc nhóm, thực hiện mô phỏng... nhằm thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng thiết yếu (đặc biệt là tiếng Anh đối với chương trình KTĐN CLC), kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin... [H1.01.02.03 (2)].

Tất cả đề cương các học phần giảng dạy của CTĐT ngành KTQT có phần hướng dẫn tự học, trong đó yêu cầu sinh viên tự nghiên cứu nội dung học tập các chương mục cụ thể của học phần, chỉ rõ nội dung, tài liệu tự học tập giúp sinh viên tự nghiên cứu học tập suốt đời, tuy nhiên chưa có cơ chế giám sát chặt



chế việc thực hiện hoạt động này của sinh viên, chủ yếu dựa vào tính tự giác [H1.01.02.03 (2)]

Việc rèn luyện các kỹ năng và khả năng học tập suốt đời trong quá trình học tập tại Học viện giúp sinh viên ngành KTQT được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về năng lực chuyên môn cũng như các kỹ năng trong công việc. Kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng giai đoạn 2015-2019 cho thấy: phần lớn nhà tuyển dụng đánh giá cử nhân ngành KTQT của Học viện sau khi được tuyển dụng vào đơn vị đáp ứng được công việc, có thể sử dụng được ngay; một số cử nhân cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công việc nhưng cần được đào tạo thêm [H1.04.03.01]. Các kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về phát triển CTĐT, khảo sát sinh viên và cựu sinh viên giai đoạn 2015-2019 cũng cho thấy tiêu chí “Giảng viên sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời” được đánh giá cao [H1.01.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành KTQT đều có hướng dẫn tự học cho sinh viên, giúp nâng cao khả năng nghiên cứu và rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa có phương thức cụ thể để giám sát việc tự học, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo trong đề cương một số học phần của CTĐT.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020-2021, Khoa chủ trì phối hợp với Phòng QLĐT chỉ đạo các Bộ môn tiếp tục bổ sung tài liệu tham khảo trong nội dung hướng dẫn tự học.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020-2021, Khoa chủ trì phối hợp với Phòng QLĐT chỉ đạo các Bộ môn xây dựng cơ chế giám sát tự học đối với tất cả các học phần của CTĐT.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.3: Đạt (mức 5/7).**

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4:***

##### ***- Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:***

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT có một số điểm mạnh: (1) Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, giảng viên và người học để hiểu và thực hiện; (2) Phương pháp dạy và học phù hợp đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CDR và đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học; (3) Tất cả các học phần đều có hướng dẫn tự học cho sinh viên, giúp nâng cao khả năng nghiên cứu và rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

##### ***- Tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:***

Tuy nhiên, trong việc thực hiện yêu cầu của tiêu chuẩn 4 còn có một số mặt cần phải hoàn thiện: (1) Việc tuyên truyền phổ biến Triết lý giáo dục đến các doanh nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả; (2) Công nghệ áp dụng cho phương pháp dạy và học còn hạn chế; (3) Chưa chỉ rõ cách thức giám sát quá trình tự học, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo trong đề cương một số học phần của CTĐT. Khoa đã xây dựng được các Kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại này.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

##### ***- Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:***

Tất cả các tiêu chí (3/3) trong Tiêu chuẩn 4 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 03 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3.

## **Tiêu chuẩn 5**

### **Đánh giá kết quả học tập của người học**

#### **Mở đầu**

*Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Học viện và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học của ngành KTQT được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CDR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như của ngành.*

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra***

#### **1. Mô tả**

Học viện có các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá KQHT của người học. Các quy định về đánh giá KQHT đối với người học ngành KTQT được quy định rõ ràng tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.01], Quy định tại mục 5.2 và 5.3 của Bản mô tả CTĐT ngành KTQT [H1.01.01.02(3)], đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT [H1.01.02.03], Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần [H1.05.01.02].

Đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp của sinh viên ngành KTQT được quy định cụ thể tại Phần 5 của Bản mô tả chương trình đào tạo ngành KTQT [H1.01.01.02 (3)]. Trong đó quy định rõ về cách thức đánh giá kết quả học tập và phương pháp đánh giá học phần ở mục 5.2 và 5.3 của Bản mô tả CTĐT. Theo đó, quy trình đánh giá kết quả người học tại Khoa hướng tới đánh giá mức độ đạt được các CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học.

*Quy trình đánh giá KQHT của người học trong quá trình đào tạo: Từ CDR của CTĐT và của từng học phần, các bộ môn trong khoa đề xuất phương pháp đánh giá môn học đó. Trong đề cương chi tiết các học phần đều nêu rõ mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của*

người học đối với học phần đó [H1.01.02.02], [H1.01.02.03]. Những mục tiêu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Theo Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/8/2018 của Học viện về ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển, nội dung về kiểm tra, thi học phần và đánh giá KQHT được quy định rõ trong Chương III [H1.05.01.01], theo đó kết quả của mỗi học phần đều được đánh giá theo ba loại đầu điểm: điểm đánh giá, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ. Vào đầu năm học, Phòng QLĐT ban hành Kế hoạch học tập của năm học quy định cụ thể thời gian học tập và thi học kỳ. Cụ thể, sinh viên sẽ học các học phần trong 15 tuần cộng với 1 tuần dự trữ, thi học kỳ được thực hiện trong 04 tuần sau tuần dự trữ [H1.05.01.03]. Thêm vào đó, trước khi kết thúc 15 tuần học tập, Trung tâm KT&ĐBCL sẽ ban hành lịch thi cụ thể các học phần bao gồm ngày, giờ thi, phòng thi, thời gian thi vào cuối mỗi học kỳ, trước khi môn thi đầu tiên diễn ra từ 2-3 tuần [H1.05.01.04].

Ngay sau khi nhập học, sinh viên được kiểm tra xếp loại trình độ ngoại ngữ với bài thi quốc tế TOEIC do IIG - đơn vị độc quyền duy nhất tại Việt Nam được chỉ định do Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ-ETS nhằm phân loại, tổ chức đào tạo phù hợp với trình độ của người học và đáp ứng theo các CDR [H1.05.01.05].

Đối với đánh giá quá trình/đánh giá học phần được thực hiện theo quy định tại Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy. Theo quy định điểm đánh giá nhằm đánh giá ý thức, thái độ và tính chuyên cần của sinh viên (liên quan đến chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của sinh viên). Điểm kiểm tra giữa kỳ có thể thực hiện dưới các hình thức như kiểm tra trên lớp, làm bài tập nhóm, hoặc thuyết trình nhằm đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu về kiến thức và kỹ năng mà học phần hướng tới. Trong thời gian 15 tuần giảng dạy, giảng viên căn cứ vào thái độ, tinh thần học tập của sinh viên và kết quả kiểm tra giữa kì để đánh giá sinh viên ở hai đầu điểm là điểm đánh giá (20%) và điểm giữa kì (20%). Điểm thi cuối kì (60%) sẽ được thực hiện dưới hình thức thi tập trung theo thời gian quy định sau khi kết thúc 15 tuần học. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên sẽ tham dự kỳ thi hết học phần được tổ chức thi tập trung theo Quy

định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần [H1.05.01.02].

Để đảm bảo việc đánh giá CDR về mặt kiến thức thì công tác ra đề thi tại Học viện được chú trọng và thực hiện theo quy trình chặt chẽ theo Quy định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.06], [H1.05.01.07]. Theo đó, Trưởng khoa/Bộ môn sẽ giao nhiệm vụ ra đề thi/ xây dựng ngân hàng, câu hỏi theo các nhóm giảng viên. Sau đó, các nhóm sẽ tổ chức xây dựng đề thi, ra đáp án và tổ chức thảo luận toàn khoa, bộ môn. Đề thi/ngân hàng câu hỏi sau khi được phê duyệt của Trưởng khoa/bộ môn sẽ được gửi lên Trung tâm KT&ĐBCL để thực hiện bốc đề, in sao và tổ chức thi hết học phần. Các đề thi/ngân hàng câu hỏi cũng thường xuyên được rà soát và điều chỉnh theo quy định [H1.05.01.06], [H1.05.01.07], [H1.05.01.08]. Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 tiêu chí đánh giá về mức độ tham gia thực tế tại cơ sở, khả năng viết và trình bày báo cáo... theo quy định tại tổ chức triển khai học phần Chuyên đề thực tế đối với sinh viên Học viện [H1.05.01.09].

Ngoài việc đánh giá KQHT theo các học phần thì cuối mỗi học kỳ, sinh viên sẽ được đánh giá điểm rèn luyện về ý thức học tập; ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Học viện; ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, nghệ thuật, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng; ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Học viện [H1.08.03.01].

*Quy trình đánh giá đầu ra tốt nghiệp:* sinh viên sau khi hoàn thành tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết thì sẽ đăng ký thực tập và viết khoá luận tốt nghiệp. Đầu học kỳ cuối khóa, sinh viên cuối khóa được đăng ký đi thực tập viết Báo cáo thực tập tốt nghiệp và làm Khóa luận tốt nghiệp để hoàn thành chương trình đào tạo. Quy trình và Kế hoạch thực tập và viết Báo cáo thực tập, Khóa luận tốt nghiệp được quy định cụ thể trong Kế hoạch học tập của năm học [H1.05.01.03] và trong chương IV – Thực tập cuối khóa, xét và công nhận tốt nghiệp thuộc Quy chế đào tạo của Học viện và Kế hoạch thực tập [H1.05.01.01], [H1.05.01.10]. Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp là cơ sở để

đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp cho mỗi sinh viên. Ngoài ra, sinh viên phải bảo vệ kết quả tốt nghiệp trước Hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp, được thực hiện theo Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp của Học viện được thể hiện trong các Quyết định được Học viện ban hành trong danh mục minh chứng [H1.05.01.01], [H1.05.01.11], [H1.05.01.12].

Như vậy, kết quả học tập của sinh viên ngành KTQT được thực hiện một cách chặt chẽ và toàn diện với sự tham gia của lãnh đạo Khoa/Bộ môn, giảng viên các Bộ môn và các bên liên quan như Phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, Phòng CT&CTSV....

Căn cứ vào quy trình đánh giá trên, có thể thấy hoạt động đánh giá kết quả người học được thiết kế để đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành KTQT. Đối với CDR về kiến thức thì sinh viên được thực hiện đánh giá thông qua các bài kiểm tra/thi thiết kế riêng cho phù hợp với từng học phần [H1.01.02.03]. Để đánh giá đạt được mức độ đạt CDR cho từng học phần khác nhau như khối kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành, học phần lý thuyết, thực hành hay khóa luận tốt nghiệp thì được thiết kế các phương pháp đánh giá tương ứng. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương và kiến thức Cơ sở ngành, sinh viên chủ yếu được đánh giá theo hình thức câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận, nhằm mục đích đánh giá kiến thức chung ở mức độ biết, hiểu và vận dụng [H1.01.02.03]. Đối với khối kiến thức Ngành và kiến thức chuyên sâu, các câu hỏi kiểm tra/chủ đề thảo luận nhóm/ngân hàng câu hỏi thi hết học phần đều được các giảng viên xây dựng với nội dung nhằm đánh giá kiến thức của sinh viên ở các mức độ biết, hiểu (thông qua câu hỏi trắc nghiệm) và phân tích, tổng hợp, đánh giá (thông qua bài tập tình huống, bài tập nhóm, câu hỏi tự luận) [H1.01.02.03]. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức Chuyên ngành, vì các học phần này có đặc thù là hướng tới đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu, tư vấn, làm việc với các tình huống sẽ gặp trong thực tế sau này, nên sinh viên sẽ được đánh giá thông qua quá trình làm việc nhóm, viết báo cáo, thuyết trình nhằm đánh giá kỹ năng thực hiện nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề, khả năng làm việc độc lập [H1.01.02.03]. Bên cạnh đó, quy trình đánh giá còn hướng tới đánh giá CDR về kỹ năng của người học thông qua các hình thức thuyết trình, làm bài tập nhóm, bảo vệ chuyên đề tốt nghiệp

trước Hội đồng, kỹ năng ngoại ngữ, tin học... Sinh viên cũng được đánh giá mức độ đạt được CĐR về thái độ và năng lực tự chủ thông qua đánh giá kết quả rèn luyện hàng năm. Kết quả rèn luyện của sinh viên là cơ sở để xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội và là căn cứ để xếp loại kết quả rèn luyện của SV toàn khóa [H1.08.03.01].

Trong quá trình triển khai góp ý dự thảo cũng như thực hiện các quy định đã ban hành của Học viện về quy chế đào tạo, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xây dựng ngân hàng đề thi, hướng dẫn đánh giá Chuyên đề thực tế, Báo cáo thực tập và Khóa luận tốt nghiệp đều được thảo luận trong các buổi họp chuyên môn của Khoa KTQT với sự tham gia của các giảng viên trong Khoa cùng các chuyên gia trong và ngoài Học viện nhằm tiếp nhận các ý kiến đề xuất chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với mục đích, mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR nêu trong CTĐT [H1.05.01.01], [H1.05.01.13], [H1.02.02.02], [H1.01.01.06], [H1.01.01.08].

Ngoài ra, mỗi học phần đều đưa ra CĐR, phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận và nội dung thi bài thi kết thúc học phần...) phù hợp với từng môn học và phù hợp với CĐR thể hiện thông qua đề cương chi tiết học phần và ma trận tích hợp các phương pháp đánh giá đáp ứng CĐR [H1.01.02.03], [H1.01.01.02 (3)]

Trong kết quả khảo sát ý kiến người học mà Khoa KTQT thực hiện cũng như Học viện thực hiện thì đều cho thấy đánh giá từ phía người học đối với quy trình đánh giá kết quả học tập là phù hợp với CĐR [H1.01.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của ngành KTQT tại Khoa được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR thông qua đánh giá quá trình, thi kết thúc học phần, chuyên đề thực tế, thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp.

## **3. Điểm tồn tại**

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CĐR còn dựa nhiều vào việc kiểm tra khả năng tái hiện, tái tạo kiến thức, giải các bài tập trong lớp học hơn đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

#### **4. Kế hoạch hành động**

##### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Khoa tiếp tục thực hiện nghiêm túc và tìm cách đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng đáp ứng tốt hơn CĐR của CTĐT.

##### ***- Khắc phục tồn tại:***

Trong năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổ chức tọa đàm về Các giải pháp đánh giá mức độ đạt CĐR về kỹ năng đối với CTĐT hiện hành.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.1: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học***

##### **1. Mô tả**

Tài liệu hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học được quy định rõ ràng tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.01] và Quy định kiểm tra - đánh giá KQHT và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.02]

Trong chương III của Quy chế đào tạo với nội dung về kiểm tra, thi học phần và đánh giá kết quả học tập đều được quy định cụ thể tại Điều 8 - Kiểm tra học phần; Điều 9 - Thi học phần; Điều 10 - Tính điểm học phần và Điều 11 - Tính điểm trung bình chung học tập. Tại Điều 8 và Điều 9 có quy định về thời gian làm bài kiểm tra học phần, hình thức kiểm tra học phần bao gồm kiểm tra viết (tự luận, kết hợp tự luận với trắc nghiệm trên giấy, làm bài tập...), vấn đáp, trắc nghiệm trên máy tính, thực hành, làm bài tập theo nhóm và các hình thức khác, tuy nhiên, các quy định về đổi mới hình thức đánh giá kết quả học tập của người học chưa được rõ ràng dẫn đến gây khó khăn cho việc thực hiện, đặc biệt là với những môn có tính thực hành và tính cập nhật cao. Các quy trình tổ chức



thi và chấm thi đều được quy định ở Điều 9. Cách tính điểm học phần thể hiện rõ ở Điều 10 và Điều 11, theo đó trọng số của điểm kiểm tra học phần chiếm 20%, điểm đánh giá của giảng viên chiếm 20%, điểm thi học phần chiếm 60% cũng như công thức tính điểm trung bình chung học tập. Tiêu chí đánh giá người học được xếp loại đạt và không đạt, trong đó xếp loại đạt là từ điểm trung bình 4,0 điểm đến 10,0 điểm (từ điểm D trở lên theo thang điểm chữ) và không đạt có điểm số dưới 4,0 (điểm F). điểm học phần lấy lẻ đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4.

Căn cứ vào quy định trong Quy định đào tạo, giảng viên xây dựng đề cương chi tiết học phần trong đó quy định rõ về tiêu chí, phương pháp, trọng số đánh giá kết quả học tập của người học cho từng học phần được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần của chương trình [H1.01.02.03]. Thời gian kiểm tra giữa kì cụ thể sẽ được giảng viên thông báo cho sinh viên trong quá trình giảng dạy.

Riêng đối với các học phần Ngoại ngữ, điểm học phần là điểm đánh giá theo quá trình học tập học phần đó, là số trung bình chung của 04 điểm thành phần với trọng số của từng thành phần như sau: (i) Điểm kiểm tra học phần: 20% ; (ii) Điểm đánh giá của giảng viên (bao gồm: thời gian lên lớp, phát biểu xây dựng bài, đóng góp ý kiến... của sinh viên): 20%; (iii) Điểm thi học phần: 60% gồm Nói 15% và Viết 45% [H1.01.02.03].

Cơ chế phản hồi được quy định cụ thể trong Quyết định về việc phân công nhiệm vụ cố vấn học tập, Quy chế cố vấn học tập, Quy chế giảng viên [H1.04.02.03], Quy chế đào tạo của Học viện [H1.05.01.01], Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.02] và Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.02.01].

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học trong Quy định đào tạo của Học viện được công bố công khai tới người học thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau như: Website của Học viện [H1.01.01.11 (1)], trong tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu năm [H1.05.02.02] được phát cho mỗi sinh viên vào tuần học sinh hoạt chính trị đầu năm. Lịch thi cuối kỳ được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy hàng năm

[H1.05.01.02] và được công bố công khai trên website của Học viện vào cuối mỗi học kỳ, trước khi môn thi đầu tiên diễn ra từ 2-3 tuần [H1.01.01.11(1)].

Ngoài ra, trước mỗi khoá học, Phòng QLĐT chịu trách nhiệm phổ biến các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa học [H1.05.02.03] đối với tân sinh viên. Đối với sinh viên năm 2,3,4, Học viện có tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu năm để nhắc lại với sinh viên những quy định quan trọng về đào tạo, trong đó có quy định về đánh giá kết quả học tập. [H1.05.02.03]. Việc tham gia tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá học và đầu năm học là yêu cầu bắt buộc đối với mọi sinh viên. Sau tuần học chính trị, sinh viên được yêu cầu viết bài thu hoạch và 100% sinh viên tham gia đều có bài thu hoạch đạt yêu cầu [H1.05.02.04]. Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 và thực tập tốt nghiệp năm cuối, trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm, Học viện và Khoa đều tổ chức hướng dẫn và công khai các tiêu chí đánh giá dựa trên những yêu cầu đạt được CDR để sinh viên nắm được [H1.05.02.03], [H1.05.01.09], [H1.05.01.11], [H1.05.01.12]. Đối với từng học phần, trong buổi học đầu tiên, giảng viên căn cứ vào đề cương chi tiết học phần phổ biến về kế hoạch giảng dạy và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập (tiêu chí, phương pháp, trọng số) và thời gian kiểm tra giữa kỳ cụ thể được các giảng viên thông báo công khai trên lớp trước thời gian diễn ra ít nhất 01 tuần [H1.01.02.03].

Hàng năm, Học viện triển khai khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về mức độ nắm rõ các quy định của Học viện về qui trình thi, kiểm tra, đánh giá nhằm có những kênh thông tin, truyền thông phù hợp đến sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% sinh viên xác nhận hiểu rõ quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT của người học [H1.01.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Các qui định về đánh giá kết quả học tập đều rõ ràng và được công bố rõ ràng, khoa học và được thông báo công khai tới người học, rộng rãi cho các bên liên quan nhằm đạt CDR. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập thể hiện rõ qui định trong các đề cương chi tiết học phần. Công tác quản lý hoạt động đào tạo, kiểm tra, đánh giá của CTĐT đều tuân thủ các quy định một cách nghiêm túc.

### **3. Điểm tồn tại**

Các quy định về đổi mới hình thức đánh giá kết quả học tập của người học chưa được rõ ràng dẫn đến gây khó khăn trong việc thực hiện.

### **4. Kế hoạch hành động**

#### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020-2021, Khoa và Trung tâm KT&ĐBCL tiếp tục cải tiến quy trình đánh giá kết quả theo hướng đa dạng và phù hợp với thông lệ quốc tế. Khoa phối hợp với các Phòng, Trung tâm liên quan có kế hoạch mở các lớp tập huấn cho giảng viên về đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập người học để đáp ứng với yêu cầu thực tế.

#### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT và Trung tâm KT&ĐBCL cập nhật và làm rõ các quy định về đổi mới hình thức đánh giá kết quả học tập của người học nhằm tạo điều kiện cho giảng viên đưa ra các hình thức đánh giá phù hợp hơn nữa với việc đo lường mức độ đạt được CDR của học phần và của CTĐT.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.2: Đạt (mức 5/7).**

#### ***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng***

##### **1. Mô tả**

Việc đánh giá kết quả của từng học phần do Khoa/Bộ môn phụ trách và được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần [H1.01.02.03]. Tại Khoa, nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT được sử dụng như: kiểm tra viết tại lớp (tự luận hoặc trắc nghiệm), làm bài tập (cá nhân, nhóm), thuyết trình, viết tiểu luận, Báo cáo kiến tập, Báo cáo thực tập, viết khoá luận tốt nghiệp, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp được thể hiện trong phần 5 - Đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp của bản mô tả CTĐT ngành KTQT [H1.05.01.01].

Trước khi đưa môn học vào giảng dạy, Bộ môn, Hội đồng Khoa của các Khoa, Bộ môn thuộc Học viện đã tổ chức họp, xem xét và chấp nhận các phương pháp đánh giá KQHT bao gồm hình thức đánh giá, trọng số của các

điểm thành phần, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do bộ môn phụ trách đề xuất. Căn cứ vào mục tiêu đào tạo và CDR của từng học phần mà các phương pháp đánh giá cụ thể sẽ được áp dụng. Các môn học thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương và kiến thức Cơ sở ngành, bài kiểm tra giữa kỳ/ bài thi hết học phần chủ yếu được đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm trên lớp. Trong khi đó, các môn học thuộc khối kiến thức Ngành và kiến thức chuyên ngành có đặc thù là hướng tới đào tạo bồi dưỡng kỹ năng thực hành, tư vấn, làm việc với các tình huống sẽ gặp trong thực tế sau này, nên các bài kiểm tra giữa kỳ không được thực hiện trên lớp thay vào đó, sinh viên sẽ được giao bài tập nhóm để tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, ví dụ học phần Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, Kinh tế quốc tế...[H1.02.02.02], [H1.01.01.06], [H1.01.01.08].

Đối với điểm đánh giá, giảng viên cho điểm đánh giá đối với sinh viên thông qua việc điểm danh và theo dõi thống kê số lần chủ động phát biểu xây dựng bài của sinh viên trên lớp, đối với điểm giữa kì, hình thức được áp dụng là kiểm tra giữa kì hoặc bài tập nhóm và thi hết môn chủ yếu theo hình thức thi viết theo hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận, vấn đáp, bài tập lớn, đánh giá gián tiếp, đánh giá trực tiếp, đánh giá theo chuẩn và theo tiêu chí [H1.01.02.03].

Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 và thực tập tốt nghiệp năm cuối, các phương pháp đánh giá theo quy định chung của Học viện và đặc thù của từng khoa chuyên ngành dựa trên tổ hợp tiêu chí đánh giá nêu trong kế hoạch thực tập, thi tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp [H1.05.01.10], Hướng dẫn tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế [H1.05.01.09] và Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp [H1.05.01.11], [H1.05.01.12]. Đối với Khoa KTQT, phương pháp đánh giá đối với Chuyên đề thực tế là đánh giá thông qua Báo cáo chuyên đề thực tế và thi vấn đáp với những câu hỏi chủ yếu tập trung vào quá trình đi thực tế, những khó khăn và thuận lợi sinh viên gặp phải khi đi thực tế, những bài học, kinh nghiệm mà sinh viên học được từ quá trình đi thực tế. Đối với Viện Đào tạo Quốc tế, việc đánh giá Chuyên đề thực tế được xét kết hợp giữa đánh giá báo cáo và yêu cầu sinh viên trình bày trước Tổ chấm (gồm 02 giảng viên và không gồm Giảng viên hướng dẫn) trong phạm vi 7-10 phút đồng

thời trả lời các câu hỏi có liên quan đến quá trình kiến tập tại doanh nghiệp.

Đối với môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp đánh giá sẽ dựa trên điểm đánh giá (20%) điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) và điểm bảo vệ đề tài khoa học được tính điểm kết thúc học phần (60%) [H1.01.02.03]. Phương pháp chấm đề tài khoa học được đánh giá ở nội dung đề tài (đề cương logic, nội dung phù hợp, tính mới, mô hình phân tích...) và thuyết trình (tính lưu loát, tự tin, làm việc nhóm...) được thể hiện rõ trong mẫu phiếu chấm điểm [H1.05.03.01].

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo độ giá trị thông qua việc đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo được thể hiện rõ trong ma trận tích hợp phương pháp đánh giá đáp ứng CDR [H1.01.01.02 (3)]. Tuy nhiên, các phương pháp tổ chức thi và kiểm tra của Học viện nói chung và của Khoa nói riêng chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế.

Một phần rất quan trọng trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên là phải luôn đảm bảo tính công bằng, minh bạch: các khâu ra đề, chấm thi, rọc phách, vào điểm luôn được đảm bảo đúng nguyên tắc tại các Điều 8, Điều 9 quy định trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Học viện [H1.05.01.01] và Quyết định về việc Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.02].

Số lượng đề thi tự luận, hoặc tự luận kết hợp với trắc nghiệm của một học phần trong 1 ca thi là từ 02 đến 04 đề thi được chọn trong 06 đề thi. Đề thi được lấy từ ngân hàng đề thi hoặc được thiết kế và sử dụng chung cho các lớp trong cùng một học kỳ. Với đề thi do giảng viên ra đề theo từng học kỳ được Trưởng Khoa duyệt và ký nháy trước khi đưa vào sử dụng. Với đề thi được lấy từ ngân hàng đề, sau khi Trung tâm KT&ĐBCL bốc đề, giảng viên phụ trách sẽ kiểm tra lại đề và ký nháy trước khi đưa vào sử dụng [H1.05.03.02]. Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể [H1.05.03.03]. Ngoài ra, hàng năm, Khoa rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bộ câu hỏi thi và đề thi dựa trên kết quả phân tích phổ điểm thi của sinh viên [H1.05.01.08].

Trung tâm KT&ĐBCL bốc thăm ngẫu nhiên tối thiểu 02 đề thi để đảm

bảo tính khách quan. Việc chấm thi của tất cả các bậc đào tạo đều tuân thủ theo quy định: Bài thi được rọc phách và do hai giảng viên chấm độc lập đảm bảo tính công bằng, khách quan [H1.05.03.04]. Kế hoạch thi được xây dựng từ giữa kỳ học và công bố công khai. Trong trường hợp có nhiều lớp thi phải thi làm nhiều ca thì đề thi của các ca thi là khác nhau. Công tác coi thi do cán bộ, giảng viên trong Học viện đảm nhiệm, có sự giám sát của Hội đồng. Để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, Học viện có quy định về việc tổ chức xem xét lại bài thi cho sinh viên. Công tác quản lý điểm được tách thành 03 khâu độc lập: Giảng viên chấm bài, vào điểm theo phách do Trung tâm KT&ĐBCL cung cấp; Trung tâm KT&ĐBCL tổ chức thi và rọc phách; Phòng QLĐT quản lý điểm [H1.05.01.02], [H1.05.03.05], [H1.05.03.06].

Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng trong Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8 tháng 8 năm 2018 của Học viện về việc Ban hành Quy chế đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.01(3)] và trong Quyết định số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20/9/2017 về việc Ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân và Quy định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.07], [H1.05.01.06].

Trong Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8 tháng 8 năm 2018 về việc Ban hành Quy chế đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển đã có những quy định rõ tại Chương III về nội dung Kiểm tra, thi học phần và đánh giá kết quả học tập. Các nội dung như số lần kiểm tra học phần, hình thức kiểm tra, đề kiểm tra, thời gian và chấm kiểm tra học phần được quy định tại Điều 8; Điều 9 liên quan đến nội dung thi học phần trong đó có quy định về hình thức thi, số lần dự thi, điều kiện được dự thi kết thúc học phần; Điều 10 quy định về tính điểm học phần trong đó quy định rõ xếp loại kết quả học tập ở hai mức độ là đạt và không đạt. Ngoài ra, tại Điều 6 trong Quyết định số 632/QĐ-HVCSPT về quy định về thi, kiểm tra còn đưa ra các tiêu chí phân bổ câu hỏi thi theo cấp độ đánh giá bài làm của sinh viên, trong đó có 3 cấp độ đánh giá người học đó là đánh giá sự hiểu bài, kỹ năng phân tích tổng hợp và khả năng vận dụng và sáng tạo.

Việc phân bổ câu hỏi thi phải đảm bảo 60% câu hỏi cấp độ 1 (dễ và trung bình); 30% câu hỏi cấp độ 2 (khó); 10% câu hỏi cấp độ 3 (rất khó), đối với câu hỏi tự luận phải đáp ứng được yêu cầu tại khoản 1 trong Quyết định 632/QĐ-HVCSPT. Trong Quy định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển quy định rõ đề thi phải phù hợp với đề cương chi tiết học phần đã ban hành, đáp ứng được yêu cầu kiểm tra, đánh giá đúng mục tiêu đã đề ra của học phần và phải đảm bảo phân loại được trình độ của sinh viên, đề thi phải có đáp án rõ ràng trên thang điểm 10. Về cơ cấu đề thi, với học phần 02 tín chỉ đề thi phải có ít nhất 03 câu hỏi, với học phần  $\geq 03$  tín chỉ, đề thi phải có ít nhất 04 câu hỏi.

Điểm thành phần các học phần của mỗi sinh viên sẽ được cập nhật trên tài khoản cá nhân của mỗi sinh viên [H1.01.01.11(4)]. Sinh viên có điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 5 và điểm giữa kì lớn hơn hoặc bằng 4 mới đủ điều kiện tham gia thi cuối kì. Sinh viên được nghỉ tối đa 20% thời lượng của học phần, những sinh viên nghỉ trên 20% sẽ thuộc diện cấm thi. Nội dung về điểm thành phần của từng môn học được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT [H1.01.02.03].

Với Chuyên đề thực tế, Báo cáo thực tập và Khóa luận tốt nghiệp, Học viện và Khoa KTQT có yêu cầu cụ thể về quy cách làm khóa luận được thể hiện trong Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H1.05.01.01] và Hướng dẫn chấm điểm Báo cáo thực tập và Khóa luận tốt nghiệp của Khoa KTQT [H1.05.01.09], [H1.05.01.11], [H1.05.01.12]. Việc chấm Khóa luận có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, hình thức khóa luận, đề cương, nội dung,... Các tiêu chí này đảm bảo đánh giá toàn diện về Khóa luận tốt nghiệp. Điểm của Khóa luận là điểm trung bình chung từ điểm của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện, Hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu 03 thành viên hội đồng).

Để đảm bảo phương pháp đánh giá kết quả học tập được khách quan, công bằng, hàng năm Khoa phối hợp với Phòng CT&CTSV và Phòng QLĐT tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên ngành KTQT về “Phương pháp đánh giá sinh viên có tính khách quan, công bằng”. Phiếu đánh giá ở 5 tiêu chí liên quan tới đánh giá kết quả học tập được đánh giá tương ứng với 5 cấp độ khác nhau bao gồm

hoàn toàn không đồng ý; không đồng ý; không có ý kiến; đồng ý; hoàn toàn đồng ý. Kết quả khảo sát trung bình trong giai đoạn 2015-2019 cho thấy không có sinh viên trả lời hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý, tỷ lệ sinh viên trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý rất cao. Như vậy có thể thấy các sinh viên đều đồng ý rằng giảng viên đã sử dụng các phương pháp đánh giá khách quan, công bằng, đảm bảo quyền lợi cho sinh viên [H1.01.01.09]. Không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.

## **2. Điểm mạnh**

Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung.

## **3. Điểm tồn tại**

Tổ chức thi và kiểm tra chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Khoa tiếp tục phát huy tính nghiêm túc, khách quan và đảm bảo chất lượng CDR trong công tác đánh giá kết quả học tập ở những giai đoạn tiếp theo.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020 - 2021, Khoa phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL và Phòng QLĐT xây dựng phương thức thi điểm thi vấn đáp cho một số học phần.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.3: Đạt (mức 5/7).**

### ***Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập***

#### **1. Mô tả**

Học viện có các quy định rõ ràng về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học tại Điều 25 – Tổ chức chấm thi, thông báo kết quả thi học phần trong Quyết định số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015 về Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển; Điều 26 – Tổ chức chấm thi, thông báo kết quả thi học phần trong Quyết



định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/8/2018 về Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển được sửa đổi bổ sung thay thế cho quyết định số 668/QĐ-HVCSPT [H1.05.01.01] và Điều 20 - Tổ chức chấm thi, thông báo kết quả thi học phần trong Quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015 về Quy định kiểm tra – đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.02]. Học viện có phần mềm Quản lý đào tạo hỗ trợ người học phản hồi kịp thời để cải thiện việc học tập tại địa chỉ trực tuyến <http://tinchi.apd.edu.vn> [H1.01.01.11(4)].

Với điểm quá trình, giảng viên phải công bố điểm đánh giá quá trình trên lớp trước buổi học cuối cùng 01 tuần để sinh viên biết và thắc mắc (nếu có). Đối với điểm kiểm tra giữa kỳ, giảng viên phải công bố kết quả chậm nhất 7 ngày sau khi kiểm tra (ở tuần thứ 8-thứ 9 của học kỳ) đồng thời giúp sinh viên có thể kịp thời nỗ lực và điều chỉnh việc học tập trong kỳ thi kết thúc học phần để cải thiện kết quả chung của học phần. Bảng điểm quá trình sau đó được giảng viên nhập trên hệ thống quản lý điểm và công bố cho sinh viên cũng như Trung tâm KT&ĐBCL lập danh sách tham dự thi chậm nhất 7 ngày trước khi học phần đó bắt đầu thi [H1.05.01.01], [H1.05.01.02].

Đối với điểm thi học phần cuối học kỳ, các giảng viên chấm thi và nhập điểm lên hệ thống quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần của Học viện ban hành theo quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015 của Giám đốc Học viện [H1.05.01.02]. Học viện thông báo điểm thi học phần và điểm học phần trên hệ thống phần mềm QLĐT tại địa chỉ: <http://tinchi.apd.edu.vn> [H1.01.01.11(4)], sinh viên có trách nhiệm xem và kiểm tra điểm học phần. Người học sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập vào phần mềm QLĐT. Hồ sơ, kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu [H1.01.01.11(4)]. Trong vòng 07 ngày làm việc (tương ứng số lượng dưới 200 bài thi), 10 ngày làm việc (tương ứng với số lượng lớn hơn 200 bài thi) kể từ ngày nhận bài thi, các Khoa/Bộ môn phải nhập điểm cho sinh viên theo số phách lên hệ thống quản lý đào tạo và nộp điểm cho Phòng QLĐT. Sau 01 tuần, Phòng QLĐT có trách nhiệm thông báo điểm thi học phần và điểm học phần tới các

Khoa/Bộ môn giảng dạy, khoa quản lý sinh viên. Khoa quản lý sinh viên có trách nhiệm thông báo tới sinh viên. Đồng thời, điểm bài thi cuối kì sẽ được công bố tới sinh viên thông qua tài khoản cá nhân trên phần mềm Quản lý đào tạo để sinh viên xem và kiểm tra điểm học phần một cách nhanh chóng, kịp thời và đúng quy định về thời gian. Tuy nhiên, việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định do một số giảng viên đôi khi còn nhập điểm muộn. Đối với các môn học này Học viện đã có sự điều chỉnh kịp thời về thời gian nộp đơn phúc khảo để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên.

Các quy định trên đều được công bố công khai đến từng giảng viên và sinh viên trong Sổ tay sinh viên [H1.01.01.11(6)], Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu năm [H1.05.02.02]; và trên mục văn bản nội bộ <http://apd.edu.vn/van-ban-noi-bo> với tên đăng nhập là [vbnb@gmail.com](mailto:vbnb@gmail.com) dành cho giảng viên đăng nhập và trên thông báo công khai của Học viện <http://apd.edu.vn/thong-bao-can-bo-giang-vien>.

Theo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên ngành KTQT hàng năm về việc “Mức độ hài lòng về việc công bố kết quả học tập tới sinh viên”, tỷ lệ sinh viên trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý rất cao, không có sinh viên trả lời không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý. Như vậy có thể thấy sinh viên được phản hồi kịp thời về kết quả học tập và cảm thấy hài lòng với việc phản hồi kết quả học tập [H1.01.01.09].

Hàng năm, Khoa tổ chức sơ kết học kì I, sơ kết học kì II và tổng kết năm học với sự tham gia của giảng viên và sinh viên của Khoa và đại diện các đơn vị liên quan để tổng kết kết quả giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên trong Khoa trong kì học. Trong các buổi họp sơ kết và tổng kết năm học, Khoa có đánh giá chi tiết về kết quả học tập của sinh viên, từ đó xác định rõ những nguyên nhân hạn chế trong công tác đánh giá kết quả học tập người học, đưa ra phương hướng xử lý cho các năm học tiếp theo. Đồng thời, trong buổi sơ kết Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về những khó khăn, thuận lợi trong quá trình học tập, về việc công bố kết quả đánh giá học phần của các môn học và hỏi ý kiến sinh viên về việc công bố kết quả đánh giá học phần có giúp ích cho việc cải thiện việc học của sinh viên hay không. Đa số sinh viên cho

rằng việc giảng viên công bố điểm đánh giá và điểm thi giữa kỳ, chữa đề thi giữa kỳ đã giúp sinh viên ôn tập và học tập tốt hơn cho thi cuối kỳ. Đồng thời, việc công bố điểm thi và điểm học phần đã giúp sinh viên học tập tốt hơn trong các kỳ sau, đảm bảo tốt nghiệp với kết quả học tập như mong đợi [H1.05.04.01], [H1.05.04.02].

## **2. Điểm mạnh**

Kết quả đánh giá được công bố công khai đến người học; được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học tập.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định do một số giảng viên đôi khi còn nhập điểm muộn.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa tiếp tục phát huy thực hiện đúng quy định của Học viện về công khai kết quả đánh giá của người học. Phòng Quản lý Đào tạo tiếp tục duy trì và cải thiện việc lưu trữ, đảm bảo phần mềm Quản lý đào tạo hoạt động tốt và hiệu quả trong việc công bố điểm đánh giá tới sinh viên.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa đôn đốc và yêu cầu giảng viên Khoa, đồng thời phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL thực hiện đúng việc công bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần theo quy định đã đề ra.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.4: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập***

### **1. Mô tả**

Học viện có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học được quy định rõ trong Chương V – Xem xét lại kết quả bài thi học phần thuộc Quy trình kiểm tra – đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và

Phát triển [H1.05.01.02], Mục 7 – Quy trình xin xem xét lại điểm học tập và Mục 18 – Quy trình khiếu nại kết quả học tập, Quy trình QLĐT của Học viện Chính sách và Phát triển ban hành theo Quyết định số 150/QĐ-HVCSPT ngày 17/04/2015 [H1.05.05.01]. Tại Mục 7 trong Quy định này có nêu rõ ràng về quy trình xin xem xét lại điểm học tập, trong đó có 4 bước để thực hiện việc hoàn thành thủ tục khiếu nại về kết quả học tập. Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc tra kết quả thi kết thúc môn học. Đơn đề nghị phúc tra kết quả thi (mẫu 07.QLĐT/XNBD) được gửi tới các khoa chuyên ngành, trợ lý khoa là người tiếp nhận, trợ lý khoa trực 5 ngày trong tuần, mỗi ngày 8 tiếng tại Văn phòng Khoa. Trường hợp thắc mắc về điểm thành phần của môn học thì đơn được chuyển về các bộ môn, thắc mắc về điểm thi học phần thì chuyển cho Trung tâm KT&ĐBCL, nếu thắc mắc về điểm tổng kết học phần thì chuyển về Phòng QLĐT. Tất cả các đề nghị chấm phúc tra đều phải đóng lệ phí 50 nghìn đồng/lần phúc tra. Thời gian chấm phúc tra không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của sinh viên. Sau khi chấm phúc tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Trưởng khoa phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải được Trưởng khoa và Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCL ký xác nhận mới được công bố công khai trên website Học viện.

Đầu khoá học và năm học, Khoa phối hợp Phòng CT&CTSV tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá đối với tân sinh viên và tuần sinh hoạt chính trị đầu năm đối với sinh viên năm 2,3,4. Trong nội dung tuần sinh hoạt, Học viện và Khoa cung cấp/ phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khoá học. Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khoá và đầu năm học được ban hành với các nội dung cụ thể [H1.05.02.03] được quy định rõ ràng nhiệm vụ của từng đơn vị trong việc giới thiệu mọi quy chế, quy định cho sinh viên. Trung tâm KT&ĐBCL chịu trách nhiệm phổ biến về quy trình khiếu nại về kết quả học tập. Ngoài ra, trong tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu năm từ 2015 - 2019 [H1.05.02.02] đã trích dẫn Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018, Điều 32 về quy trình phúc tra kết quả học tập. Trong mỗi học kì, Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng

đều có thông báo về việc xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên đăng trên website của Học viện [H1.05.05.02]. Tuy nhiên, do thời gian phúc khảo là vào cuối học kì dẫn đến tình trạng có một số sinh viên không nhớ chính xác về thời gian nộp đơn phúc khảo dẫn đến nộp đơn muộn.

Theo thống kê của Khoa KTQT và Trung tâm KT&ĐBCL số sinh viên khiếu nại về kết quả học tập có sự thay đổi điểm hàng năm đều dưới 1% so với tổng sinh viên của Khoa KTQT [H1.05.03.06], [H1.05.05.03]. Đồng thời, không có trường hợp khiếu nại phàn nàn về việc giải quyết chậm đối với quy trình phản hồi kết quả khiếu nại về kết quả học tập được thể hiện thông qua kết quả khảo sát ý kiến người học về “Khiếu nại về kết quả kiểm tra, thi (nếu có) được giải quyết kịp thời, thoả đáng” với tỷ lệ sinh viên trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý rất cao [H1.01.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Quy trình về khiếu nại về kết quả học tập bao gồm thủ tục, trình tự và thời gian giải quyết được quy định rõ ràng, công khai. Sinh viên được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình. Học viện, Khoa và Bộ môn đảm bảo được quyền lợi chính đáng cho người học khi có bất kỳ thắc mắc về kết quả học tập.

## **3. Điểm tồn tại**

Đôi khi có một số sinh viên do không nhớ chính xác về thời gian nộp đơn phúc khảo dẫn đến nộp đơn muộn.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020-2021, Trung tâm KT&ĐBCL duy trì và cải thiện quy trình khiếu nại về kết quả học tập theo hướng thực hiện online hoàn toàn, thay vì chỉ đăng ký phúc khảo qua mạng và in phiếu đến nộp trực tiếp như hiện nay.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT sẽ phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL và Phòng QLĐT thực hiện việc thông báo cho sinh viên về quy định về thời gian nộp đơn phúc khảo ngay sau khi kết thúc môn thi đầu tiên để đảm bảo không có tình trạng sinh viên nộp đơn muộn.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.5: Đạt (mức 5/7).**

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5***

#### *- Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:*

Đánh giá kết quả học tập của người học tại Học viện CS&PT và Khoa KTQT có một số điểm: (1) Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR; (2) Các qui định về đánh giá kết quả học tập đều rõ ràng và được thông báo công khai tới người học; (3) Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng; (4) Kết quả đánh giá được công bố công khai kịp thời đến người học; được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn giúp người học cải thiện việc học tập; (5) Quy trình về khiếu nại kết quả học tập rõ ràng, được công bố công khai và dễ dàng tiếp cận đối với sinh viên. Học viện, Khoa và Bộ môn đảm bảo được quyền lợi chính đáng cho người học khi có bất kỳ thắc mắc về kết quả học tập.

#### *- Điểm tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:*

Tuy nhiên, việc đánh giá kết quả học tập còn một số mặt cần phải hoàn thiện: (1) Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CĐR còn dựa nhiều vào việc kiểm tra khả năng tái hiện, tái tạo kiến thức, giải các bài tập trong lớp học hơn đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên; (2) Các quy định về đổi mới hình thức đánh giá kết quả học tập của người học chưa được rõ ràng dẫn đến gây khó khăn trong việc thực hiện; (3) Tổ chức thi và kiểm tra chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế; (4) Việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định do một số giảng viên đôi khi còn nhập điểm muộn; (5) Vẫn có tình trạng sinh viên nộp đơn phúc khảo muộn do không nhớ chính xác về thời hạn nộp đơn.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

#### *- Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:*

Tất cả các tiêu chí (5/5) trong Tiêu chuẩn 5 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 05 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/5.

## **Tiêu chuẩn 6**

### **Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

#### **Mở đầu**

*Tổng số cán bộ giảng viên của Học viện tính tại thời điểm 31/12/2019 là 124 người, trong đó có 78 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 61,3% tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu toàn Học viện. Cơ cấu gồm 04 người là Phó Giáo sư, 23 người là Tiến sĩ (không kể PGS), 54 người là Thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên (không kể PGS) trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 22,3%. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 71,1%. Học viện chưa thành lập Hội đồng Học viện. Đội ngũ giảng viên Học viện nói chung và Khoa nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, sử dụng, đề bạt cán bộ thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của giảng viên. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.*

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

#### **1. Mô tả**

Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Học viện được thể hiện trong Kế hoạch tuyển dụng và Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên. Học viện có kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm về tuyển dụng đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) để đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục

vụ công đồng của Học viện. Kế hoạch này được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn 2020 và Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030, cũng như trong Đề án Vị trí việc làm năm 2014 của Học viện được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông qua ngày 19/2/2014 tại Quyết định số 189/QĐ-BKHĐT [H1.01.01.03], [H1.06.01.01]. Kế hoạch tuyển dụng cán bộ, giảng viên cũng như trong các Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện nêu trên đều chỉ rõ chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Học viện, nhấn mạnh tới nội dung ưu tiên tuyển dụng người có học vị tiến sĩ từ nước ngoài hoặc từ các trường đại học có uy tín để bổ sung cho đội ngũ giảng viên, có chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ giảng viên để thu hút nhân tài [H1.01.01.03]. Trong Đề án vị trí việc làm xác định rõ số lượng cán bộ, giảng viên cần tuyển dụng đáp ứng các yêu cầu và vị trí việc làm của toàn Học viện nói chung cũng như của Khoa KTQT (trước 2018 là Khoa KTĐT) nói riêng tại phụ lục 6 về mô tả vị trí việc làm [H1.06.01.01]. Nhu cầu phát triển đội ngũ giảng viên của Học viện Chính sách và Phát triển được thể hiện trong Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2011-2020 với các nội dung cụ thể dự kiến đến năm 2020 số lượng giảng viên cơ hữu của Học viện là 150 người, số lượng cán bộ quản lý đến năm 2020 là 52 người [H1.01.01.03]. Đồng thời, trong Quyết định công bố về “Sứ mạng, Tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển” tại Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016, Học viện công bố sứ mạng, mục tiêu đó là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, thạc sĩ, tiến sĩ về chính sách công, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế hướng tới đáp ứng tối đa nguyện vọng của người học và nhu cầu xã hội [H1.06.06.01]. Tổng số GV của Học viện giảng dạy ngành KTQT tính đến ngày 31/03/2020 là 16 GV, gồm 1 PGS, 8 TS và 7 ThS (100% GV có trình độ ThS trở lên, trong đó trình độ TS trở lên là 56,25%). Học viện đã giao cho khoa Kinh tế quốc tế quản lý và triển khai CTĐT ngành KTQT và giao cho Viện Đào tạo quốc tế quản lý và triển khai CTĐT ngành KTQT chất lượng cao. Khoa Kinh tế quốc tế hiện có 8 giảng viên cơ hữu (3 TS, 5 ThS); Viện Đào tạo quốc tế hiện có 9 giảng viên cơ hữu (3 TS, 6 ThS).

Về lĩnh vực NCKH, chuyển giao công nghệ, Học viện phấn đấu đến năm



2020 là Học viện theo định hướng nghiên cứu. Hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện trong chủ trương của Học viện về hoạt động NCKH, công tác xã hội đó là đổi mới nội dung các đề tài thiết thực và tính ứng dụng cao đáp ứng nhu cầu xã hội điển hình với các đề tài như: Cơ sở khoa học và giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam; Đánh giá và kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả đối với một số chính sách phát triển do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất đã được các cấp có thẩm quyền ban hành; Xác định phạm vi nợ công và trần nợ công an toàn của Việt Nam giai đoạn 2014-2020, Nghiên cứu cải cách thể chế kinh tế Việt Nam giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn 2025 [H1.06.06.01].

Hàng năm, dựa trên nhu cầu nhân sự phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH của Khoa, Học viện sẽ lập kế hoạch tuyển dụng viên chức phù hợp [H1.06.01.02], [H1.06.01.03]. Công tác quy hoạch nhằm tạo nguồn đội ngũ cán bộ quản lý được Học viện thực hiện định kỳ theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H1.06.01.04]. Công tác bổ nhiệm được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý nhận được phản hồi tích cực từ phía tập thể cán bộ, giảng viên trong Học viện thông qua Hội nghị cán bộ, công nhân, viên chức hàng năm.

Trên cơ sở yêu cầu của CTĐT, nhu cầu đào tạo, Chiến lược phát triển Học viện, Học viện đã xây dựng kế hoạch trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ giảng viên, đồng thời Học viện cũng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng năm [H1.06.05.03]. Trong đó, Học viện có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm... cho các giảng viên trong Học viện.

Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch tuyển dụng hàng năm, Học viện tiến hành tuyển dụng giảng viên theo đúng quy trình tuyển dụng tại Quyết định số 40/QĐ-HVCSPT ngày 19/3/2012 về việc ban hành quy trình tạm thời về tuyển dụng lao động hợp đồng của Học viện Chính sách và Phát triển. Riêng Khoa KTQT, trong 5 năm Khoa đã tuyển được 04 giảng viên có trình độ thạc sỹ và 01 giảng viên có trình độ Tiến sỹ [H1.06.01.02].

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dựa trên Kế hoạch trung hạn, đề xuất của các Khoa về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên [H1.06.05.03]. Các giảng viên tham gia đào tạo bồi dưỡng được hưởng các chính sách theo quy định.

Học viện đã tổ chức nhiều đợt tập huấn ngắn hạn cho giảng viên, cử và tạo điều kiện cho giảng viên được học tập nâng cao trình độ. Giai đoạn 2015-2019, Khoa KTQT đã cử 02 giảng viên đi học nghiên cứu sinh. Học viện và Khoa KTQT đã cử các giảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng như: Trung cấp lý luận hành, bồi dưỡng giảng viên chính, Nghiệp vụ sư phạm, Tiếng Anh... và cử đi tham gia các hội nghị, hội thảo. Các giảng viên đi học được hỗ trợ học phí theo quy định [H1.06.05.04].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện luôn chú trọng đến quy hoạch đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác kế hoạch/quy hoạch phát triển cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản cho các giai đoạn ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa KTQT chưa có kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa mà chỉ tích hợp vào kế hoạch chung của Học viện.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm 2020 - 2021, Phòng Tổ chức hành chính kết hợp với Khoa KTQT tổ chức xây dựng và triển khai các kế hoạch phát triển giảng viên bám sát với yêu cầu của CTĐT.

### ***- Khắc phục điểm tồn tại:***

Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT xây dựng Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.1: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

**1. Mô tả**

Tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT đáp ứng yêu cầu được nêu trong Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 và Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2009 đến nay, Học viện thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT, Học viện Chính sách và Phát triển hàng năm công bố tổng số giảng viên cơ hữu và tổng số sinh viên để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát. Tính đến 31/3/2020, số lượng giảng viên của ngành KTQT là 16 người, gồm 1 PGS, 8 TS và 7 ThS. 100% giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 56,25 % giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên [H1.08.01.01], [H1.06.02.01], [H1.06.02.02], [H1.06.02.03].

Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được. Công việc chính của giảng viên hiện nay là giảng dạy và NCKH. Đối với hoạt động giảng dạy, giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi để thực hiện một công việc tương đương cho một tiết giảng lý thuyết trên lớp. Định mức giờ chuẩn giảng dạy cho giảng viên Học viện trong một năm học theo hình thức tín chỉ là 245 giờ chuẩn, trong đó giờ trực tiếp lên lớp chiếm ít nhất 50% định mức quy định [H1.06.02.04]. Việc quy đổi giờ chuẩn đối với các hoạt động đào tạo, giảng dạy của giảng viên Học viện được quy định tại Quy chế thu chi nội bộ của Học viện [H1.06.02.06].

Đối với NCKH, giờ chuẩn NCKH là đơn vị thời gian một giờ lao động khoa học và nghiên cứu, 5 giờ chuẩn NCKH tương đương 01 giờ chuẩn giảng dạy [H1.06.02.05].

Việc quy đổi giờ chuẩn đối với các hoạt động đào tạo, giảng dạy của giảng viên Học viện được quy định tại Quy chế Thu chi nội bộ của Học viện (ban hành kèm theo Quyết định số 959/ QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017) [H1.06.02.06]. Trong đó, quy định chi tiết về quy đổi giờ chuẩn giảng dạy bậc

đại học và quy đổi giờ chuẩn đối với các đề tài NCKH sinh viên. Giờ chuẩn giảng dạy bậc đại học được quy định riêng cho lớp đại trà và lớp chất lượng cao, giảng dạy bằng tiếng Anh và tiếng Việt theo quy mô lớp và các nhiệm vụ cụ thể của giảng viên như hướng dẫn sinh viên thực tập tốt nghiệp, làm khóa luận tốt nghiệp... Bên cạnh đó, trong Quy chế thu chi nội bộ, còn quy định chi tiết về quy đổi giờ chuẩn giảng dạy cao học và quy đổi giờ chuẩn đối với công tác ra đề thi, trông thi và chấm thi.

Quy đổi giờ chuẩn NCKH được quy định chi tiết tại Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển. Trong đó, quy định rõ định mức quy đổi giờ chuẩn NCKH khi thực hiện các đề tài NCKH và công nghệ; Xây dựng giáo trình, sách và tài liệu giảng dạy; Đăng bài trên tạp chí hoặc tham gia hội thảo; khi hướng dẫn sinh viên NCKH và tham dự các cuộc thi kiến thức; Tham dự các cuộc thi NCKH khác [H1.06.02.05].

Hiện nay, khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển được thực hiện theo Quy chế giảng viên [H1.06.02.04]. Thời gian làm việc của giảng viên thực hiện theo chế độ tuần làm việc 40 giờ và được xác định theo năm học. Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên trong một năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong Học viện là 1760 giờ, sau khi trừ đi số ngày nghỉ theo quy định.

Định mức giờ chuẩn giảng dạy cho giảng viên Học viện trong một năm học theo hình thức tín chỉ là 245 giờ chuẩn, trong đó giờ trực tiếp lên lớp chiếm ít nhất 50% định mức quy định. Định mức giờ NCKH của từng chức danh giảng viên được quy định cụ thể trong Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển như sau:

**Bảng 6.2.2. Định mức giờ NCKH  
đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển**

<b>Chức danh</b>	<b>GS</b>	<b>PGS</b>	<b>GVC</b>	<b>GV</b>
Định mức (giờ chuẩn)	700	600	600	500

Đối với giảng viên thuộc các Khoa/Bộ môn có đặc điểm đặc thù, định mức giờ NCKH do Giám đốc Học viện xem xét quyết định trên cơ sở đề xuất

của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác [H1.06.02.05].

Hàng năm, các giảng viên trong Khoa KTQT đều đảm bảo đủ định mức thực tế giờ giảng dạy và NCKH thông qua thực hiện các đề tài NCKH các cấp, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành và hội thảo quốc gia, quốc tế, hướng dẫn sinh viên NCKH [H1.06.02.06], [H1.06.02.07], [H1.06.02.08].

**Bảng 6.2.3. Khối lượng giờ dạy và giờ NCKH bình quân/1GV/ năm**

(Đơn vị: Giờ)

TT	Tiêu chí	Năm học			
		2015 - 2016	2016 - 2017	2017- 2018	2018- 2019
1	Khối lượng giờ dạy bình quân/1GV/ năm	213	223	195	328
2	Khối lượng giờ NCKH bình quân/1GV/ năm	1160	984	786	1049

*Nguồn: [H1.06.02.07], [H1.06.02.08]*

Như vậy, qua bảng trên có thể thấy, giai đoạn 2015 - 2019, 100% giảng viên đảm bảo định mức giảng dạy và NCKH. Về cơ bản, giảng viên tham gia giảng dạy ngành KTQT đã tích cực tham gia NCKH, đảm bảo đủ định mức yêu cầu, chất lượng NCKH có xu hướng tăng.

## **2. Điểm mạnh**

Học viện có các quy định cụ thể về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên với các tiêu chí đánh giá rõ ràng và minh bạch. Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng để giảng dạy cho sinh viên ngành KTQT và sinh viên thuộc các ngành khác của Học viện.

## **3. Điểm tồn tại**

Các quy định về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên cũng như quy định về quy đổi khối lượng công việc tiêu chuẩn nằm ở nhiều văn bản khác nhau.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm 2020, Khoa KTQT phối hợp với Phòng TC-HC tiếp tục rà soát, đề xuất với Ban Giám đốc Học viện đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực, chính sách khuyến khích NCKH đối với giảng viên.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020 - 2021, Phòng TC-HC phối hợp

với các đơn vị thuộc Học viện xây dựng một văn bản chung thống nhất quy định về khối lượng giờ giảng, giờ NCKH và cách thức quy đổi.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.2: Đạt (mức 5/7)**

*Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai*

### **1. Mô tả**

Học viện có các văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng...). Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên cho từng hạng giảng viên được quy định rõ ràng trong Quy chế giảng viên bao gồm tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ [H1.06.02.04]. Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành kèm theo Quyết định số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/2/2014 đã quy định cụ thể về các tiêu chí đối với giảng viên cần đạt được bao gồm: Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (Trình độ thạc sĩ trở lên ngành phù hợp với KTQT); Tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ (năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp, năng lực truyền đạt, năng lực NCKH, năng lực nâng cao trình độ); Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp và các tiêu chuẩn khác [H1.06.01.01]. Ngoài ra, các tiêu chí tuyển dụng cũng được công khai trong các thông báo tuyển dụng của Học viện. Các thông tin về tuyển dụng đều được công khai trên website của Học viện, trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo Đầu tư, Tạp chí Kinh tế và Dự báo. Kết quả thi tuyển cán bộ, giảng viên của Học viện được thông báo công khai trên bảng tin của Học viện [H1.06.03.01].

Ngày 28/12/2018, Học viện ban hành quy chế đối với Giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển [H1.06.02.04]. Quy chế này đã cập nhật về các tiêu chuẩn nghề nghiệp để bổ nhiệm các vị trí cho giảng viên của Học viện đảm bảo đúng quy định của Bộ Nội vụ, Bộ GD&ĐT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ví dụ, viên chức thăng hạng từ chức danh giảng viên (hạng III) lên chức danh giảng viên

chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh giảng viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm đối với người có bằng thạc sĩ, 06 (sáu) năm đối với người có bằng tiến sĩ; trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên (hạng III) tối thiểu là 02 (hai) năm.

Quy chế giảng viên và Đề án vị trí việc làm của Học viện được các cán bộ, giảng viên góp ý công khai thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản [H1.06.03.02]. Quy chế Giảng viên được công khai trên trang web Học viện, được gửi tới các Khoa để các Khoa quán triệt trong toàn đơn vị.

## **2. Điểm mạnh**

Với các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên rõ ràng, Học viện đã chuẩn hóa đội ngũ giảng viên đảm bảo chuyên môn và năng lực giảng dạy.

## **3. Điểm tồn tại**

Một vài tiêu chuẩn chuyên môn trong Đề án vị trí việc làm còn chưa cụ thể.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm 2020, Phòng TC-HC rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn đối với giảng viên để tuyển dụng được các giảng viên đáp ứng yêu cầu công việc.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC xây dựng mới Đề án vị trí việc làm theo hướng cụ thể hóa các tiêu chuẩn đối với giảng viên.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.3: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá***

### **1. Mô tả**

Học viện có các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên. Trong Quy chế giảng viên có quy định rõ về năng lực chuyên môn và năng lực nghiệp vụ sư phạm của giảng viên. Các tiêu chí này được quy định riêng cho từng hạng giảng viên [H1.06.02.04]. Ví dụ: Đối với giảng viên hạng II

quy định rõ: a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy; b) Có Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm giảng dạy cao đẳng, đại học cho giảng viên; c) Có Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II); d) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1), đ) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; e) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên; f) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo; g) Có ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học đã được công bố... [H1.06.02.04]

Ngoài ra, Đề án vị trí việc làm cũng quy định về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn của giảng viên cụ thể như sau: a) Xây dựng chương trình giảng dạy ở cấp độ môn học (viết một chương trình môn học/ học phần); b) Có các năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp với chuyên môn của mình (giảng dạy bằng tình huống, thảo luận nhóm, khám phá, mô phỏng, dự án...); c) Năng lực truyền đạt (viết bài giảng và tài liệu học tập, trình bày, đặt câu hỏi, lắng nghe và phản hồi); d) Năng lực tham gia NCKH; e) Năng lực học tập nâng cao trình độ và phát triển bản thân. Tuy nhiên, một số tiêu chí trong các tiêu chuẩn còn chưa cụ thể [H1.06.01.01].

Quy trình đánh giá năng lực giảng viên được quy định tại Quy chế giảng viên của Học viện. Quy trình đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực của giảng viên [H1.06.02.04]. Việc đánh giá được thực hiện hàng năm, theo đúng quy trình từ cá nhân tự đánh giá đến đơn vị đánh giá.

Năng lực của giảng viên còn được thể hiện thông qua đánh giá của sinh viên sau mỗi học kỳ [H1.06.04.02].

Trên cơ sở quy trình và quy định về đánh giá năng lực hàng năm của giảng viên, việc đánh giá giảng viên được thực hiện từ nhiều phía, bao gồm tự đánh giá, đánh giá của người học (thực hiện vào kỳ học kế tiếp) và đánh giá của đơn vị (thực hiện vào cuối năm học). Kết quả cho thấy, 100% giảng viên tham gia giảng dạy ngành KTQT đều đáp ứng tốt các yêu cầu cho giảng dạy và



NCKH [H1.06.04.02], [H1.06.06.04].

Năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy của Học viện được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu, các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

## **2. Điểm mạnh**

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng và đánh giá theo đúng trình tự quy trình và đảm bảo chính xác, khách quan. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

## **3. Điểm tồn tại**

Trong Đề án vị trí việc làm vẫn còn một số tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên còn chưa cụ thể.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC kết hợp với Trung tâm KT&ĐBCL và các đơn vị thuộc Học viện nghiên cứu, đề xuất phương án đánh giá năng lực giảng viên theo từng kỳ học.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020 - 2021, Phòng TC-HC kết hợp với Khoa rà soát, điều chỉnh tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên trong Đề án vị trí việc làm năm 2014.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.4: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

### **1. Mô tả**

Hàng năm, các giảng viên trong Khoa đều có đề xuất về đào tạo bồi dưỡng trong Kế hoạch công tác năm của giảng viên. Khoa tập hợp các đề xuất này, thảo luận, bổ sung thêm các đề xuất đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của

CTĐT ngành KTQT và gửi một bản đề xuất chung của Khoa về Phòng TC-HC tổng hợp và ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên hàng năm [H1.06.05.01], [H1.06.05.02]. Bên cạnh đó, Học viện là một cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư nên hàng năm Học viện nhận được các văn bản về khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hầu hết các giảng viên được tuyển dụng vào Học viện nói chung và Khoa KTQT nói riêng đều có nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH.

Trên cơ sở yêu cầu của CTĐT, nhu cầu đào tạo, Chiến lược phát triển Học viện, Học viện đã xây dựng kế hoạch trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ giảng viên. Hàng năm Học viện cũng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng năm [H1.06.05.03]. Trong đó, Học viện có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm... cho các giảng viên trong Học viện.

Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên được xây dựng trên yêu cầu của CTĐT, phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển của Học viện và được triển khai thực hiện. Nhằm từng bước xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, đáp ứng yêu cầu của CTĐT theo quy định của Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học, Học viện Chính sách và Phát triển đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2015-2020 [H1.06.05.03]. Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dựa trên Kế hoạch trung hạn, đề xuất của các Khoa về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên [H1.06.05.03]. Các giảng viên tham gia đào tạo bồi dưỡng được hưởng các chính sách theo quy định.

Học viện đã tổ chức nhiều đợt tập huấn ngắn hạn cho giảng viên, cử và tạo điều kiện cho giảng viên được học tập nâng cao trình độ. Trong giai đoạn 2015-2019, 100% giảng viên của khoa đã đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Học viện. Khoa KTQT đã cử 02 giảng viên đi học nghiên cứu sinh, Viện Đào tạo quốc tế cử 02 giảng viên đi học nghiên cứu sinh. Khoa KTQT và Viện Đào tạo quốc tế đã cử 26 lượt giảng viên

tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng: Trung cấp lý luận hành chính, Bồi dưỡng giảng viên chính, Nghiệp vụ sư phạm, Tiền viên chức, Các lớp bồi dưỡng về phân tích, phản biện chính sách ... và cử đi tham gia các hội nghị, hội thảo. Các giảng viên đi học được hỗ trợ học phí theo quy định [H1.06.05.04].

Học viện đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng nước ngoài, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ giảng viên trẻ tham gia. Trong giai đoạn 2015 – 2019, Khoa KTQT có 03 giảng viên được cử đi đào tạo ở nước ngoài nhằm nâng cao năng lực cán bộ, giảng viên trong Học viện nói chung và Khoa KTQT nói riêng [H1.06.05.06].

Hàng năm, Khoa đều tổng kết về công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên. Nhìn chung, hàng năm, các giảng viên của Khoa Kinh tế quốc tế đều tham gia ít nhất 01 khóa học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn. Các giảng viên đều hài lòng với chất lượng của các khóa học do Học viện và Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức. Tuy nhiên, các giảng viên có ý kiến về việc nhiều khóa học được tổ chức trùng với lịch giảng hoặc lịch thi học kỳ nên giảng viên khó tham dự [H1.06.05.07].

## **2. Điểm mạnh**

Quá trình xác định nhu cầu đào tạo của đội ngũ giảng viên đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Khoa KTQT và Học viện luôn cập nhật nhu cầu đào tạo của cán bộ giảng viên theo yêu cầu của CTĐT và tạo điều kiện để đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

## **3. Điểm tồn tại**

Thời gian Học viện và Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chưa hoàn toàn phù hợp với lịch giảng dạy của giảng viên.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT phối hợp với Phòng TC-HC tổ chức lấy ý kiến đánh giá của giảng viên sau mỗi khóa học nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC phối hợp các đơn vị chức năng sắp xếp, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian thích hợp với giảng viên (nghỉ hè, tuần dự trữ).

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.5: Đạt (mức 5/7)**

***Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### **1. Mô tả**

Tất cả giảng viên của Khoa KTQT đều có kế hoạch công tác cụ thể theo năm học, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH. Đầu năm, tất cả các giảng viên trong Khoa đều đăng ký kế hoạch công tác năm, chỉ rõ các nhiệm vụ cần hoàn thành trong năm học như: giảng dạy các bậc đại học, cao học; NCKH (viết giáo trình, tài liệu, bài báo, tạp chí, hội thảo...); hướng dẫn NCKH sinh viên, công tác cố vấn học tập, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng [H1.06.05.01].

Mỗi tháng, Khoa đều tiến hành họp và đánh giá kết quả công việc của giảng viên theo tháng. Các cuộc họp đều có đầy đủ các thành viên của Khoa tham dự và các kết quả đánh giá đều có sự thống nhất của các thành viên. Dựa trên kết quả đánh giá của Khoa, Hội đồng xét thu nhập tăng thêm của Học viện đánh giá và công nhận kết quả phân loại theo tháng để làm cơ sở chi trả thu nhập tăng thêm cho giảng viên [H1.06.06.02].

Cuối mỗi năm học, các giảng viên đều phải thực hiện kê khai kết quả cụ thể khối lượng công việc đã thực hiện bao gồm giờ giảng dạy, giờ hướng dẫn thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, luận văn cao học, giờ trông thi, chấm thi, ra đề thi, giờ NCKH và các hoạt động chuyên môn khác cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng như tham gia hỗ trợ trong kỳ thi tuyển sinh tại các địa phương, thực hiện các dự án tư vấn doanh nghiệp... Sau đó Lãnh đạo Khoa, Phòng QLĐT, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác và Phòng Kế hoạch - Tài

chính rà soát lại làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên, và tính thừa giờ và công khai trên website Học viện hoặc đăng ở bản tin của Học viện [H1.06.06.02], [H1.06.02.07], [H1.06.02.08]. Mức độ hoàn thành công việc của giảng viên là cơ sở để đánh giá phân loại viên chức và xét các danh hiệu thi đua, và hình thức thi đua khen thưởng tại Học viện [H1.06.06.02].

Giảng viên Khoa KTQT hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Học viện và các cấp có thẩm quyền. Tính đến thời điểm hiện nay không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các giảng viên [H1.06.06.04].

## **2. Điểm mạnh**

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được Học viện và Khoa thực hiện tốt, khách quan, công bằng. Tất cả giảng viên khoa KTQT đều hài lòng với việc đánh giá kết quả công việc và thi đua khen thưởng của Học viện.

## **3. Điểm tồn tại**

Vì kế hoạch công tác của giảng viên được xây dựng theo năm học nên việc quản trị theo kết quả công việc của tháng hay kỳ học gặp khó khăn.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2020 - 2021, Học viện tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích giảng viên nỗ lực trong công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT yêu cầu giảng viên phải xây dựng kế hoạch công việc theo kỳ học để thuận tiện cho việc quản trị và đánh giá kết quả công việc.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.6: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### **1. Mô tả**

Học viện có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt

động NCKH mà giảng viên phải thực hiện. Các hoạt động NCKH của giảng viên trong Học viện và trong Khoa KTQT được thực hiện theo quy định tại Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện ban hành tại Quyết định số 655/QĐ-HVCSPT ngày 05/11/2015; Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành theo Quyết định số 514/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015; Quy chế Giảng viên ban hành sửa đổi theo Quyết định số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018 [H1.06.02.04], [H1.06.02.05]. Trong các quy định này chỉ rõ định mức về giờ NCKH, các loại hình hoạt động NCKH mà mỗi giảng viên phải đảm nhiệm tùy vào trình độ học vấn. Tại điều 6, Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành theo Quyết định số 514/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015 quy định rõ: Đối với các giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp, giảng viên chính và các giảng viên có học vị tiến sĩ: 1) Hàng năm phải thực hiện được ít nhất 1 trong ba nhiệm vụ đó là: chủ nhiệm 01 đề tài/đề án khoa học từ cấp cơ sở (hoặc tương đương) trở lên; hoặc là có ít nhất 01 công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0,5 trở lên; hoặc là tác giả chính thực hiện các đề án/bài viết phục vụ tham mưu cho Chính phủ hoặc lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện thông qua; 2) Trong thời gian đến 02 năm tối thiểu phải có 01 công trình cứu khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0,75 trở lên. Đối với các giảng viên có trình độ thạc sĩ: 1) Hàng năm tối thiểu phải thực hiện được 1 trong hai nhiệm vụ đó là: tham gia 01 đề tài cấp cơ sở hoặc tương đương trở lên; có ít nhất 01 công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0,25 trở lên; 2) Trong thời gian đến 02 năm tối thiểu phải là chủ nhiệm 01 đề tài/đề án khoa học từ cấp cơ sở (hoặc tương đương) trở lên (Đề tài được nghiệm thu); 3) Trong thời gian đến 02 năm tối thiểu phải có 01 công trình nghiên cứu khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0,5 trở lên. Tại điều 11 của Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành theo Quyết định số 514/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015 quy định

rõ định mức giờ chuẩn NCKH của giảng viên như sau:

CHỨC DANH	GS	PGS	GVC	GV
Định mức giờ nghiên cứu khoa học (giờ chuẩn NCKH)	700	600	600	500

Cuối mỗi năm học, Khoa KTQT đều rà soát kết quả hoạt động NCKH của giảng viên, lập báo cáo tổng hợp về hoạt động NCKH của giảng viên trong khoa, có sự đối sánh kết quả qua các năm và với các khoa khác trong Học viện [H1.06.06.01]. Trên cơ sở đó, Khoa KTQT đề xuất với Học viện các biện pháp để thúc đẩy hoạt động NCKH của giảng viên. Các công trình nghiên cứu của các giảng viên trong khoa được ứng dụng vào giảng dạy các môn học và việc học tập của sinh viên như Giáo trình KTQT, Giáo trình nội bộ Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, Đề án “Nghiên cứu về những thách thức, thuận lợi trong thu hút đầu tư nước ngoài và sự chuẩn bị của Việt Nam khi gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015”, “Nghiên cứu thực trạng và xu hướng đầu tư của một số nước trước bối cảnh mới phát sinh của Hiệp định TPP: Các khuyến nghị chính sách xúc tiến đầu tư nước ngoài cho Việt Nam”, “Nghiên cứu tác động của tranh chấp thương mại Mỹ - Trung đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam” [H1.01.02.03].

Số lượng các đề tài và bài viết cho tạp chí chuyên ngành, hội thảo có xu hướng ngày càng tăng. Trong đó, trước năm 2018, các giảng viên chỉ tham gia vào các đề tài cấp trường và cấp Bộ nhưng trong năm 2018-2019, các giảng viên đã tham gia vào 03 đề tài cấp Nhà nước.

Trong giai đoạn 2015-2019, Khoa KTQT đã thực hiện 2 đề tài cấp cơ sở,; có 01 bài báo công bố trên tạp chí nước ngoài, 12 bài báo công bố trên tạp chí trong nước và có 14 bài đăng kỷ yếu khoa học tại các hội thảo trong nước và nước ngoài; đã hoàn thành 3 giáo trình, đã hướng dẫn 103 đề tài NCKH của SV với 358 lượt SV tham gia. Viện Đào tạo quốc tế đã thực hiện 4 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp cơ sở; có 1 bài báo công bố trên tạp chí ISI, 23 bài báo công bố trên tạp chí trong nước và có 13 bài đăng kỷ yếu khoa học tại các hội thảo trong nước và nước ngoài; đã hoàn thành và xuất bản 2 sách ở Nhà xuất bản Dân trí; đã hướng dẫn 75 đề tài NCKH của SV với 167 lượt SV tham gia.

Tuy nhiên, hoạt động NCKH của Khoa KTQT chủ yếu tập trung vào các giảng viên lớn tuổi, có kinh nghiệm nhiều năm nghiên cứu, các giảng viên trẻ còn chưa tích cực tham gia [H1.06.06.01].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ giảng viên ngành KTQT tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Bộ và cấp Nhà nước, viết các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình sách chuyên khảo.

## **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động NCKH của giảng viên Khoa KTQT tập trung vào một số giảng viên.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2020 – 2021, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích giảng viên nỗ lực NCKH.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020 – 2021, Khoa KTQT giao các giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu hướng dẫn các giảng viên trẻ thực hiện viết và đăng bài trên các báo, tạp chí khoa học.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.7: Đạt (mức 5/7).**

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 6***

#### ***- Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn***

Học viện luôn chú trọng đến kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên của Khoa đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và giảng dạy. Học viện có quy định cụ thể, rõ ràng về đánh giá kết quả công việc, khen thưởng đối với giảng viên không chỉ giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt.

#### ***- Tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn***

Khoa KTQT chưa có kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa mà chỉ tích hợp vào kế hoạch chung của Học viện. Trong Đề án vị trí



việc làm vẫn còn một số tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên còn chưa cụ thể. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên theo tháng hay kỳ học còn gặp khó khăn. Hoạt động NCKH của giảng viên Khoa KTQT còn tập trung vào một số giảng viên.

Học viện và Khoa KTQT đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

*- Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:*

Tất cả các tiêu chí (7/7) trong Tiêu chuẩn 6 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 07 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/7.

## **Tiêu chuẩn 7**

### **Đội ngũ nhân viên**

#### **Mở đầu**

*Đội ngũ cán bộ, nhân viên của Học viện gồm có 7 trợ lý khoa làm việc tại các Khoa chuyên ngành (Học viện có 8 Khoa chuyên ngành, mỗi khoa chuyên ngành có 1 trợ lý khoa), và 42 cán bộ, nhân viên làm việc tại các Phòng, Ban, Trung tâm trực tiếp hỗ trợ các hoạt động giảng dạy và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho sinh viên và giảng viên công tác tại Học viện nói chung và Khoa chuyên ngành nói riêng. Tại Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/7/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển, Học viện xác định cơ cấu tổ chức gồm 9 Phòng chức năng và Trung tâm, đảm nhiệm nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Học viện, gồm Phòng TTC-HC, Phòng QLĐT, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng CT&CTSV, Trung tâm KT&ĐBCL, Trung tâm BD,TV&PBCS Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo và Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông. Các cán bộ, nhân viên đều có bằng cử nhân trở lên, vì vậy, họ có đủ khả năng để hỗ trợ giảng dạy cho cán bộ giảng dạy và tư vấn chuyên môn cho sinh viên. Trong những năm gần đây, Học viện đã có các quy trình và tiêu chí tuyển chọn nhân viên cụ thể, vì thế đã tuyển được đội ngũ nhân viên giỏi nghề và có phẩm chất đạo đức tốt. Trong quá trình công tác, đội ngũ nhân viên được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước để nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ đào tạo. Vì vậy, chất lượng các hoạt động hỗ trợ đào tạo từ lực lượng cán bộ, nhân viên càng ngày càng tăng lên.*

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

#### **1. Mô tả:**

Hàng năm, Học viện đều có kế hoạch khảo sát nhu cầu về nguồn nhân lực nói chung và các đối tượng làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin

và các dịch vụ hỗ trợ khác nói riêng. Các Phòng/Ban/Trung tâm và các Khoa hàng năm đều có biên bản đề xuất nhu cầu nhân lực bổ sung căn cứ trên yêu cầu công việc thực tế. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Phòng TC-HC tổng hợp phân tích, trình lãnh đạo Học viện về nhu cầu nguồn nhân lực nói chung và về đội ngũ nhân viên làm việc tại Thư viện, hệ thống thông tin và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H1.07.01.02].

Trên cơ sở đó, Học viện xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ, viên chức và cán bộ lao động hợp đồng hàng năm [H1.06.01.03]. Trong kế hoạch đều căn cứ trên cơ sở chỉ tiêu và phân tích nhu cầu nguồn nhân lực thực tế để xác định số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cần tuyển thêm cho các phòng, ban, trung tâm dịch vụ và hỗ trợ khác. Trong Quy chế Thu chi nội bộ của Học viện ban hành theo Quyết định số 959/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017, Học viện có đưa ra những chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và dịch vụ hỗ trợ đào tạo như: nhân viên được cử đi học nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ đúng hạn được thưởng 10 triệu [H1.06.02.06]. Chiến lược của Học viện cũng đã ghi rõ mọi nhân sự trong Học viện đều được tạo điều kiện về thời gian hoặc hỗ trợ kinh phí tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm. Phát huy tinh thần đó, trong giai đoạn 2015-2019 đã có khoảng hơn 100 lượt nhân viên, chuyên viên được cử đi học thạc sĩ, tiến sĩ và các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ như nghiệp vụ kiểm định, nghiệp vụ thư viện, công nghệ thông tin... [H1.06.05.06 ], [H1.06.05.04], [H1.07.01.03].

Hàng năm, Học viện đều triển khai việc quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) [H1.07.01.04]. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược phát triển của Học viện, đề án việc làm đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/2/2014 trong đó đã đưa ra quy hoạch về số lượng nhân sự các đơn vị trong Học viện. Trong đó, Thư viện có 2 nhân sự, quản trị thiết bị có 2 nhân sự, công nghệ thông tin có 2 nhân sự và các đơn vị hỗ trợ khác như y tế có 1, Trợ lý các khoa có 7 [H1.06.01.01]. Nhìn chung, tính đến tháng 12/2019, số

lượng của nhân sự tại các đơn vị như thư viện, công nghệ thông tin, dịch vụ hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy hoạch của Học viện. Cụ thể, công nghệ thông tin có 2, riêng vị trí y tế vượt quy hoạch. Tuy nhiên, Trợ lý khoa đảm bảo đủ 7 người, nhưng tại Khoa Luật Kinh tế trợ lý phải kiêm nhiệm, do số lượng sinh viên còn ít. [H1.07.01.05]

Nhìn chung, nhân viên làm việc tại Thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong 5 năm, trong giai đoạn 2015-2019, khoảng 85% đạt đánh giá trong phân loại cán bộ viên chức đều đạt mức lao động tiên tiến và được khen thưởng hàng năm [H1.06.06.03]. Đồng thời, hàng năm đều có khảo sát của giảng viên và sinh viên về năng lực và thái độ, trách nhiệm của nhân viên thư viện và kỹ thuật viên CNTT. Qua kết quả khảo sát, vẫn có hơn 10% tỉ lệ chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối phòng, ban, trung tâm [H1.04.02.10]. Còn trong kết quả khảo sát về khả năng hỗ trợ sinh viên của đội ngũ nhân viên qua các năm từ 2015 – 2019, các chỉ tiêu về năng lực chuyên môn, thái độ tinh thần, trách nhiệm của nhân viên thư viện và các kỹ thuật viên công nghệ thông tin đều chiếm tỷ lệ cao. Tỷ lệ này cũng tương đồng với việc khảo sát mức độ hoàn toàn đồng ý của đội ngũ giảng viên về sự hài lòng đối với nhân viên thư viện và kỹ thuật viên công nghệ thông tin.

## **2. Điểm mạnh**

Số lượng cán bộ, nhân viên của Học viện đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng. Kết quả khảo sát đánh giá sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động của khối Phòng, Ban, Trung tâm đều đạt ổn định ở mức trên 85-90% hài lòng và rất hài lòng.

Tổng số cán bộ, nhân viên làm ở các Phòng, Ban, Trung tâm được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng (dài hạn và ngắn hạn) có số lượng lớn, ngày càng tăng.

## **3. Điểm tồn tại**

Học viện hiện vẫn còn nhân viên Trợ lý khoa kiêm nhiệm. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn khoảng 10-15% tỉ lệ sinh viên chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối Phòng, Ban, Trung tâm.

#### **4. Kế hoạch hành động:**

##### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Các khoa phối hợp với các Phòng, Trung tâm tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên giỏi.

##### ***- Khắc phục điểm tồn tại:***

Trong năm học 2020 - 2021, Phòng TC-HC xây dựng và tham mưu Ban Giám đốc Học viện ban hành kế hoạch tuyển dụng, sắp xếp cán bộ trợ lý khoa dựa trên sự phát triển về quy mô của sinh viên. Đồng thời Phòng TC-HC làm việc với các Phòng, Trung tâm để phân tích về nguyên nhân vẫn có 1 tỉ lệ nhỏ giảng viên, sinh viên chưa hài lòng về chất lượng phục vụ của cán bộ, nhân viên khối phòng ban để cải thiện chất lượng phục vụ.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.1: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

##### **1. Mô tả**

Học viện đã ban hành quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển cán bộ, nhân viên tại Quyết định số 40/QĐ-HVCSPT ngày 19/03/2012 về quy trình tạm thời tuyển dụng lao động hợp đồng của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.06.01.03], [H1.07.02.01]. Theo đó, đối với nhân viên, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên bao gồm 8 bước. Cụ thể gồm: Xác định nhu cầu tuyển dụng; Kế hoạch nhân sự; Phê duyệt kế hoạch nhân sự; Thông báo tuyển dụng; Thu nhận hồ sơ và sơ tuyển; Tổ chức kiểm tra chuyên môn và phỏng vấn; Thông báo kết quả và ký hợp đồng lao động; và Tiếp nhận nhân viên mới.

Học viện cũng đưa ra những tiêu chí cụ thể để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên các khối Phòng, Trung tâm hỗ trợ tại từng đợt tuyển dụng cụ thể [H1.06.01.03], [H1.07.02.04], [H1.06.06.03]. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên đều được dựa trên những tiêu chí rõ ràng về bằng cấp, tuổi đời, phẩm chất đạo đức, sức khỏe. Những tiêu chí này được đưa ra dựa trên yêu cầu của các vị trí công việc tại khối Phòng, Trung tâm tại Đề án vị trí việc

làm của Học viện [H1.06.01.01].

Tất cả quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, và điều chuyển nhân viên đều được gửi dự thảo để lấy ý kiến của các đơn vị bằng văn bản cũng như lấy ý kiến tại các buổi Hội nghị Viên chức và người lao động hàng năm [H1.07.02.02] đồng thời được đăng công khai trên website Học viện tại địa chỉ [www.apd.edu.vn](http://www.apd.edu.vn). Việc Học viện chỉ đăng trên trang website của Học viện khiến nhiều đối tượng tuyển dụng chưa tiếp cận được thông tin dẫn đến kết quả tuyển dụng chưa thực sự đa dạng.

## **2. Điểm mạnh**

Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển nhân viên của Học viện đã có đầy đủ tiêu chí, qui trình rõ ràng, công bố công khai.

## **3. Điểm tồn tại**

Các kênh để phổ biến thông tin tuyển dụng, kết quả tuyển dụng chưa thật sự đa dạng.

## **4. Kế hoạch hành động:**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Trong năm học 2020 – 2021, Khoa tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy trình, tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn được những nhân viên phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Trong năm học 2020 - 2021, Phòng TC-HC cán bộ sẽ phối hợp với các Khoa phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng như thông báo trên báo điện tử, truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu sinh viên.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.2: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá***

### **1. Mô tả**

Thực hiện Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 về đánh giá và phân loại cán bộ công chức và viên chức, hàng năm, Học viện đã thực hiện việc

đánh giá theo đúng quy trình và tiêu chuẩn. Quy trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên tại Học viện được thực hiện bắt đầu từ Bản kiểm điểm cá nhân của từng cán bộ, nhân viên; Bản kiểm điểm cá nhân được xem xét và đánh giá bởi đồng nghiệp và lãnh đạo đơn vị. Hội đồng Thi đua khen thưởng của Học viện sẽ căn cứ trên đánh giá đó để xếp loại thi đua khen thưởng cho từng cán bộ, nhân viên của Học viện [H1.07.03.01]. Nhìn chung, quy trình đánh giá này được xây dựng trên phương pháp đánh giá đa chiều, gồm cả tự đánh giá của chính cán bộ, nhân viên, đồng nghiệp đánh giá, cấp trên đánh giá và có sự đánh giá của cả Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp. Theo đó, đội ngũ cán bộ, nhân viên được đánh giá hàng năm thông qua một số công cụ như: đánh giá qua hồ sơ, đánh giá qua nhìn lại quá trình của nhân viên và theo các tiêu chí đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm theo mức từ xuất sắc, tốt, hoàn thành và không hoàn thành. Do đó, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi nhân viên [H1.06.06.03].

Trên cơ sở quy trình đánh giá trên, các cán bộ, nhân viên được xếp loại thi đua khen thưởng theo các mức cụ thể từ Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Lao động tiên tiến và các cán bộ, nhân viên được Giám đốc Học viện tặng giấy khen. Trong giai đoạn từ 2015-2019, Học viện có tổng số 79 lượt cán bộ, giảng viên đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và 127 lượt cán bộ, giảng viên được Giám đốc Học viện tặng giấy khen. Có 85% cán bộ, giảng viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hàng năm [H1.06.06.03] và 5 nhân viên được xét nâng bậc lương trước hạn [H1.07.03.02].

Ngoài đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm, công việc của các cán bộ, nhân viên còn được đánh giá từ góc nhìn của các đối tượng thụ hưởng dịch vụ, là giảng viên và sinh viên Học viện thông qua các cuộc khảo sát đánh giá sự hài lòng của cán bộ, sinh viên đối với hoạt động của khối Phòng, Ban, Trung tâm. Kết quả khảo sát hàng năm về công tác hỗ trợ đào tạo của khối Phòng, Ban, Trung tâm đều đạt tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng đều đạt trên 85-90% [H1.04.02.10].

## **2. Điểm mạnh**

Cán bộ, nhân viên của Học viện được đánh giá thường xuyên (qua công

việc hàng ngày) và định kỳ hàng năm dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.

### **3. Điểm tồn tại**

Hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi nhân viên.

### **4. Kế hoạch hành động**

#### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Học viện tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách quản lý nguồn nhân lực để phát triển đội ngũ cán bộ (chuyên viên) một cách toàn diện..

#### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020 - 2021, ở cấp độ Học viện, Phòng TC-HC nghiên cứu đề xuất với Ban Giám đốc hoàn thiện bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ (chuyên viên) hỗ trợ, tiêu chuẩn đánh giá kết quả công việc theo hướng định lượng, hoàn thiện quy trình đánh giá. Ở cấp độ Khoa, lãnh đạo Khoa lưu ý thêm một số đặc điểm đặc thù của công việc trước khi phân công công việc đối với các cán bộ trợ lý.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.3: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

#### **1. Mô tả**

Hàng năm, Học viện đều thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc [H1.07.04.01]. Ngoài ra, Trung tâm Bồi dưỡng Cán bộ Kinh tế - Kế hoạch (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cũng thường xuyên gửi các công văn về việc mở các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ, chuyên viên đối với các đơn vị trực thuộc Bộ [H1.07.04.01].



Trên cơ sở nguyện vọng của từng cán bộ, nhân viên, cùng với những yêu cầu về trình độ của cán bộ, nhân viên theo từng vị trí việc làm, các Phòng, Ban, Trung tâm đã họp đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị mình, đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên. Tuy nhiên, Học viện vẫn chưa có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ nhân viên[H1.07.04.02].

Thực hiện các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, chuyên viên, trong giai đoạn 2015 – 2019, Học viện có 2 cán bộ, nhân viên được cử đào tạo tiến sỹ, 6 cán bộ, nhân viên được cử đào tạo thạc sỹ (trong đó, khoa có 1 Trợ lý khoa được cử đi đào tạo thạc sỹ từ 2017 – 2019), 8 cán bộ, nhân viên được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại nước ngoài và khoảng hơn 100 lượt cán bộ, nhân viên được cử tham gia các khóa học bồi dưỡng trong nước [H1.06.05.04], [H1.06.02.06].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên. Đồng thời đã triển khai những hoạt động thiết thực đáp ứng nhu cầu đào tạo đó.

## **3. Điểm tồn tại**

Học viện chưa có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ nhân viên.

## **4. Kế hoạch hành động:**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Trong năm 2020 - 2021, Phòng TC-HC sẽ tiếp tục phối hợp với các Khoa, Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông để phát triển các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Trong năm 2020 - 2021, Khoa phối hợp với Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch dài hạn bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ nhân viên nhằm tạo cơ hội phát triển.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.4: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

Học viện đã ban hành Đề án việc làm có mô tả cụ thể nhiệm vụ và khối lượng công việc cho từng vị trí việc làm của cán bộ, nhân viên trong Học viện, gồm vị trí Trợ lý các Khoa chuyên ngành, chuyên viên các Phòng chuyên môn, các Trung tâm hỗ trợ và dịch vụ [H1.06.01.01]. Trên cơ sở đó, Học viện cũng đã có các quyết định quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, nhân viên [H1.06.06.03].

Việc triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công được thực hiện theo nhiều hình thức phù hợp với đặc thù công việc của cán bộ, chuyên viên. Hiện tại, Học viện thực hiện việc giám sát công việc của cán bộ, nhân viên thông qua hệ thống điểm danh. Học viện quy định cán bộ, nhân viên sẽ thực hiện điểm danh 3 lần mỗi ngày làm việc vào trước 8h00, 13h30 và 17h00 [H1.07.03.06]. Kết quả thực hiện giám sát công việc bằng điểm danh là cơ sở để xác định mức thu nhập tăng thêm hàng tháng. Tùy vào việc thực hiện điểm danh và mức độ hoàn thành các công việc cụ thể khác, cán bộ, nhân viên sẽ được xếp hạng theo 4 loại A, B, C, D và nhận mức thu nhập tăng thêm tương ứng 100%, 75%, 50% và 25%; điều này được quy định cụ thể trong Quy chế Thu chi nội bộ của Học viện [H1.06.02.06]. Học viện cũng chi trả thêm 10% phụ cấp cho cán bộ, nhân viên công tác tại Học viện qua chi trả thu nhập tăng thêm [H1.07.05.01]. Mức xếp hạng thu nhập tăng thêm cũng là cơ sở để xác định mức thưởng cuối năm dành cho toàn thể cán bộ, nhân viên của Học viện. Tuy nhiên, hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc chưa hoàn thiện vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá [H1.06.06.02], [H1.06.06.03].

Căn cứ vào các nhiệm vụ nêu trong đề án vị trí việc làm và các công việc đặc thù khác, mỗi cán bộ, chuyên viên xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm. Đây là căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả công việc, mức độ đóng góp trong hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H1.07.05.02].

Tất cả những quy định liên quan đến việc đánh giá hiệu quả công việc đều được thảo luận rộng rãi trong toàn thể cán bộ, nhân viên, giảng viên của Học

viện. Trong giai đoạn 2015-2019, Quy chế Thu chi nội bộ đã được sửa đổi 2 lần, mỗi lần ban hành sửa đổi đều có sự thảo luận trong toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn Học viện [H1.06.02.06]. Trong đó, nội dung về quy trình xét và xếp hạng thu nhập tăng thêm hàng tháng dựa trên giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc cũng đều đảm bảo sự tham gia của 100% cán bộ, nhân viên trong xếp hạng, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của họ. Hội đồng xét thu nhập tăng thêm hàng tháng có sự tham gia của đại diện Lãnh đạo các Khoa, Phòng, Trung tâm tiến hành thảo luận, xem xét, xếp hạng từng cán bộ, nhân viên trên cơ sở những đánh giá, xếp hạng tại từng đơn vị [H1.06.06.02]. Mỗi cán bộ, nhân viên đều có cơ hội giải trình, phản biện hoặc nêu ý kiến về những xếp hạng thu nhập tăng thêm hàng.

Ngoài việc được tham gia ý kiến và đảm bảo cơ hội giải trình trong các hoạt động xếp hạng, đánh giá kết quả công việc hàng tháng, cán bộ, nhân viên cũng được tham gia vào thảo luận và có ý kiến đóng góp trong tất cả các đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm tại Hội nghị cán bộ công nhân viên chức hàng năm của Học viện [H1.06.06.03], [H1.07.05.06]. Ngoài ra, mỗi khi Học viện thay đổi hoặc điều chỉnh quy trình đánh giá, giám sát kết quả công việc, Học viện đều có tổ chức lấy ý kiến thảo luận của tất cả các cán bộ, nhân viên, giảng viên trong toàn Học viện, nhằm đảm bảo tất cả nhân viên đều có cơ hội đóng góp ý kiến trong việc xây dựng các quy trình đánh giá và quản trị công việc của họ [H1.07.02.02].

Thông qua việc lấy ý kiến rộng rãi trước khi ban hành quy chế và việc đánh giá, bình chọn được tiến hành một cách khách quan, minh bạch nên tỉ lệ đồng thuận của cán bộ, chuyên viên đối với công tác quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt công tác thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền luôn rất cao [H1.06.06.03].

## **2. Điểm mạnh**

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên của Học viện được quy định rõ ràng và công khai minh bạch, kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ cán bộ thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

### **3. Điểm tồn tại**

Hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc chưa hoàn thiện vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá.

### **4. Kế hoạch hành động**

#### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với Phòng TC-HC hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực chú trọng khâu đánh giá kết quả thực hiện bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể để đánh giá chất lượng công việc và theo dõi, giám sát thực hiện.

#### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020-2021, Khoa phối hợp với Phòng TC-HC hoàn thiện bộ tiêu chí định lượng để đánh giá chất lượng công việc.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.5: Đạt (mức 5/7).**

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 7:***

#### ***- Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:***

Học viện có qui trình, tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển rõ ràng và được công bố công khai. Học viện có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển cũng như thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua điểm danh hàng ngày, đánh giá thu nhập tăng thêm hàng tháng) và định kỳ cuối năm học dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.

#### ***- Điểm tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:***

Học viện còn khoảng 10-15% tỉ lệ chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối cán bộ, nhân viên Phòng, Trung tâm. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng của Học viện chưa thật sự đa dạng và phong phú. Kinh phí dành cho việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho khối cán bộ, nhân viên còn hạn chế. Bên cạnh đó, hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi chuyên viên. Hệ thống

tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc cũng chưa thực sự hoàn thiện, vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá.

Học viện và Khoa đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

- *Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn 7:*

Tất cả các tiêu chí (5/5) trong tiêu chuẩn 7 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 05 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/5.

## **Tiêu chuẩn 8**

### **Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

#### **Mở đầu**

*Hàng năm, Học viện có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật, qui mô tuyển sinh của các ngành, trong đó có ngành Kinh tế quốc tế tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành. Bên cạnh đó, Học viện cũng có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác được thực hiện thường xuyên để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học như định kỳ tiến hành tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, gặp gỡ, giao lưu giữa sinh viên với các chuyên gia về kinh tế quốc tế, đầu tư nước ngoài và học hỏi thực tế từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng... Học viện và Khoa cũng phối hợp để xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, hướng đến sự thoải mái cho cá nhân người học.*

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật***

#### **1. Mô tả**

Học viện Chính sách và Phát triển có chính sách tuyển sinh rõ ràng và được cập nhật hàng năm đối với ngành KTQT, đầy đủ, chi tiết và công khai trong nội dung Đề án tuyển sinh của Học viện [H1.08.01.01], [H1.08.01.02]. Trong Đề án đã xác định đối tượng tuyển sinh, chính sách xét tuyển, chính sách ưu tiên xét tuyển, đối tượng xét tuyển và phương pháp xét tuyển, phạm vi, ngành tuyển sinh, lịch tuyển sinh, phương thức đăng ký dự tuyển, lệ phí tuyển sinh và học phí dự kiến của các chương trình. Phương thức tuyển sinh ngành KTQT: (1) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT và (2) Xét tuyển kết hợp (từ năm 2017). Chỉ tiêu tuyển sinh ngành KTQT được xác định rõ ràng hàng năm với 140 sinh viên/năm, các mã tổ hợp môn xét tuyển theo các khối A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh); D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) và D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh). Quy trình xét tuyển được xây dựng một cách rõ

ràng theo nguyên tắc xét tuyển dựa vào hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành KTQT (như điểm, đối tượng ưu tiên...) được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, đó là mức điểm cộng đối tượng ưu tiên từ 1-2 điểm, mức điểm cộng khu vực ưu tiên từ 0,25-0,75 điểm [H1.08.01.01].

Riêng đối với chương trình KTĐN CLC phương thức tuyển sinh có điểm khác biệt: Đối tượng tuyển là các thí sinh đã trúng tuyển vào bất kỳ chuyên ngành đào tạo của Học viện đều có quyền đăng ký xét tuyển vào chuyên ngành KTĐN CLC theo 02 phương thức tuyển sinh:

- *Tuyển thẳng*: Các thí sinh đã trúng tuyển vào Học viện có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.0 trở lên (hoặc tương đương) hoặc đạt điểm thi THPT Quốc gia môn Tiếng Anh theo quy định của Học viện;

- *Xét tuyển*: Các thí sinh đã trúng tuyển vào Học viện theo quy định của Học viện. Nội dung đánh giá gồm: Bài thi tiếng Anh và Phỏng vấn

Chính sách tuyển sinh ngành KTQT được công bố công khai. Các thông tin về tuyển sinh được Học viện và Khoa KTQT công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi, các kênh thông tin như website chính thức của Học viện tại địa chỉ [www.apd.edu.vn](http://www.apd.edu.vn), cổng thông tin tuyển sinh <http://tuyensinh.apd.edu.vn>. Đề án tuyển sinh của Học viện trong giai đoạn 2015 – 2019 ghi rõ, với đối tượng thí sinh trong phạm vi cả nước cụ thể: Học sinh tốt nghiệp THPT, đủ sức khỏe, không vi phạm pháp luật. Quy trình xét tuyển được ghi rõ. Phương thức tuyển sinh đa dạng, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các Đề án tuyển sinh trong 5 năm được công khai trên cổng thông tin của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin của Học viện, trên một số báo điện tử (Dân trí, Giáo dục thời đại, Đầu tư...) và fanpage, trong các tờ gấp Học viện, các poster [H1.08.01.04]. Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch xúc tiến tuyển sinh [H1.08.01.03] nhằm truyền tải thông tin giúp phụ huynh và thí sinh hiểu rõ chương trình đào tạo và giải đáp các thắc mắc. Các kênh truyền thông được thực hiện đó là cổng thông tin điện tử của Học viện, trang Facebook tư vấn tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ: <https://www.facebook.com/tvtsapd/>, trang facebook tư vấn của Khoa KTQT tại địa chỉ <https://www.facebook.com/Khoa-Kinh->

T%E1%BA%BF-Qu%E1%BB%91c-T%E1%BA%BF-APD-

702567206505224/. Đồng thời Học viện cũng tiến hành quảng bá tuyển sinh qua các kênh truyền thông trực tiếp như chuyển tài liệu về các trường THPT, tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh do Bộ GD&ĐT phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức tại Hà Nội và một số địa phương khác, truyền thông qua sinh viên đang theo học tại Học viện với phong trào “Chúng tôi nói về chúng tôi” để sinh viên tự giới thiệu các thông tin về Học viện tới học sinh tại các trường THPT đã từng theo học. Mọi thông tin tuyển sinh được hỗ trợ kịp thời 24/7 trên các số điện thoại cố định, di động được công khai trên website tại địa chỉ <http://tuyensinh.apd.edu.vn/>.

Từ năm 2014 trở về trước, Học viện Chính sách và Phát triển thực hiện tuyển sinh hệ đại học ngành KTQT theo hình thức thi tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bắt đầu từ năm 2015 trở đi, Học viện thực hiện Đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học. Theo đó, phương thức tuyển sinh ngành KTQT của Học viện có các phương thức sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia để xét tuyển với tổ hợp các môn thi thành phần của các bài thi để xét tuyển với tổ hợp các khối A00, A01, D01, D07. Từ năm 2017, bên cạnh phương thức tuyển sinh bên cạnh xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT, Học viện mở rộng thêm phương thức xét tuyển kết hợp đối với cả hệ đào tạo đại trà và chất lượng cao. Năm 2019, phương thức xét tuyển kết hợp gồm 02 đối tượng: (i) Thí sinh có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 02 môn bất kỳ đạt từ 18,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên); (ii) Thí sinh có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 4.5 trở lên (hoặc tương đương) và có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 01 môn bất kỳ (trừ môn Tiếng Anh) đạt từ 12,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên) [H1.08.01.01]. Thông tin về học phí, điểm trúng tuyển hàng năm được cập nhật đầy đủ. Đối với ngành KTQT năm 2018, 2019 mức điểm trúng tuyển lần lượt là 19,0 và 20,0 [H1.08.01.09].

Chính sách tuyển sinh của ngành KTQT được cập nhật và thực hiện theo đúng các quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H1.08.01.02], [H1.08.01.05], và phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện. Hàng năm, trên cơ sở phân tích đội ngũ, cơ sở vật chất, giảng viên, Khoa KTQT họp và cho ý kiến về chính sách



tuyển sinh tại cuộc họp về chính sách tuyển sinh ngành KTQT [H1.08.01.06], [H1.08.01.08]. Tại Hội nghị công tác tuyển sinh hàng năm của Học viện, cuộc họp Hội đồng tuyển sinh về chính sách tuyển sinh nhiều các ý kiến về phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực của xã hội dựa trên số liệu sơ cấp khảo sát một số nhà tuyển dụng về nhu cầu nhân lực ngành KTQT và số liệu thứ cấp như các kênh thông tin của báo chí, các cơ sở dữ liệu các sở ban ngành, từ đó đưa ra các chính sách tuyển sinh của ngành KTQT [H1.08.01.07].

Với chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật. Ngành KTQT của Học viện đã tuyển sinh được số lượng người học như bảng 8.1.1 sau:

**Bảng 8.1.1. Kết quả tuyển sinh ngành Kinh tế Quốc tế giai đoạn 2015 – 2019**

Năm tuyển sinh	2015	2016	2017	2018	2019
<b>Số lượng thí sinh trúng tuyển</b>	<b>182</b>	<b>212</b>	<b>276</b>	<b>283</b>	<b>263</b>
- Đại trà	118	145	221	208	203
- CLC	64	67	56	75	60
<b>Số lượng nhập học</b>	<b>176</b>	<b>198</b>	<b>251</b>	<b>245</b>	<b>232</b>
- Đại trà	112	131	195	170	172
- CLC	64	67	56	75	60
<b>Điểm trúng tuyển (hệ Đại trà)</b>	<b>20,75</b>	<b>20,46</b>	<b>20,5</b>	<b>19</b>	<b>20</b>
<b>Điểm trung bình của thí sinh được tuyển (hệ Đại trà)</b>	<b>21,5</b>	<b>21,5</b>	<b>21</b>	<b>19,5</b>	<b>21</b>
<b>Tỷ lệ trúng tuyển so với năm trước (%) (hệ Đại trà)</b>	<b>-</b>	<b>122,9</b>	<b>152,4</b>	<b>94,1</b>	<b>97,6</b>
<b>Tỷ lệ nhập học/trúng tuyển (%) (hệ Đại trà)</b>	<b>94,9</b>	<b>90,3</b>	<b>88,2</b>	<b>81,7</b>	<b>84,7</b>

*Nguồn: Phòng QLĐT, Học viện Chính sách và Phát triển*

Trong giai đoạn 2015 - 2019, số lượng sinh viên trúng tuyển nhập học ngành KTQT được duy trì bình quân khoảng 200 - 250 sinh viên/năm và có xu hướng tăng. Tỷ lệ sinh viên nhập học so với số lượng thí sinh trúng tuyển đạt tỉ lệ cao. Nguyên nhân do chuyên ngành đào tạo hấp dẫn, uy tín của Học viện ngày càng được nâng cao.

## **2. Điểm mạnh**

Phương thức tuyển sinh của Học viện đa dạng, công bố công khai và cập

nhật hàng năm.

### **3. Điểm tồn tại**

Số lượng phiếu khảo sát nhà tuyển dụng về nhu cầu nhân lực phục vụ dự báo tuyển sinh còn ít.

### **4. Kế hoạch hành động**

#### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Học viện tiếp tục đa dạng hóa các hình thức tuyển sinh, tăng cường tính minh bạch, công khai chính sách tuyển sinh.

#### ***- Khắc phục điểm tồn tại:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa kết hợp với các Phòng/Ban tiến hành khảo sát và đánh giá nhu cầu của các nhà tuyển dụng, sinh viên đã tốt nghiệp về ngành KTQT để có cơ sở lập dữ liệu cho xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, chính sách và phương thức truyền thông, làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh trong những năm tiếp theo.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.1: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá***

#### **1. Mô tả**

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện xác định rõ ràng, quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm. Trước năm 2017, ngành KTQT thực hiện tuyển sinh theo ngành dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, tổ hợp các môn thi của ngành, lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành với 04 tổ hợp A00, A01, C02, D01 với phạm vi tuyển sinh từ Quảng Bình trở ra. Từ năm 2017 trở đi, Học viện xét tuyển theo 2 phương thức: Xét tuyển kết hợp<sup>1</sup> và Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia với 04 tổ hợp xét tuyển A00, A01, C02, D01 với phạm vi tuyển sinh trên cả nước. Trong Đề án tuyển

---

<sup>1</sup> Đối tượng xét tuyển kết hợp: Xét tuyển kết hợp gồm các đối tượng sau:

- Thí sinh có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 02 môn bất kỳ đạt từ 18,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên).

- Thí sinh có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 4.5 trở lên (hoặc tương đương) và có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 01 môn bất kỳ (trừ môn Tiếng Anh) đạt từ 12,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên).

sinh của Học viện đã xác định rõ đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến, tổ hợp môn xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển, chính sách ưu tiên xét tuyển, tuyển thẳng, hồ sơ đăng ký, thời gian đăng ký, lệ phí xét tuyển/thi tuyển, học phí. Bên cạnh đó, các thông tin về điểm trúng tuyển các năm gần nhất với năm tuyển sinh, tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được cung cấp để thí sinh có căn cứ lựa chọn ngành học [H1.08.01.01].

Hàng năm, Học viện/Khoa lập kế hoạch tuyển sinh [H1.08.02.01] và triển khai thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT và các quy định về tuyển sinh của Học viện. Các chính sách về tuyển sinh của Học viện được xin ý kiến tại các lần họp Khoa [H1.08.01.06], sau đó Hội đồng tuyển sinh của Học viện tổ chức để lấy ý kiến góp ý về tiêu chí và xác định các phương thức tuyển chọn người học để thực hiện công khai Đề án tuyển sinh đại học chính quy [H1.08.01.08]. Kết thúc kỳ tuyển sinh, Học viện thực hiện tổng kết công tác tuyển sinh nhằm rà soát, đánh giá tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học, nêu rõ kết quả tuyển sinh về số lượng, chất lượng đầu vào, phổ điểm xét tuyển và phân tích các khó khăn, thuận lợi để đưa ra các điều chỉnh cho các năm kế tiếp [H1.08.01.07], [H1.08.02.02], [H1.08.02.03], [H1.08.02.04]. Những thông tin về xu hướng chọn ngành, nguồn gốc thí sinh dự thi cũng được phân tích nhằm thu hút người học. Các bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận. [H1.08.01.07], [H1.08.02.03], [H1.08.02.04]. Với các tiêu chí tuyển sinh được áp dụng từ trước đến nay, Học viện và Khoa KTQT luôn duy trì và bảo đảm quy mô đầu vào. Hàng năm, Học viện đều thực hiện thống kê về tổng kết công tác tuyển sinh, số lượng sinh viên nhập học.

**Bảng 8.2.1. Thống kê tình hình tuyển sinh của ngành Kinh tế quốc tế giai đoạn 2015 -2019**

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016	450	118	1-4	112	20,75/10	21,5	0

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-2017	344	145	1-2,5	131	20,46/10	21,5	0
2017-2018	258	221	1-1,1	195	20,5/10	21	0
2018-2019	328	208	1-1,5	170	19/10	19,5	0
2019-2020	335	203	1-1,6	172	20/10	21	0

*Nguồn: Phòng QLĐT, Học viện Chính sách và Phát triển*

## **2. Điểm mạnh**

Hàng năm Học viện tuyển sinh theo đúng Đề án tuyển sinh do Bộ GD&ĐT phê duyệt, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, điểm tuyển sinh đầu vào của ngành KTQT luôn cao nhất Học viện, sinh viên đầu vào luôn đảm bảo chất lượng của khóa học.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát.

## **3. Điểm tồn tại**

Đối tượng tiến hành lấy ý kiến đánh giá về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh chưa đa dạng.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Học viện tiếp tục thực hiện đúng Đề án tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT với tiêu chí tiêu chí tuyển sinh được xác định rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT phù hợp với ngành đào tạo, tỷ lệ sinh viên nhập học.

### ***- Khắc phục điểm tồn tại:***

Năm học 2020 – 2021, Học viện bổ sung đối tượng tiến hành lấy ý kiến đánh giá về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.2: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học***

### **1. Mô tả**

Chất lượng của sinh viên tốt nghiệp được phản ánh thông qua kết quả đào tạo, học tập tại Học viện và khả năng đáp ứng thị trường lao động. Học viện và Khoa KTQT có một hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học của ngành KTQT một cách chặt chẽ và hiệu quả. Trên cơ sở kế hoạch của Học viện, hệ thống quản lý giám sát và đánh giá sự tiến bộ của người học được thực hiện thông qua: (1) Giảng viên giảng dạy học phần, (2) Cố vấn học tập, (3) Trợ lý khoa, (4) Phòng CT&CTSV, Phòng Quản lý đào tạo, (5) Hệ thống phần mềm quản lý theo học chế tín chỉ tại địa chỉ <http://qldt.apd.edu.vn>; <http://tinchi.apd.edu.vn> [H1.05.01.01], [H1.04.02.03], [H1.05.04.02], [H1.08.03.01], [H1.01.01.11].

Học viện có quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được hỗ trợ, giám sát bởi các hệ thống quản lý người học theo chương trình đào tạo tín chỉ [H1.05.01.01]. Mỗi người học có 01 tài khoản đăng ký trên hệ thống đào tạo tín chỉ <http://tinchi.apd.edu.vn>. Hệ thống thực hiện việc giám sát trên các nội dung về quá trình đăng ký học và học tập, giám sát kết quả rèn luyện. Sau khi đăng ký học thành công, sinh viên có kế hoạch rõ ràng, giảng viên phụ trách môn học đó có danh sách sinh viên tham dự học của lớp mình và được yêu cầu giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên [H1.08.03.06], [H1.05.04.01]. Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được thực hiện thường xuyên và định kỳ. Khoa KTQT thường xuyên giám sát kết quả của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những sinh viên không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn [H1.08.03.03].

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học theo chương trình

đào tạo, Học viện và Khoa KTQT luôn có kế hoạch và triển khai các hoạt động phù hợp nhằm giám sát kết quả học tập, khuyến khích tinh thần học tập của sinh viên như tổ chức giới thiệu về ngành KTQT, cơ hội việc làm của ngành KTQT cho sinh viên trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm; gặp mặt sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ dưới 2,0 để đôn đốc và tìm giải pháp tháo gỡ cho sinh viên trong học tập [H1.08.03.02], [H1.05.04.01].

**Bảng 8.3.1. Tình hình sinh viên KTQT thôi học qua các năm học từ 2014 - 2019**

<b>Năm học</b>	<b>Tổng số sinh viên chuyên ngành KTĐN thôi học</b>	<b>Số sinh viên nghỉ học tự nguyện</b>	<b>Số sinh viên bị buộc thôi học</b>
2014 – 2015	4	1	3
2015 – 2016	8	6	2
2016 – 2017	8	6	2
2017 – 2018	12	10	2
2018 – 2019	12	12	0
<b>Cộng</b>	<b>44</b>	<b>35</b>	<b>9</b>

*Nguồn: Phòng QLĐT, Học viện Chính sách và Phát triển*

Đối với điểm rèn luyện, Khoa KTQT tổ chức xét điểm rèn luyện theo học kỳ sau khi có kết quả học tập của sinh viên [H1.08.03.03]. Quy trình được thực hiện từ việc các lớp sinh viên tổ chức xét điểm rèn luyện, Cố vấn học tập kiểm tra lại dựa theo các tiêu chí về học tập, NCKH, hoạt động khác. Khoa sẽ tổ chức xét điểm rèn luyện chung cho sinh viên cả Khoa, thành phần bao gồm Phòng CT&CTSV, Lãnh đạo Khoa, Trợ lý Khoa và Cố vấn học tập các lớp. Điểm rèn luyện từng học kỳ và năm được nhập trên phần mềm Quản lý đào tạo, kết quả xét điểm rèn luyện được Học viện phê duyệt sẽ được thông báo cho sinh viên [H1.08.03.04]. Kết quả học tập và điểm rèn luyện là căn cứ để xét khen thưởng các danh hiệu cho cá nhân sinh viên, danh hiệu cho tập thể lớp. Các tiêu chí khen thưởng được quy định rõ ràng trong Sổ tay sinh viên [H1.01.01.11].

Học viện có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp. Học viện sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo để quản lý. Phần mềm này gồm 2 hệ thống: (1) Hệ thống tác nghiệp dành cho các Khoa/Phòng chức năng; (2) Hệ thống quản lý

đăng ký tín chỉ và quản lý quá trình học của sinh viên. Hệ thống tác nghiệp gồm 09 chức năng chính gồm: (1) Quản lý học viên, sinh viên; (2) Quản lý đào tạo; (3) Quản trị hệ thống; (4) Quản trị nhân sự; (5) Đánh giá, phân loại xếp hạng; (6) Hệ thống báo cáo; (7) Phân quyền dữ liệu; (8) Mô đun xếp lịch học; (9) Mô đun xếp lịch thi. Hệ thống quản lý đăng ký tín chỉ và quản lý quá trình học của sinh viên dùng để theo dõi sự tiến bộ, thành tích và khối lượng học tập của sinh viên. Mỗi sinh viên được cung cấp tài khoản cá nhân để truy cập vào hệ thống bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông tin cần biết như: chương trình đào tạo, quy trình đăng ký môn học, thông báo, đăng ký các học phần của kỳ hiện tại, thời khoá biểu, lịch học, lịch thi, điểm các học phần và quản lý học phí [H1.08.03.04]. Phần mềm này dùng để theo dõi khối lượng học tập và kết quả rèn luyện của sinh viên, tuy nhiên chưa có cảnh báo về kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên. Đối với sinh viên năm cuối, hàng năm Khoa KTQT phân công cho giảng viên hướng dẫn và tổ chức hướng dẫn lịch thực tập, viết báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp [H1.05.01.11], [H1.05.01.12].

Bên cạnh đó, hàng năm Học viện tổ chức các kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy, về những điều kiện đảm bảo chất lượng học phần, mức độ hài lòng của sinh viên đối với nhu cầu tra cứu kết quả học tập, rèn luyện, với tỷ lệ sinh viên được hỏi hoàn toàn đồng ý và đồng ý là rất cao, đây là căn cứ để Học viện sử dụng trong việc bổ sung hay điều chỉnh các hoạt động giám sát, hỗ trợ người học [H1.01.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Có đầy đủ quy chế và cơ sở dữ liệu giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Phần mềm Quản lý đào tạo chưa có sự cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện kịp thời tới người học.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Học viện phân công Cố vấn học tập tiếp tục sát sao quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên nhằm cải thiện chất lượng học tập,

rèn luyện và đảm bảo tiến độ ra trường của sinh viên.

**- Khắc phục điểm tồn tại:**

Năm học 2020 – 2021, Học viện chỉ đạo Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa quản lý SV hoàn thiện hệ thống phần mềm để thông báo kịp thời kết quả học tập, rèn luyện và tình hình tốt nghiệp tới từng SV ở diện cảnh báo.

**5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.3: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học***

**1. Mô tả**

Học viện Chính sách và Phát triển và Khoa KTQT đã huy động toàn hệ thống chính trị vào hoạt động hỗ trợ người học là Đảng ủy Học viện, Ban Giám đốc Học viện, Lãnh đạo Khoa, các phòng chức năng, Đoàn Thanh niên Học viện [H1.04.02.03], [H1.08.04.01], [H1.08.04.05]. Với sinh viên mới nhập học để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập bậc đại học, Học viện đã phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho sinh viên trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa học [H1.05.02.03]. Bên cạnh đó, hàng năm Khoa KTQT còn chủ động tổ chức buổi gặp mặt tân sinh viên của Khoa để trao đổi với các tân sinh viên về nội quy, quy chế học tập, rèn luyện, công tác NCKH sinh viên, công tác Đoàn Thanh niên [H1.01.01.11], [H1.08.04.03], [H1.08.04.05], [H1.08.04.06]. Hàng năm, Học viện và Khoa KTQT tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên để lắng nghe ý kiến phản hồi của người học về các nội dung như hoạt động học tập, cơ sở vật chất, NCKH, công tác đoàn thể... Hội nghị đối thoại sinh viên hàng năm đều mời các đại diện của các đơn vị chức năng để giải đáp các ý kiến của người học [H1.05.04.02], [H1.04.01.01], [H1.10.04.06].

Học viện có đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho sinh viên là Phòng Chính trị và Công tác sinh viên [H1.08.04.03]. Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa KTQT có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học để liên hệ thực tập thực tế, trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, tăng cường kỹ năng mềm [H1.05.01.09], [H1.08.04.04]. Sinh



viên được bố trí thời gian đi thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế [H1.05.03.01], nên tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành KTQT sau 12 tháng tốt nghiệp, trong 5 năm gần đây đều trên 80% [H1.01.01.09].

Kết quả của các hoạt động hỗ trợ học tập hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học thể hiện trực tiếp thông qua tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm hàng năm đều trên 85% và mức độ hài lòng của người sử dụng lao động về sinh viên đã tốt nghiệp [H1.01.01.09].

Học viện có kế hoạch và thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập cho người học, bao gồm: công tác tư vấn, hỗ trợ học tập của Lãnh đạo Khoa KTQT, các giảng viên với vai trò Cố vấn học tập, tổ chức hoạt động NCKH sinh viên, các đợt thăm quan thực tế các doanh nghiệp, tổ chức ngày hội việc làm, trò chuyện thực tế với các chuyên gia trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, đàm phán kinh tế quốc tế, sở hữu trí tuệ [H1.08.04.02], [H1.08.04.08].

Đề tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao các kỹ năng mềm, giao lưu trong học tập, trao đổi kiến thức cho sinh viên, hội sinh viên thành lập nhiều các câu lạc bộ trong Học viện, các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ, NCKH SV... Hưởng ứng hoạt động của các câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa sinh viên ngành KTQT cũng rất tích cực tham gia, là những sân chơi thú vị, mới mẻ, bổ ích và lành mạnh cho các bạn sinh viên để tăng cường các kỹ năng mềm và cân bằng cuộc sống [H1.08.04.06], [H1.08.04.08]

Người học, người tốt nghiệp hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Khảo sát ý kiến người học cho thấy Học viện chăm lo tốt nhu cầu cho sinh viên về sức khỏe, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động hỗ trợ giúp ích và có tác dụng thiết thực đối với sinh viên với hoàn toàn đồng ý rất cao, sinh viên cũng được định hướng nghề nghiệp tốt từ phía Khoa [H1.01.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện, Khoa KTQT có kế hoạch chi tiết triển khai định kì các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

Học viện có mạng lưới đa dạng các cơ quan, doanh nghiệp hợp tác chặt chẽ hỗ trợ, tư vấn các hoạt động cho sinh viên.

## **3. Điểm tồn tại**

Nguồn lực dành cho các hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập của sinh viên còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa KTQT thực hiện liên kết với nhà tuyển dụng, nâng cao công tác tư vấn, định hướng và hỗ trợ sinh viên tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

### ***- Khắc phục điểm tồn tại:***

Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT đề xuất với Học viện bổ sung kinh phí hỗ trợ các hoạt động tư vấn và thăm quan thực tế tại các doanh nghiệp.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.4: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học***

### **1. Mô tả**

Điều kiện cơ sở vật chất và khuôn viên của Học viện tạo môi trường học tập thân thiện tạo và tâm lý thoải mái cho người học. Học viện sử dụng 08 tầng thuộc tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại D25, Khu đô thị mới Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tòa nhà này do Phòng Quản trị 2 – Văn phòng Bộ có trách nhiệm quản lý chung tòa nhà với cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại [H1.09.01.01]. Tại các khu vực giảng đường Học viện đều có các khẩu hiệu nhắc nhở sinh viên về ý thức kỉ luật, giữ vệ sinh tại nơi học tập [H1.08.05.01].

Học viện và Khoa KTQT cũng luôn tạo điều kiện cho các câu lạc bộ như Câu lạc bộ Kỹ năng sống, Câu lạc bộ Thanh niên tình nguyện, Câu lạc bộ Nhạc cụ, Câu lạc bộ Tiếng Anh hình thành, phát triển tạo không khí học tập và rèn luyện sôi nổi [H1.08.04.05].

Cảnh quan sư phạm của Học viện/Khoa sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng người học. Hiện nay, Học viện đang sử dụng 08 tầng thuộc tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do Phòng Quản trị 2 – Văn phòng Bộ có trách nhiệm quản lý chung tòa nhà. Do đó, bộ phận bảo vệ tòa nhà nằm dưới sự quản lý của Phòng Quản trị 2. Đội ngũ làm công tác bảo vệ có đủ về số lượng và được bồi dưỡng về nghiệp vụ để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học [H1.08.05.01]. Hệ thống PCCC của Học viện do Phòng Quản trị 2 thuộc Văn phòng Bộ quản lý, là hệ thống PCCC chung của cả tòa nhà D25. Quy chế công tác phòng cháy và chữa cháy của tòa nhà D25 đã được Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt; thiết bị PCCC được trang bị đầy đủ ở các tầng và được bảo dưỡng định kỳ. Hàng năm, Học viện đều cử cán bộ đi tập huấn nghiệp vụ công tác PCCC do cơ quan Bộ tổ chức. Phương án chữa cháy cơ sở đã được Cảnh sát PCCC Hà Nội phê duyệt năm 2015 [H1.08.05.02], [H1.09.05.08], [H1.09.05.09].

Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện chuyển về cơ sở mới tại khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức – Hà Nội. Đây là cơ sở mới hiện đại đáp ứng đầy đủ các nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học và giải trí phù hợp với tất cả đối tượng trong Học viện, có hệ thống giảng đường, ký túc xá, nhà ăn, sân tập... hiện đại tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong sinh hoạt [H1.09.01.02].

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Học viện duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho sinh viên mới nhập học hàng năm [H1.08.05.03]. Học viện có bộ phận y tế giám sát học đường, bộ phận y tế của Học viện phối hợp với các đơn vị chức năng tuyên truyền vận động, đôn đốc, kiểm tra vệ sinh môi trường, nơi làm việc, giảng đường để phòng chống dịch bệnh, thông báo về nguy cơ nhiễm bệnh theo mùa. Sinh viên và cán bộ, giảng viên của Học viện đều có bảo hiểm y tế [H1.09.05.11], [H1.09.05.12]

Hàng năm, Học viện tiến hành lấy ý kiến tham khảo và phản hồi của

người học và các bên liên quan về môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan. Môi trường và cảnh quan của Học viện được người học đánh giá tốt. Về cảnh quan sạch sẽ, vệ sinh, an toàn, thoải mái người học đánh giá với tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý khá cao. Đối với phòng học có không gian phù hợp, tỷ lệ đồng ý trên 50%. Điều này đã tạo được hứng thú cho họ để phát huy khả năng học tập, nghiên cứu của người học [H1.01.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện có môi trường học tập xanh, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội; tạo môi trường học tập và làm việc thân thiện; thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến chương trình đào tạo.

## **3. Điểm tồn tại**

Cơ sở đào tạo mới của Học viện tại Nam An Khánh đang trong quá trình hoàn thiện nên các giảng đường bị ồn và bụi.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Tiếp tục duy trì cảnh quan sư phạm của Học viện thoáng mát và an toàn giúp cho sinh viên có môi trường học tập và làm việc thân thiện, thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến chương trình đào tạo.

### ***- Khắc phục điểm tồn tại:***

Năm học 2020 - 2021, Học viện hoàn thiện xây dựng cơ sở đào tạo tại Nam An Khánh đảm bảo môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.5: Đạt (mức 5/7).**

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 8***

#### ***- Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Tiêu chuẩn 8 về Người học và hoạt động hỗ trợ người học có một số điểm mạnh: (1) Phương thức tuyển sinh của Học viện đa dạng, công bố công khai và cập nhật hàng năm; (2) Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện xác định rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan; Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được

công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát; (3) Có đầy đủ quy chế và cơ sở dữ liệu giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học; (4) Học viện, Khoa luôn có kế hoạch chi tiết triển khai định kì các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường; (5) Học viện có môi trường học tập xanh, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội; tạo môi trường học tập và làm việc thân thiện; thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến chương trình đào tạo.

*- Điểm tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:*

Tuy nhiên, trong việc thực hiện yêu cầu của Tiêu chuẩn 8 còn một số mặt cần phải hoàn thiện: (1) Số lượng phiếu khảo sát nhà tuyển dụng về nhu cầu nhân lực phục vụ dự báo tuyển sinh còn ít; (2) Đối tượng tiến hành lấy ý kiến đánh giá về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh chưa đa dạng; (3) Phần mềm Quản lý đào tạo chưa có sự cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện kịp thời tới người học; (4) Nguồn lực dành cho các hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập của sinh viên còn hạn chế; (5) Cơ sở đào tạo mới của Học viện tại Nam An Khánh đang trong quá trình hoàn thiện nên các giảng đường bị ồn và bụi.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên

*- Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:*

Tất cả các tiêu chí (5/5) trong Tiêu chuẩn 8 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 05 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/5.

## Tiêu chuẩn 9

### Cơ sở vật chất và trang thiết bị

#### Mở đầu

*Một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo cho việc triển khai và thực hiện được CTĐT; đảm bảo cho việc thực hiện được các mục tiêu đào tạo và đạt được CDR của CTĐT là cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học. Học viện Chính sách và Phát triển đã trang bị một hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các CTĐT thuộc hệ đại học và sau đại học, trong đó có CTĐT cử nhân ngành KTQT.*

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

#### 1. Mô tả

Học viện Chính sách và Phát triển có đầy đủ phòng làm việc, phòng học đáp ứng đủ theo yêu cầu thiết kế của CTĐT. Tại cơ sở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết, Học viện hiện có 27 phòng làm việc, 26 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 2.351,8 m<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích phòng làm việc của Khoa KTQT là 20 m<sup>2</sup>. Phòng học lớn nhất có diện tích là 142 m<sup>2</sup>. Phòng học nhỏ nhất có diện tích là 35 m<sup>2</sup> [H1.09.01.01]. Tại cơ sở Nam An Khánh, Học viện hiện có 93 phòng làm việc, 95 phòng học, hội trường, phòng hội thảo với diện tích sử dụng là 50.876 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, hệ thống phòng làm việc ở trụ sở Nam An Khánh chưa hoàn thiện, các Khoa, các Phòng và Trung tâm còn phải ngồi làm việc chung phòng nhau trên các phòng giảng đường. Khoa KTQT ngồi chung phòng làm việc với khoa Kinh tế phát triển. Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Học viện cho sinh viên đại học chính quy (hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập) là 24.874 m<sup>2</sup>. Diện

tích sản xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo tính trên 01 sinh viên đại học hệ chính quy là 7,05 m<sup>2</sup>/sinh viên. Số chỗ ở ký túc xá sinh viên là 1.581 m<sup>2</sup> [H1.09.01.02]. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng ở đây đảm bảo đạt đúng quy định tại Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục [H1.09.01.03]. Trước học kỳ 1 năm học 2019 - 2020, các học phần Giáo dục thể chất Học viện tổ chức học tại nhà thi đấu của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [H1.09.01.04]. Đối với học phần giáo dục quốc phòng, Học viện tổ chức cho sinh viên học tập tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng – Đại học Sư phạm Hà Nội 2 [H1.09.01.05]. Từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, Học viện có khu liên hiệp thể thao phục vụ cho việc học Giáo dục thể chất và hoạt động ngoài giờ, đảm bảo thiết kế theo đúng tiêu chuẩn.

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường và các phòng chức năng của Học viện được trang bị đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, máy chiếu, loa, micro...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ở đây, các phòng làm việc được thiết kế đạt tiêu chuẩn, đều có hệ thống ánh sáng, điều hòa với đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photo đáp ứng yêu cầu của các đơn vị. Khoa được trang bị 02 máy tính, 02 máy in, 01 điện thoại bàn, 01 bàn họp, 04 bàn làm việc chung, 10 ghế làm việc, 04 tủ đựng tài liệu, 02 thiết bị thu phát wifi, 01 quạt trần, 01 điều hòa, 01 dây nối điện. Tất cả các phòng học được trang bị máy chiếu, bảng, máy tính và hệ thống âm thanh để hỗ trợ hoạt động giảng dạy. Phần lớn các trang thiết bị được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị trong Học viện nên tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị cao, linh hoạt trong giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, học tập hiệu quả ở sinh viên. Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức kiểm kê tài sản theo đúng chế độ quy định [H1.09.01.06]. Học viện đã có Quy định về trang bị, quản lý và sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất một cách chặt chẽ [H1.09.01.07]. Hiện nay, tại cơ sở Nam An Khánh, Học viện đã có kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị như các giảng đường được nâng cấp hệ thống bóng đèn chiếu sáng, màn chiếu, máy chiếu projector, hệ thống âm thanh, micro, hệ thống điều hòa, phương tiện dạy học trực tuyến, phòng học trực tuyến... Khoa KTQT đã được Học viện trang bị máy tính và

máy in mới hiện đại phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu.

## **2. Điểm mạnh**

Trụ sở tại Nam An Khánh được đầu tư và trang bị đồng bộ, hiện đại cả về số lượng các giảng đường, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ tốt nhất công tác đào tạo của Học viện.

## **3. Điểm tồn tại**

Tại trụ sở Nam An Khánh, hệ thống phòng làm việc chưa hoàn thiện, các Khoa, các Phòng ban và Trung tâm ngồi làm việc chung tại các phòng giảng đường.

## **4. Kế hoạch hành động**

- *Phát huy điểm mạnh:* Từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, Học viện tiếp tục hoàn thiện hạ tầng, bổ sung trang thiết bị phục vụ tốt việc đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- *Khắc phục tồn tại:* Năm học 2020 – 2021, Học viện bố trí phòng làm việc riêng cho các Khoa, Bộ môn, Phòng ban và Trung tâm.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.1: Đạt (mức 5/7).**

*Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu*

### **1. Mô tả**

Hiện nay, Học viện có hệ thống Thư viện truyền thống và Thư viện điện tử. Phòng đọc thư viện được sắp xếp, bố trí hợp lý phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tuy nhiên, Thư viện có diện tích 146 m<sup>2</sup> nên bị hạn chế số lượng chỗ ngồi cho người đọc [H1.09.01.01 (5)]. Nhằm quản lý thư viện hiệu quả, Học viện đã xây dựng: Hệ thống hướng dẫn, Nội quy của Thư viện, tổ chức tập huấn hướng dẫn sử dụng thư viện. Vào đầu mỗi năm học mới, Phòng QLĐT (đơn vị quản lý bộ phận Thư viện đến hết tháng 9 năm 2019) đều cử cán bộ Thư viện hướng dẫn cho bạn đọc là tân sinh viên về cách sử dụng Thư viện Học viện. Ngoài ra, Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc tất cả các ngày trong tuần (trừ thứ 7, chủ nhật và ngày lễ tết): sáng từ 8h00 - 11h15, chiều từ 13h30 – 17h00. Vào mùa thi, căn cứ vào yêu cầu ôn tập của sinh viên và lịch thi của Trung tâm Khảo



thí và Đảm bảo chất lượng, Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc ngoài giờ hành chính từ thứ 2 – thứ 6 (từ 17h - 20h) và cả ngày thứ 7 theo giờ hành chính [H1.09.02.01]. Thư viện được trang bị 03 máy tính được truy cập phần mềm tra cứu tài liệu, 03 bàn làm việc, 06 bàn họp, 84 ghế ngồi, 50 giá sách, 03 tủ làm việc, 09 quạt trần, 01 điều hòa và 02 ổ cắm nối điện đáp ứng trang thiết bị phục vụ người đọc [H1.09.01.06 (1)]. Thư viện cũng chia sẻ tài liệu để thành lập tủ sách của các ngành, lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên tiếp cận các nguồn học liệu. Tại Thư viện có tương đối đầy đủ danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phục vụ cho khoa KTQT như chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics có giáo trình: Quản trị chuỗi cung ứng, Hoạt động Logistic và thương mại doanh nghiệp, Logistics những vấn đề cơ bản,...; Chuyên ngành KTĐN có giáo trình: Kinh tế quốc tế, Đầu tư quốc tế, Đàm phán trong kinh doanh quốc tế, Thương mại quốc tế, Luật thương mại quốc tế, Giao tiếp trong kinh doanh,... Tính đến tháng 9/2019, tài liệu phục vụ cho ngành KTQT là 2.230 với tổng số bản là 23.117, trong đó: 2.165 đầu sách tiếng Việt (21.976 bản) và 234 đầu sách tiếng Anh (1.141 bản) [H1.09.02.02]. Ngoài ra, Thư viện còn có 38 đầu tạp chí khoa học chuyên ngành, 07 đầu báo phục vụ giải trí được mua hàng năm [H1.09.02.03]. Thư viện có khoảng 340 luận văn, 150 luận án [H1.09.02.04]. Thư viện cũng lưu trữ rất đầy đủ hệ thống đề cương chi tiết các học phần của ngành KTQT [H1.01.02.03 (1), (2)].

Học viện đã ký hợp đồng sử dụng tài liệu với Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VDOC để xây dựng thư viện số của Học viện tại địa chỉ: <http://thuvienso.apd.edu.vn/> và có liên kết tới thư viện số của khoảng 81 trường đại học trong cả nước đáp ứng yêu cầu của người học. Tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên đang làm việc, học tập và nghiên cứu tại Học viện đều được cấp tài khoản sử dụng thư viện số miễn phí [H1.09.02.05]. Hàng năm, Khoa KTQT đều có các văn bản đề xuất nhu cầu mua giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo ngành KTQT [H1.09.02.06]. Ngoài ra, Học viện theo dõi hoạt động của Thư viện để cập nhật hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu một cách kịp thời [H1.09.02.07].

## **2. Điểm mạnh**

Thư viện có đầy đủ nguồn học liệu, các nguồn học liệu phù hợp và được

cập nhật đáp ứng yêu cầu của người học.

### **3. Điểm tồn tại**

Thư viện có diện tích phòng đọc khiêm tốn nên hạn chế số lượng người sử dụng cùng lúc tại Thư viện.

### **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện giao Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông tiếp tục cập nhật, đầu tư, bổ sung nguồn tài liệu cho phong phú hơn, nâng cao tinh thần, thái độ và trách nhiệm của cán bộ thư viện.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện giao Trung tâm Hỗ trợ đào tạo phối hợp cùng Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông bố trí phòng đọc rộng hơn, với nhiều chỗ ngồi hơn phục vụ người đọc.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.2: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

#### **1. Mô tả**

Các chuyên ngành đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Do đó, trong thiết kế các khu vực giảng dạy của Học viện không bố trí phòng thí nghiệm tại cơ sở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết. Học viện có 01 phòng thực hành tin học và 01 phòng thực hành ngoại ngữ [H1.09.03.01]. Từ năm 2013 đến năm 2016, phòng thực hành tin học được bố trí tại giảng đường 503, được trang bị 40 máy tính kết nối internet. Từ năm 2017, Học viện tiếp nhận bàn giao tầng 17 để bố trí thành phòng thực hành tin học với diện tích 267,9 m<sup>2</sup> và được Học viện trang bị 57 máy tính có kết nối internet tốc độ cao. Phòng thực hành ngoại ngữ được bố trí tại tầng 8 của toà nhà. Phòng thực hành ngoại ngữ và phòng thực hành tin học được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như hệ thống máy tính kết nối internet, được cài đặt phần mềm phục vụ các học phần như KAV, SPSS, các thiết bị tai nghe, loa, micro, ánh sáng, điều hòa nhiệt độ phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên

cứu cho sinh viên, cán bộ giảng viên [H1.09.01.06 (2) (3)]. Tuy nhiên, phòng thực hành tin học cần bổ sung mua thêm máy tính, bàn ghế để đáp ứng quy mô tuyển sinh sinh viên ngành KTQT số lượng tăng trong những năm tới. Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện bố trí khu vực học giáo dục thể chất cho sinh viên trong khuôn viên của Học viện tại trụ sở Nam An Khánh [H1.09.03.02].

Học viện đã ban hành các Quy định về việc sử dụng phòng máy tính học thực hành. Cán bộ quản lý phòng máy thường xuyên kiểm tra vận hành của các thiết bị, chương trình máy tính nhằm đảm bảo sự hoạt động của phòng máy có hiệu quả; Chủ động công việc sửa chữa những sự cố đơn giản. Nếu có sự cố không thể khắc phục được thì cán bộ quản lý phòng máy phải báo ngay người phụ trách để có phương án xử lý kịp thời; đề xuất giải pháp duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo phòng máy [H1.09.01.07]. Hàng năm, Học viện có bố trí ngân sách và có kế hoạch mua sắm, bảo dưỡng trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo của Học viện [H1.09.03.03].

Hiện nay, Học viện giao Phòng TC-HC bố trí cán bộ theo dõi, giám sát, quản lý trang thiết bị tại các phòng thực hành; xây dựng và ban hành các quy định sử dụng trang thiết bị và lập sổ theo dõi tần suất sử dụng trang thiết bị tại các giảng đường, phòng thực hành. Việc kiểm kê tài sản tại phòng thực hành được diễn ra định kỳ theo quy định [H1.09.01.06 (2)(3)(4), H2.09.01.06(6)].

Theo kết quả khảo sát trung bình trung trong năm năm học vừa qua, tỷ lệ cao sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý phòng học ngoại ngữ và thực hành Tin học đáp ứng nhu cầu học tập [H1.01.01.09 (2)] và tỷ lệ rất cao cán bộ, giảng viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý phòng thực hành ngoại ngữ, tin học đảm bảo quy mô giảng dạy và phần mềm ứng dụng [H1.09.03.04].

## **2. Điểm mạnh**

Tại trụ sở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết, phòng thực hành ngoại ngữ và phòng thực hành tin học được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho sinh viên, cán bộ giảng viên.

## **3. Điểm tồn tại**

Phòng thực hành tin học cần bổ sung mua thêm máy tính, bàn ghế để đáp

ứng quy mô tuyển sinh sinh viên ngành KTQT số lượng tăng trong những năm tới.

#### **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, Học viện giao Phòng TC-HC tiếp tục cập nhật phần mềm, đề xuất sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các phòng thực hành để hỗ trợ kịp thời các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện giao Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Học viện Chính sách và Phát triển phối hợp cùng Phòng TC-HC lên kế hoạch mua bổ sung máy tính, bàn ghế cho các phòng thực hành Tin học tại trụ sở Nam An Khánh.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.3: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

##### **1. Mô tả**

Để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Học viện đã đầu tư trang bị hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, mạng internet, hệ thống phần mềm, máy in... đảm bảo phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tại trụ sở D25, số lượng máy tính được trang bị là 180 máy. Cán bộ quản lý, chuyên viên các Phòng, Khoa, Bộ môn được trang bị máy vi tính, máy in cố định. Máy vi tính dành cho giảng dạy, học tập được lắp đặt tại phòng thực hành máy tính, thư viện, văn phòng Khoa, tại các giảng đường. Tất cả máy tính của Học viện đều được kết nối internet và ở tất cả cơ sở của Học viện đều có hệ thống mạng wifi phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. Hệ thống wifi được cung cấp miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện [H1.09.04.01]. Tuy nhiên, hệ thống mạng máy tính vẫn chưa ổn định do số lượng truy cập lớn nên đôi khi còn bị nghẽn mạng. Hệ thống máy tính được cài đặt các phần mềm có bản quyền để phục vụ các chức năng hoạt động cho công tác đào tạo và học tập [H1.09.04.02]. Theo kế hoạch, từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, Học viện sẽ trang bị một số lượng lớn máy tính phục vụ cho hoạt động giảng dạy [H1.09.01.06 (5)]. Đối với hoạt động đào tạo, Học viện trang bị phần mềm quản

lý đào tạo bao gồm phân hệ cho người quản lý (cán bộ các phòng ban, giảng viên) tại địa chỉ [www.apd.edu.vn](http://www.apd.edu.vn) và phân hệ cho người học tại địa chỉ [www.tinchi.apd.edu](http://www.tinchi.apd.edu) [H1.01.01.11]. Hiện nay, Học viện có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ [www.apd.edu.vn](http://www.apd.edu.vn) [H1.09.04.03], fanpage cấp Học viện tại địa chỉ [https://www.facebook.com/search/top/?q=h%E1%BB%8Dc%20vi%E1%BB%87n%20ch%C3%ADnh%20s%C3%A1c%20v%C3%A0%20ph%C3%A1t%20tri%E1%BB%83n%20%20t%C6%B0%20v%E1%BA%A5n%20tuy%E1%BB%83n%20sinh&epa=SEARCH\\_BOX](https://www.facebook.com/search/top/?q=h%E1%BB%8Dc%20vi%E1%BB%87n%20ch%C3%ADnh%20s%C3%A1c%20v%C3%A0%20ph%C3%A1t%20tri%E1%BB%83n%20%20t%C6%B0%20v%E1%BA%A5n%20tuy%E1%BB%83n%20sinh&epa=SEARCH_BOX), kênh truyền thông trên Youtube của Học viện tại <https://www.youtube.com/watch?v=E-CLZgsDM48>, một website Khoa KTQT (<http://apd.edu.vn/khoa-kinh-te-oi-ngoai>), một fanpage Khoa KTQT tại facebook <https://www.facebook.com/groups/256553191133147/> [H1.09.04.04]. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Học viện đều được cung cấp email công vụ và được truy cập Internet miễn phí [H1.09.04.05]. Sinh viên theo học trong Học viện đều được cung cấp tài khoản truy cập hệ thống phần mềm và được hướng dẫn sử dụng [H1.09.04.06].

Hệ thống công nghệ thông tin được duy tu, bảo dưỡng định kỳ đảm bảo vận hành hạ tầng mạng [H1.09.01.06 (4)]. Bên cạnh đó, Học viện luôn cập nhật kịp thời các phần mềm như Phần mềm kế toán Misa, Hệ điều hành Window 7 Pro SP1, Kav 2011, Kav VI, Bộ công cụ đăng ký học trực tuyến, phần mềm hiển thị lịch công tác tuần giúp cán bộ, giảng viên, sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc và học tập [H1.09.04.02].

Theo kết quả khảo sát trung bình trung trong năm năm học vừa qua, tỷ lệ cao sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý hệ thống mạng máy tính trong trường đáp ứng được nhu cầu trong tra cứu, học tập [H1.01.01.09 (2)] và tỷ lệ rất cao cán bộ, giảng viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý trang thiết bị tin học, mạng máy tính đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng [H1.09.03.04].

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống wifi được cung cấp miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện.

## **3. Điểm tồn tại**

Hệ thống mạng máy tính vẫn chưa ổn định do số lượng truy cập lớn nên đôi khi còn bị nghẽn mạng.

#### **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, Học viện tiếp tục cung cấp hệ thống wifi miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện. Học viện giao Trung tâm Công nghệ thông tin – Thư viện và Truyền thông tiếp tục quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin, hạn chế bị nghẽn mạng.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020 - 2021, Học viện giao cho Trung tâm Công nghệ thông tin - Thư viện và Truyền thông lên phương án nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin theo hướng đồng bộ và hiện đại, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.4: Đạt (mức 5/7).**

**Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.**

##### **1. Mô tả**

Học viện làm việc trong tòa nhà Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tại ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết nên việc thiết kế xây dựng tòa nhà không hướng đến nhu cầu của sinh viên khuyết tật. Theo thiết kế xây dựng Học viện tại trụ sở Nam An Khánh, Học viện xây dựng đảm bảo lối đi riêng cho người khuyết tật tại sảnh chính và tầng hầm của Học viện. Đảm bảo việc di chuyển thuận lợi cho sinh viên khuyết tật khi đến các giảng đường [H1.09.05.01]. Học viện luôn triển khai và chấp hành nghiêm các quy định, hướng dẫn về môi trường, an toàn, sức khỏe của các Bộ, ngành liên quan và đồng thời chủ động ban hành riêng các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn cho phù hợp với điều kiện của mình. Tuy nhiên, tại trụ sở Nam An Khánh Học viện chưa ban hành quy chế lưu ý đến sinh viên khuyết tật. Các quy định trên đã được Học viện áp dụng trong quá trình vận hành, sử dụng trụ sở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết như: Thành lập Trung đội Tự vệ và tổ chức tập luyện Quân sự hàng năm, thành lập Đội Thanh niên xung kích, thành lập Hội đồng An ninh trật tự. Học viện làm

việc trong tòa nhà Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tại ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết nên công tác bảo vệ được giao cho Phòng Quản trị 2 thuộc Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm chủ yếu. Nhóm bảo vệ của Văn phòng Bộ gồm 08 đồng chí. Trong đó, 01 đồng chí làm giờ hành chính phụ trách tầng hầm, 07 đồng chí chia làm 03 ca (2 người/ca) đảm bảo mỗi người được nghỉ 01 ngày trong tuần. Ngoài ra, Học viện ký hợp đồng làm việc với nhân viên bảo vệ để quản lý tài sản, trang thiết bị tại các giảng đường, phòng thực hành tin, thư viện. Học viện có đội ngũ nhân viên chuyên trách công tác vệ sinh khu vực làm việc, giảng đường, thư viện, khuôn viên Học viện [H1.09.05.02].

Tại các tầng của Học viện đều dán Quy định về quản lý, sử dụng tòa nhà ở trụ sở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết [H1.09.05.03]; Ban hành Quy chế làm việc của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.09.05.04]; Các giảng đường có dán nội quy sử dụng giảng đường và thiết bị trợ giảng [H1.09.05.05]; Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng phòng máy tính học thực hành của Học viện tại các phòng thực hành [H1.09.05.06].

Hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) của Học viện do Phòng Quản trị 2 thuộc Văn phòng Bộ quản lý, là hệ thống PCCC chung của cả tòa nhà ở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết. Quy chế về công tác phòng cháy và chữa cháy của tòa nhà ở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết đã được Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt [H1.09.05.07]; Thiết bị PCCC được trang bị đầy đủ ở các tầng và được bảo dưỡng định kỳ. Hàng năm, Học viện đều cử cán bộ đi tập huấn nghiệp vụ công tác PCCC do cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức [H1.09.05.08]. Văn phòng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị phối hợp cùng Sở Cảnh sát phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hà Nội xem xét phê duyệt Phương án chữa cháy của trụ sở Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết [H1.09.05.09].

Học viện có phòng Y tế riêng, đáp ứng được nhu cầu trợ giúp kịp thời của sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho sinh viên, cán bộ, giảng viên [H1.09.05.10]. 100% sinh viên được tham gia bảo hiểm y tế [H1.09.05.11].

Theo kết quả khảo sát trung bình trung trong năm năm học vừa qua, tỷ lệ cao sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý Cảnh quan sạch sẽ, vệ sinh, an toàn, thoải mái [H1.01.01.09 (2)] và tỷ lệ rất cao cán bộ, giảng viên đồng ý và hoàn

toàn đồng ý Học viện có môi trường cảnh quan làm việc thân thiện thoải mái tạo thuận lợi cho hoạt động giảng dạy và NCKH [H1.09.03.04].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ chuyên trách để bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự của trụ sở ở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết trực thuộc Văn phòng Bộ luôn thường trực 24/24 đảm bảo an ninh, an toàn của tòa nhà.

Học viện thành lập Đội Thanh niên xung kích thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chấp hành các quy định của sinh viên, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh để đảm bảo an ninh trật tự trường học trong khuôn viên của Học viện.

## **3. Điểm tồn tại**

Tại trụ sở Nam An Khánh Học viện chưa ban hành quy chế lưu ý đến sinh viên khuyết tật.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2020 – 2021, Học viện giao Đội Thanh niên xung kích tiếp tục phát huy vai trò, nhiệm vụ để đảm bảo an ninh trật tự trường học trong khuôn viên Học viện.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020 – 2021, Học viện giao Trung tâm Hỗ trợ đào tạo xây dựng Quy định riêng về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến sinh viên khuyết tật.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.5: Đạt (mức 5/7).**

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 9***

- ***Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:***

Cơ sở vật chất và trang thiết bị Học viện có những điểm mạnh: (1) Trụ sở tại Nam An Khánh được đầu tư và trang bị đồng bộ, hiện đại cả về số lượng các giảng đường, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ tốt nhất công tác đào tạo của Học viện.; (2) Thư viện có đầy đủ nguồn học liệu, các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của người học; (3) Tại trụ sở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết, phòng thực hành ngoại ngữ và phòng thực hành tin học được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho sinh viên, cán bộ, giảng viên; (4) Hệ thống wifi



được cung cấp miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện; (5) Đội ngũ chuyên trách để bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự của trụ sở ở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết trực thuộc Văn phòng Bộ luôn thường trực 24/24 đảm bảo an ninh, an toàn của tòa nhà; Học viện thành lập Đội Thanh niên xung kích thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chấp hành các quy định của sinh viên, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh để đảm bảo an ninh trật tự trường học trong khuôn viên của Học viện.

*- Tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:*

Cơ sở vật chất và trang thiết bị Học viện còn những tồn tại sau: (1) Tại trụ sở Nam An Khánh, hệ thống phòng làm việc chưa hoàn thiện, các Khoa, các Phòng ban và Trung tâm ngồi làm việc chung tại các phòng giảng đường; (2) Thư viện có diện tích phòng đọc khiêm tốn nên hạn chế số lượng người sử dụng cùng lúc tại Thư viện; (3) Phòng thực hành tin học cần bổ sung mua thêm máy tính, bàn ghế để đáp ứng quy mô tuyển sinh sinh viên ngành KTQT số lượng tăng trong những năm tới; (4) Hệ thống mạng máy tính vẫn chưa ổn định do số lượng truy cập lớn nên đôi khi còn bị nghẽn mạng; (5) Tại trụ sở Nam An Khánh, Học viện chưa ban hành quy chế lưu ý đến sinh viên khuyết tật.

Học viện và Khoa đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

*- Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:*

Tất cả các tiêu chí (5/5) trong Tiêu chuẩn 9 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 05 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/5.

## **Tiêu chuẩn 10**

### **Nâng cao chất lượng**

#### **Mở đầu:**

*Việc nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo mục tiêu đào tạo và cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Nhận thức được vấn đề quan trọng đó, Khoa KTQT, Học viện Chính sách và Phát triển đã thường xuyên rà soát, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy của giảng viên, khoa đã sử dụng nhiều kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. Chương trình đào tạo được bổ sung cập nhật định kỳ, chuyển đổi phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ, được đánh giá và cải tiến dựa trên thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan. Việc đánh giá kết quả học tập của người học trong quá trình dạy và học, được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR và nâng cao chất lượng đào tạo.*

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.***

#### **1. Mô tả**

Học viện và Khoa KTQT có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực đối với cử nhân tốt nghiệp ngành KTQT và thu thập ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và các chuyên gia, nhà quản lý trong quá trình phát triển chương trình dạy học giai đoạn 2015-2019 [H1.04.03.01], [H01.01.01.09]. Tại Học viện theo quy định về xây dựng CTĐT [H1.01.01.01] thì việc thu thập dữ liệu có thể từ các buổi tọa đàm, hội thảo, có thể thu thập qua hệ thống khảo sát bảng câu hỏi trực tiếp và trực tuyến. Thông tin thu thập đa dạng và mang tính hệ thống được nêu trong Quy định về đảm bảo chất lượng của Học viện ban hành theo quyết định số 969 ngày 29/12/2017 [H1.10.01.01]. Theo đó, Học viện có các kênh thu thập thông tin phản hồi của các bên qua các hòm thư đặt tại Học viện, Website, phòng tiếp công dân và các kênh riêng từ các khoa và phòng, ban chức năng, từ các buổi tọa đàm cấp khoa, cấp Học viện; đồng thời thu thập dữ liệu sơ cấp khảo sát theo hình thức bảng hỏi trực tuyến trên nền tảng Google Form, trong nhiều trường hợp có thể khảo sát

bằng bản giấy [H1.10.01.03].

Đối với khảo sát thu thập dữ liệu sơ cấp, Học viện đã ban hành riêng một quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng dạy học tại Học viện [H1.10.01.03], trong đó Trung tâm KT&ĐBCL là đầu mối phối hợp với khoa KTQT và các bộ phận có liên quan theo chức năng thực hiện. Tùy từng nội dung khảo sát sẽ do đơn vị chủ trì, các đơn vị khác phối hợp như Trung tâm KT&ĐBCL, Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV, các Khoa thuộc Học viện [H1.10.01.02]. Trong đó quy định các bên liên quan bao gồm người học, người tốt nghiệp, người sắp tốt nghiệp, cán bộ, giảng viên, nhà tuyển dụng và đối tác của Học viện. Công cụ được sử dụng để lấy ý kiến của các bên liên quan bao gồm: 1) Hệ thống khảo sát trực tuyến, trong trường hợp cần thiết có thể sử dụng phiếu khảo sát bằng giấy; 2) Phỏng vấn trực tiếp; 3) Các buổi nói chuyện, tọa đàm, hội thảo. Quy trình thực hiện khảo sát gồm 04 bước: Bước 1: Chuẩn bị khảo sát → Bước 2: Phát/gửi phiếu khảo sát → Bước 3: Tổng hợp – báo cáo – đề xuất → Bước 4: Công bố báo cáo khảo sát. Việc có được thông tin phản hồi từ các bên liên quan có vai trò quan trọng, là căn cứ để Học viện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo, vì thế Học viện đã có hệ thống thu thập, đảm bảo có được các dữ liệu cần thiết từ ý kiến của nhà tuyển dụng, của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và các chuyên gia. Để đảm bảo các dữ liệu thu thập được có độ tin cậy, có ý nghĩa, bộ phận thu thập dữ liệu đã có kế hoạch chi tiết, phối hợp nhiều hình thức thu thập (online, điện thoại, trực tiếp qua phiếu khảo sát). Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi thể hiện rõ những nội dung sau: (i) Bộ phận/cá nhân phụ trách; (ii) Những thông tin cần thu thập đối với từng bên liên quan; (iii) Phương thức thu thập thông tin; (iv) Thời gian thực hiện. [H1.10.01.03].

Dựa trên thông tin phản hồi thu thập được, đồng thời từ các buổi tọa đàm đóng góp ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên và một số khách mời, doanh nghiệp [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.09], [H1.04.03.01], [H1.05.04.02]. Từ những căn cứ và ý kiến đóng góp đó, Hội đồng Khoa đã xem xét chỉnh sửa mục tiêu đào tạo, CDR, nội dung chương trình dạy học, phương pháp đánh giá cũng như thời lượng của các học phần sao cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và đề xuất với Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện xem xét thực hiện việc điều chỉnh đó.

Trong giai đoạn 2015-2019, khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh vào năm 2015, 2018. Mỗi lần thay đổi, nhóm rà soát chương trình đều dựa trên thông tin phản hồi thu thập được: từ tọa đàm đóng góp ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên và một số khách mời, doanh nghiệp; đồng thời từ kết quả phân tích dữ liệu thu thập qua việc khảo sát nhu cầu nhân lực ngành KTQT [H1.04.03.01], [H1.01.01.09]. Khoa KTQT đã có tiếp thu chỉnh sửa chương trình qua các ý kiến góp ý từ các bên liên quan và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện thông qua [H1.01.01.08]. Năm 2018, chuyên ngành KTĐN Học viện Chính sách và Phát triển đã được rà soát, điều chỉnh và thiết kế khá toàn diện dựa trên việc kế thừa CĐR năm 2015 và phản hồi của các bên liên quan với 3 nội dung cơ bản: Chuẩn về kiến thức, chuẩn về kỹ năng, chuẩn về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm [H1.01.01.10]. Các nội dung này được cụ thể hóa thành 20 CĐR, trong đó ngoài quy định chuẩn cần đạt về kiến thức chung (kiến thức cơ bản), kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế, kiến thức chuyên môn sâu cho ngành KTQT, còn tập trung quy định rõ chuẩn cần đạt về các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, tập trung làm rõ chuẩn về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của cử nhân ngành KTQT khi gia nhập vào thị trường lao động [H1.01.01.02], [H1.01.01.10], [H1.01.02.03]. Mục tiêu giáo dục của ngành KTQT cũng được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán giữa mục tiêu giáo dục với CĐR, đáp ứng nhu cầu xã hội, thị trường lao động [H1.04.03.01], [H1.01.01.09].

Hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan có hiệu quả đã giúp Học viện và Khoa có căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tạo ra những sinh viên ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu thị trường.

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống, phân công rõ ràng giữa các đơn vị thực hiện giúp việc thu thập và phân tích dữ liệu từ các bên liên quan trong việc điều chỉnh CTĐT khá hiệu quả.

## **3. Điểm tồn tại**

Học viện chưa trang bị phần mềm riêng trong thực hiện khảo sát các bên

liên quan trong việc thu thập dữ liệu sơ cấp, các hình thức, công cụ triển khai hiện tại còn nặng về thu thập trực tiếp hoặc các ứng dụng miễn phí (Google) nên còn mất khá nhiều thời gian và công sức của các đơn vị thực hiện khảo sát.

#### **4. Kế hoạch hành động**

##### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Tiếp tục thực hiện khảo sát các bên liên quan về CTDH theo kế hoạch hằng năm của Khoa, dựa trên bảng khảo sát các bên liên quan đã được kiểm định; Khoa tiếp tục sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng phát triển của nền kinh tế.

##### ***- Khắc phục tồn tại:***

Trong năm học 2020-2021, Học viện chỉ đạo Trung tâm KT&ĐBCL đặt mua phần mềm khảo sát phù hợp trong việc thu thập ý kiến sinh viên, và cựu sinh viên vì với số lượng thu thập và xử lý cơ sở dữ liệu ngày càng tăng, thì việc ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa công việc là tất yếu, giảm thiểu thời gian, công sức, sai sót trong khâu thu thập và phân tích dữ liệu.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.1: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, đánh giá và cải tiến***

##### **1. Mô tả**

Học viện đã ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH, trong đó hướng dẫn tổ soạn thảo xây dựng CTĐT với 8 bước và điều chỉnh chương trình với 4 bước được quy định tại Quyết định số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017, và trước đó là quyết định 833/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2014. [H1.01.01.01]. Theo đó, quy trình xây dựng có sự tham gia của GV ở cấp bộ môn, khoa, sau đó được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện. Định kỳ 2 năm 1 lần, CTĐT được rà soát và điều chỉnh. Quy trình được xác định gồm các bước (1) Khảo sát, xác định nhu cầu và yêu cầu nhân lực theo trình độ và ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành đào tạo; (2) Xây dựng mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể và CDR của

chương trình đào tạo; (3) Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và CDR; (4) Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành của các cơ sở đào tạo khác để hoàn thiện chương trình đào tạo; (5) Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định; (6) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp về chương trình đào tạo; (7) Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo các cấp xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng; (8) Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các yêu cầu sử dụng lao động và các tiến bộ của lĩnh vực chuyên ngành. Trong mỗi bước lại xác định các nội dung công việc cụ thể cần thực hiện như việc xây dựng đề cương chi tiết học phần: Học viện ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần; Khoa phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng khoa KTQT họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.10.02.02]. Khi có sự thay đổi trong CTĐT và đề cương học phần, những điều chỉnh này được thảo luận và phản ánh trong bài giảng của giảng viên, phương thức tổ chức giảng dạy [H1.01.02.03].

Tuy vậy, quy trình hướng dẫn xây dựng CTĐT năm 2014 còn chưa rõ ràng, đặc biệt hướng dẫn việc thu thập thông tin trong bước 1 và xây dựng các chuẩn đầu ra tương ứng với mục tiêu đào tạo. Nhận thấy một số vấn đề đó, Học viện và Khoa đã rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết dựa trên việc xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan như các nhà khoa học, doanh nghiệp, người học... [H1.10.01.01], đồng thời căn cứ sát với các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H1.10.02.02]. Để cải tiến Quy trình thiết kế và phát triển CTDH, bên cạnh việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Học viện đã tổ chức cuộc họp nhằm thảo luận thay đổi quy trình thiết kế CTDH [H1.10.02.01], [H1.01.01.06], [H1.01.01.08]

Ngoài ra, Học viện đã xin ý kiến chi tiết qua các cuộc phỏng vấn sâu tới các nhóm đã thực hiện việc rà soát CTDH từ năm 2015 đánh giá các khó khăn họ có thể gặp phải và có các đề xuất cụ thể sửa đổi. Đồng thời Học viện tổ chức

cuộc họp với lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng QLĐT, các chuyên gia, nhà quản lý giáo dục có kinh nghiệm nhằm thảo luận thay đổi quy trình thiết kế CTDH [H1.10.02.01]. Đến năm 2017, Học viện ban hành quy trình, trong đó tích hợp hướng dẫn quy trình xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và đúng quy định. Quy trình mới đã cải tiến theo góp ý của các bên liên quan và khi đưa vào triển khai tại Học viện đã khá thuận lợi cho các CTĐT được rà soát năm 2018. Chương trình đào tạo ngành KTQT năm 2018 được rà soát, điều chỉnh cũng dựa theo quy định này [H1.10.02.01], [H1.01.02.02]. Bên cạnh việc rà soát sửa đổi CTĐT thì đề cương, bài giảng của các học phần cũng được điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật và biên soạn mới dựa trên kết quả khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan bao gồm sinh viên đang học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng. [H1.04.03.01], [H1.01.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Quy trình năm 2017 của Học viện được xây dựng khá rõ ràng, hướng dẫn chi tiết, thuận lợi cho các nhóm rà soát CTĐT. Quy trình được xây dựng có sự góp ý của các chuyên gia có kinh nghiệm từ các trường đại học uy tín và chuyên gia quản lý giáo dục đại học.

## **3. Điểm tồn tại**

Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH chưa được cải tiến theo hướng ứng dụng công nghệ (phần mềm và mạng internet).

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Học viện và Khoa tiếp tục duy trì các mối quan hệ tốt với chuyên gia, nhà quản lý có kinh nghiệm và thường xuyên lắng nghe, xin ý kiến của họ, ngày càng hoàn thiện quy trình xây dựng CTĐT.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Trong năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng QLĐT phối hợp với Khoa KTQT rà soát, xin ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý để điều chỉnh quy trình thiết kế và phát triển CTDH theo hướng ứng dụng công nghệ hiệu quả giúp thuận tiện tiếp cận với các chuyên gia, nhà quản lý từ các địa phương khác nhau.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.2: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra***

### **1. Mô tả**

#### **1. Mô tả**

Học viện có ban hành văn bản quy định hướng dẫn các khoa, các đơn vị phòng, ban thực hiện việc rà soát đánh giá quá trình dạy và học [H1.10.03.01]. Theo đó đánh giá giảng dạy của giảng viên từ (i) Khoa/bộ môn quản lý giảng viên, (ii) Trung tâm KT&ĐBCL thực hiện lấy ý kiến của sinh viên theo các tiêu chí được nêu trong Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.10.01.03].

Đánh giá kết quả học tập của người học được nêu tại Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.02.03.03], Quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.02], quy chế tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện [H1.08.03.03]. Các quy định này đã hướng dẫn cụ thể hoạt động đánh giá kết quả học tập của SV bao gồm: kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần, xếp loại và xét công nhận tốt nghiệp...[H1.05.01.01]. Ngoài ra, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học còn được quy định rõ trong đề cương ngành KTQT đã được Khoa và Học viện công bố công khai [H1.01.02.03]: Hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần.

Việc đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của sinh viên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR được thực hiện thường xuyên. Cụ thể, trong giai đoạn 2015-2019, Khoa KTQT đã thực hiện rà soát và điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết các học phần 2 lần vào năm 2015 và năm 2018 [H1.01.01.02]



Học viện và Khoa KTQT thực hiện rà soát đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên một cách thường xuyên. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá từ sinh viên vào cuối mỗi học kỳ. Kết quả khảo sát được phân tích gửi tới lãnh đạo khoa để phản hồi tới giảng viên [H1.10.03.02]. Giảng viên Khoa KTQT được sinh viên đánh giá cao về việc giảng dạy đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, điểm đánh giá trung bình các năm của giảng viên trong khoa từ 4,0-4,4/5 điểm. Hàng kỳ, sau khi dự giờ một số giảng viên giảng dạy, và từ thông báo của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Khoa KTQT và các khoa/bộ môn giảng dạy liên quan đến chương trình KTQT đều họp góp ý về việc giảng dạy của giảng viên theo các tiêu chí như chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy ...[H1.10.03.03].

Hàng năm, Khoa KTQT đều tổ chức tọa đàm giữa giảng viên, sinh viên, khách mời là lãnh đạo doanh nghiệp về phương pháp giảng dạy và học tập theo định hướng nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn đầu ra. Các ý kiến đóng góp của giảng viên và sinh viên rất cởi mở, thẳng thắn sao cho việc dạy và học đạt hiệu quả tốt nhất [H1.10.03.04].

Thông qua các buổi hội thảo triển khai sâu rộng đổi mới kiểm tra đánh giá người học theo hướng tiếp cận năng lực người học, từ cấp Học viện đến cấp khoa để nâng cao nhận thức và trang bị cho giảng viên phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập người học theo hướng tiếp cận, phát triển năng lực người học [H1.10.03.04]. Ngoài ra, sinh viên đã tốt nghiệp ngành KTQT đã gửi thư cho Khoa, trong đó chuyển ý kiến nhận xét của nhà tuyển dụng nhận xét chung là các bạn cựu sinh viên được đào tạo tốt hơn so với Trường Đại học Ngoại Thương và muốn tìm sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành KTQT của Học viện để tuyển dụng và nhận thực tập. Bên cạnh đó, một số sinh viên đã tốt nghiệp chuyên ngành tiếp tục theo học thạc sỹ ở các trường Đại học nước ngoài như Italia, Hoa Kỳ, Canada, Đức, Trung Quốc. Năm 2019, có 01 cựu sinh viên khóa 3 là thủ khoa đầu vào và thủ khoa đầu ra, tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành Phát triển kinh tế và Quản lý tại Đại học Brescia và hiện đang là nghiên cứu sinh ngành Logistics tại Italia; 01 sinh viên của ngành KTQT đã hoàn thành chương trình thạc sỹ tại Hoa Kỳ và đang sử dụng các kỹ năng, kiến thức của ngành KTQT như đàm phán kinh tế quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu... để làm việc cho Công ty

Keyless tại thành phố Dallas, bang Texas, Mỹ. Tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của người học, cựu sinh viên, giảng viên... về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập được tiếp thu và giúp cho Học viện xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng, cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo. Sau khi nhận kết quả đánh giá, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với Khoa chuyên môn có một số điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo như nâng cao vai trò tự học, nghiên cứu của sinh viên, yêu cầu sinh viên thảo luận nhóm và thuyết trình nhiều hơn, giảng viên tăng cường hướng dẫn sinh viên tự học, cập nhật tài liệu... [H1.01.01.09], [H1.10.03.04].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện rà soát và đánh giá thường xuyên chương trình đào tạo, giảng viên đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu chương trình đào tạo, đạt CĐR. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá nghiêm túc, hình thức đánh giá đa dạng thông qua điểm chuyên cần, giữa kỳ và bài thi hết môn, thực tập và khóa luận tốt nghiệp đạt CĐR.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về đánh giá quá trình dạy và học còn chưa kịp thời. Ngoài ra, còn một số sinh viên do trình độ đầu vào hạn chế gặp khó khăn để đạt được CĐR

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các chương trình đào tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy, đa dạng hóa và linh hoạt hơn nữa các hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Từ năm học 2020-2021, Học viện tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy định liên quan đến lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật theo năm học. Tăng cường hỗ trợ, động viên và khuyến khích sinh viên thông qua hệ thống cố vấn học tập để sinh viên đạt được CĐR

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.3: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học**

**1. Mô tả**

Các giảng viên Khoa KTQT luôn tích cực tham gia thực hiện các đề tài NCKH theo lĩnh vực chuyên môn của mình. Nhiều giảng viên trong Khoa đã tham gia và hoàn thành các đề án, các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện có đề tài liên quan đến ngành Kinh tế quốc tế với kết quả được đánh giá cao. Bên cạnh đó, giảng viên trong Khoa cũng đã có các bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín; tích cực tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo [H1.10.04.01], [H1.10.04.02]. Ngoài ra, hoạt động NCKH trong sinh viên cũng được đẩy mạnh và chú trọng tại Khoa KTQT và tại Học viện. Hàng năm, Khoa KTQT đều tổ chức tọa đàm, Hội nghị NCKH cho sinh viên với sự tham gia của nhiều nhóm sinh viên với những đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành đào tạo [H1.04.01.01].

Sau đây là danh sách một số đề tài NCKH được ứng dụng trong giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên [H1.10.04.02]:

**Bảng 10.4.1. Một số đề tài khoa học do giảng viên Khoa Kinh tế quốc tế thực hiện đã được ứng dụng trong đào tạo**

STT	Tên đề tài	Năm nghiệm thu	Học phần ứng dụng
1	Nghiên cứu về những thách thức, thuận lợi trong thu hút đầu tư nước ngoài và sự chuẩn bị của Việt Nam khi gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN vào năm 2015	2015	Đầu tư quốc tế
2	Giải pháp hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành KTĐN nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập KTQT	2015	Chương trình đào tạo, thương mại quốc tế, tiếng Anh chuyên ngành...
3	Nghiên cứu các chính sách thu hút vốn FDI nhằm cải thiện giá trị gia tăng của hàng xuất khẩu để thu hút đầu tư nước ngoài trong điều	2016	Đầu tư quốc tế

<b>STT</b>	<b>Tên đề tài</b>	<b>Năm nghiệm thu</b>	<b>Học phần ứng dụng</b>
	kiện gia nhập TPP		
4	Nghiên cứu thực trạng và xu hướng đầu tư của một số nước trước bối cảnh mới phát sinh của hiệp định TPP: Các khuyến nghị chính sách xúc tiến đầu tư nước ngoài cho Việt Nam	2017	Đầu tư quốc tế
5	Thu hút đầu tư từ Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và các quốc gia trong Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) nhằm cải thiện cán cân thương mại với Trung Quốc	2017	Kinh tế quốc tế, Đầu tư quốc tế, Thương mại quốc tế

Nguồn: [H1.10.04.02].

Các kết quả NCKH của giảng viên và sinh viên Khoa KTQT và của Học viện được chuyển tải thành các case study, các bài đọc hiểu trong nội dung các môn học chuyên ngành của Khoa như Đầu tư quốc tế, Thương mại quốc tế, KTQT, Marketing quốc tế, Pháp luật KTQT. [H1.01.02.03].

Học viện và Khoa KTQT rất quan tâm đến việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học thông qua việc biên soạn và chỉnh sửa tài liệu, giáo trình giảng dạy. Hàng năm, Học viện đều bố trí ngân sách cho việc biên soạn giáo trình và đăng ký đề tài NCKH cấp cơ sở. Các giảng viên Khoa KTQT cũng đã tham gia biên soạn và xuất bản Giáo trình nội bộ Đầu tư quốc tế, Giáo trình nội bộ Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu [H2.10.04.03].

Đặc biệt, năm 2015 Khoa KTQT có đề tài NCKH cấp cơ sở “Giải pháp hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành KTĐN nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập KTQT”. Để hoàn thành đề tài, Khoa đã thực hiện khảo sát đối với cựu sinh viên khoá 1 và các nhà tuyển dụng để tìm hiểu về đánh giá của cựu sinh viên đối với chương trình đào tạo, khả năng đáp ứng công việc của sinh viên chuyên ngành KTĐN và sự đánh giá của các nhà tuyển dụng đối với những sinh viên này. Các kết quả khảo sát và nghiên cứu đã giúp cho Khoa KTQT hiểu về ưu điểm và hạn chế trong chương trình đào tạo, trong giảng dạy và học tập của Khoa để từ đó có những giải pháp,

điều chỉnh trong phương pháp giảng dạy và một số điều chỉnh trong chương trình đào tạo và chương trình dạy học của Khoa cho phù hợp với thị trường lao động. [H1.10.04.02], [H2.10.04.04]. Có thể nói đây là đề tài NCKH thực sự có ý nghĩa và có tính ứng dụng cao, giúp nâng cao hiệu quả dạy và học của Khoa KTQT và cần được tiếp tục nghiên cứu để nâng cao hơn nữa hiệu quả dạy và học. Tuy nhiên, Khoa KTQT chưa có đề tài NCKH nào để đánh giá lại về tính hiệu quả của những giải pháp, điều chỉnh được thực hiện sau kết quả NCKH của đề tài này. Kì 2 năm học 2019-2020, Khoa KTQT đang thực hiện Đề tài cấp cơ sở: “Đổi mới chương trình đào tạo cho sinh viên KTĐN theo hướng đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực trong bối cảnh của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0”, và dự kiến đưa vào ứng dụng trong cập nhật bản mô tả CTĐT ngành KTQT, chuyên ngành KTĐN ngay từ kì 1 năm học 2020-2021 [H2.10.04.05].

Hàng năm, Khoa KTQT đều tổ chức Toạ đàm, Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Khoa với sự tham gia của toàn bộ giảng viên và sinh viên Khoa KTQT để tổng kết kết quả nghiên cứu khoa học sinh viên và trao đổi, đóng góp ý kiến để nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH và nâng cao hiệu quả cho hoạt động học tập, nghiên cứu của người học [H2.10.04.06].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa đã có đề tài NCKH để hoàn thiện chương trình đào tạo ngành KTQT nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập KTQT.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa chưa có đề tài NCKH nào để đánh giá lại về tính hiệu quả của những giải pháp, điều chỉnh được thực hiện sau kết quả NCKH của đề tài “Giải pháp hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành KTĐN nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập KTQT ”.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Từ năm 2020, Khoa tiếp tục đẩy mạnh phong trào NCKH ở giảng viên và sinh viên trong Khoa trong giai đoạn tới. Học viện và Khoa có thể xem xét đưa ra các chính sách khuyến khích giảng viên, sinh viên tham gia NCKH bằng các chính sách ghi nhận nỗ lực, đề xuất các danh hiệu thi đua vào cuối năm, giảm

các nhiệm vụ hành chính (đối với giảng viên) và cộng điểm khuyến khích, học bổng (đối với sinh viên).

**- Khắc phục tồn tại:**

Trong năm học 2020-2021, Khoa sẽ tiếp tục thực hiện khảo sát đối với các khoá sinh viên đã tốt nghiệp (khoá 6, 7) và các nhà tuyển dụng để đánh giá về chương trình đào tạo và khả năng đáp ứng công việc của các cử nhân ngành KTQT.

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

**1. Mô tả**

Ngày 16/3/2017, Học viện đã ban hành Quyết định số 135/QĐ-HVCSPT về việc Ban hành Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác và Quyết định số 969/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017 về việc ban hành quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.10.01.01], và Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H1.10.05.01] trong đó quy định rõ các bước cần thực hiện để tiến hành đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Có thể lấy ví dụ quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện gồm 06 bước cơ bản:

Bước 1: Lập kế hoạch khảo sát về chất lượng dịch vụ hỗ trợ tại Thư viện Học viện

Bước 2: Xây dựng mẫu phiếu khảo sát

Bước 3: Tiến hành khảo sát lấy ý kiến của các nhóm người dùng tin tại Thư viện

Bước 4: Xử lý kết quả phiếu khảo sát

Bước 5: Làm báo cáo kết quả sau khảo sát

Bước 6: Giải trình sự thay đổi tại Thư viện sau khi có kết quả khảo sát

Bên cạnh đó, Học viện đã ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng tại Học viện Chính sách và Phát triển trong đó có các nội dung về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H1.10.01.03].

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCL và Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, bộ phận tư vấn học tập, bộ phận hướng nghiệp, hỗ trợ việc làm, hệ thống câu lạc bộ sinh viên, các hoạt động đoàn thể, ngoại khoá [ H1.10.05.03]. Với thang điểm về mức độ hài lòng từ 1 đến 5 tương ứng với các mức độ hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến, đồng ý và hoàn toàn đồng ý, kết quả khảo sát ý kiến của người học cho thấy tỷ lệ sinh viên có ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý rất cao. Như vậy có thể cho thấy hầu hết người học hài lòng với chất lượng phục vụ của thư viện, kỹ thuật viên công nghệ thông tin và hài lòng với các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học cũng như các hoạt động ngoại khoá, văn nghệ, đoàn thể của Khoa [H1.01.01.09].

Tương tự đối với kết quả khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên về tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, không có ý kiến hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý, số cán bộ giảng viên không có ý kiến chiếm tỷ lệ rất nhỏ, còn lại là ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Như vậy có thể thấy các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, kỹ thuật viên công nghệ thông tin và các dịch vụ khác đáp ứng được nhu cầu làm việc, nghiên cứu và giảng dạy của cán bộ giảng viên [H1.01.01.09].

Tuy nhiên, hiện nay Học viện mới chỉ chủ yếu sử dụng phương pháp khảo sát trực tiếp bằng giấy để đánh giá về tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, chưa sử dụng đa dạng các công cụ khác nhau như khảo sát trực tuyến, lấy ý kiến chuyên gia, các buổi nói chuyện tọa đàm, hội thảo.

Sau khi có kết quả đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV và các đơn vị chịu trách nhiệm chính sẽ căn cứ vào các ý kiến

nhận xét để tiến hành thực hiện các thay đổi, cải tiến để nâng cao chất lượng dịch vụ của thư viện và các hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác [H1.10.05.02 ], [H1.01.01.09]. Có thể lấy ví dụ về một số thay đổi của thư viện sau đợt khảo sát năm 2019:

- Rà soát lại toàn bộ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ từng môn học theo các CTĐT của Học viện nhằm bổ sung thêm đầu sách mới, số lượng bản/đầu sách và bản cập nhật của một số đầu sách hiện có trong Thư viện.

- Nghiên cứu lại danh mục báo, tạp chí đặt mua theo hướng tập trung vào các tạp chí chuyên ngành.

- Thư viện được trang bị camera phục vụ kiểm soát an ninh tài nguyên thông tin.

- Mạng wifi tại Thư viện hoạt động ổn định với chất lượng đường truyền tốt.

Đồng thời, trên cơ sở ý kiến của sinh viên, Khoa đưa ra các đề xuất với Học viện nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Ví dụ sau khi có ý kiến về việc đăng ký tín chỉ bị lỗi mạng, quá tải người dùng, sinh viên khó đăng ký Học viện đã có những cải tiến thay đổi kế hoạch đăng ký tín chỉ đảm bảo người dùng không gặp phải những khó khăn, hoặc sau khi có ý kiến về đóng học phí, Học viện đã có những cải tiến về quy trình giải quyết về đóng học phí. Đồng thời, việc áp dụng cơ chế một cửa và một cửa liên thông để giúp giải quyết các thủ tục hành chính cho sinh viên nhanh chóng từ cuối năm 2019 trước khi chính thức ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển vào đầu năm 2020 [H1.05.02.01] cũng là một trong những cải tiến trong việc nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Học viện.

## **2. Điểm mạnh**

Việc khảo sát luôn được thực hiện thường xuyên, cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ từ đó nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học, tuyển sinh hàng năm tăng.

## **3. Điểm tồn tại**

Hiện nay Học viện mới chỉ chủ yếu sử dụng phương pháp khảo sát trực tiếp bằng giấy để đánh giá về tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, chưa sử dụng đa dạng



các công cụ khác nhau như khảo sát trực tuyến, lấy ý kiến chuyên gia, các buổi nói chuyện tọa đàm, hội thảo.

#### **4. Kế hoạch hành động**

##### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Từ năm 2020, Học viện giao Phòng QLĐT, Phòng TC-HC, Phòng CT&CTSV tiếp tục cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và các tiện ích, chuyên môn hóa hơn nữa bộ phận chuyên trách về cơ sở vật chất nhằm kịp thời hỗ trợ hoạt động giảng dạy và NCKH.

##### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL và Phòng CT&CTSV thực hiện khảo sát trực tuyến và khảo sát trên giấy để đánh giá về tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, đồng thời nghiên cứu để sử dụng đa dạng hơn nữa các công cụ.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.5: Đạt (mức 5/7)**

***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

##### **1. Mô tả**

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống từ cấp Học viện đến các Khoa, được thể hiện cụ thể trong Quyết định về việc Ban hành Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện Chính sách và Phát triển, Quyết định về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng đào tạo tại Học viện [H1.10.05.01], [H1.10.01.01]; [H1.10.01.03]. Trong các quy định này quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/bộ phận thu thập thông tin, quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan. Ngoài ra, trong Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác quy định rõ về phạm vi và đối

tượng áp dụng, nguyên tắc và phương pháp tự đánh giá, các hoạt động sau khi tự đánh giá, trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, quy trình đánh giá và điều khoản thi hành [H1.10.05.01], [H1.10.05.03].

Theo quy định của Học viện, đơn vị đầu mối là Trung tâm KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối phụ trách hoạt động, phối hợp với các Khoa, Phòng, Trung tâm trong Học viện trong thực hiện đối với từng nội dung nhận phản hồi.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được ban hành lần đầu năm 2014 khi Học viện chưa có bộ phận đảm bảo chất lượng dẫn đến việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan còn tản mạn và kế hoạch thu thập dữ liệu không rõ ràng [H1.10.01.03(1)], [H1.01.01.09], [H1.09.03.04], [H1.04.03.01]. Sau khi Học viện tiến hành mời đánh giá ngoài cơ sở đào tạo thì các chuyên gia khuyến nghị cần có bộ phận đảm bảo chất lượng, trong đó có vấn đề chất lượng thông tin và cơ chế phản hồi cần được chú trọng hơn nữa. Học viện cũng đã có các cuộc họp giữa các đơn vị liên quan để đánh giá thêm vấn đề đó từ đề xuất của chuyên gia [H1.10.06.01]. Năm 2018 Học viện đã ban hành Quyết định 1007/QĐ-HVCSPT thay thế cho Quyết định số 688/QĐ-HVCSPT ban hành năm 2014 từ việc tiếp thu ý kiến của các chuyên gia [H1.10.01.03 (2)]. Trong đó cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được cải tiến bằng việc quy định rõ Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đầu mối thu thập dữ liệu phản hồi của các bên liên quan, bao gồm từ sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, cán bộ. Các ý kiến được thu thập từ mỗi đối tượng trên cũng đều rõ ràng và có tiêu chí, có hướng dẫn rõ ràng để các bên phối hợp thực hiện [H1.01.01.09]. Tuy vậy, Học viện vẫn chưa có quy định riêng về Hệ thống thông tin phản hồi, không những chỉ là thu thập từ dữ liệu khảo sát mà cần quy định rõ hơn về việc tiếp nhận thông tin từ các nguồn khác nhau.

Đồng thời năm 2019, Học viện đã tiếp thu ý kiến của giảng viên và sinh viên thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện ngay từ trước khi ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện vào đầu năm 2020 [H1.05.02.01] để nâng cao hiệu quả cho việc tiếp thu ý kiến của sinh viên và giải quyết thủ tục hành chính.

## **2. Điểm mạnh**

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác cố vấn học tập, đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên.

### **3. Điểm tồn tại**

Học viện chưa có quy định riêng về Hệ thống thông tin phản hồi quy định rõ về việc tiếp nhận thông tin từ các nguồn khác nhau.

### **4. Kế hoạch hành động**

#### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020-2021, Khoa KTQT tiếp tục phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng QLĐT trong việc tăng cường giám sát việc thực hiện cơ chế, quy trình phản hồi của các bên liên quan một cách hiệu quả.

#### ***- Khắc phục tồn tại:***

Từ năm học 2020 – 2021, Học viện giao Trung tâm KT&ĐBCL soạn thảo quy định về hệ thống thông tin quản lý trong đó có yêu cầu đầy đủ hơn về cơ chế phản hồi.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.6: Đạt (mức 5/7).**

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 10:***

#### ***- Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:***

Học viện có quy trình xây dựng CTDH rõ ràng, minh bạch. Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống. Các thông tin phản hồi của các bên liên quan là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến chương trình đào tạo. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

#### ***- Tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:***

Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH của Học viện chưa được cải tiến theo xu hướng công nghệ (sử dụng mạng internet để trao đổi thông tin và thu thập ý kiến). Cơ sở dữ liệu về các bên liên quan chưa nhiều và cập nhật thường xuyên để có thể tiến hành khảo sát nhanh hơn và hiệu quả hơn. Đề tài NCKH chưa có sức lan tỏa có sức lan tỏa đối với việc tính hiệu quả của những

giải pháp tới nâng cao chất lượng trong nội dung CTĐT và CTDH.

Học viện và Khoa đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

- *Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:*

Tất cả các tiêu chí (6/6) trong Tiêu chuẩn 10 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 06 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/6.

## Tiêu chuẩn 11

### Kết quả đầu ra

#### Mở đầu

*Ngành KTQT của Học viện Chính sách và Phát triển được bắt đầu đào tạo từ năm 2010, nguồn sinh viên đầu vào của ngành KTQT đã được chọn lọc từ các sinh viên có điểm đầu vào cao nhất của Học viện trong kỳ thi THPT quốc gia. Cùng với đó, các sinh viên ngành KTQT được đào tạo bài bản và có sự đánh giá, giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tập. Do đó, sinh viên ngành KTQT ra trường đã được các doanh nghiệp và xã hội thừa nhận, qua đó khẳng định chất lượng đầu ra của CTĐT luôn được đảm bảo.*

***Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### 1. Mô tả

Số lượng sinh viên và thông tin của sinh viên thôi học, tốt nghiệp được cập nhật, theo dõi, giám sát thông qua phần mềm QLĐT CMC Soft IU. Trên cơ sở đó, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập, danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng năm. Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học của khoa và Học viện đều có thống kê số lượng sinh viên thôi học, tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn. Kết quả thống kê giai đoạn 2015 - 2019 cho thấy sinh viên ngành KTQT tốt nghiệp đúng hạn 4 năm trung bình là 79,4% và có xu hướng giảm, đặc biệt giảm mạnh trong các năm học 2017-2018 và 2018-2019 do SV chưa đáp ứng được CDR ngoại ngữ [H1.11.01.01], [H1.11.01.02].

**Bảng 11.1.1a. Tỷ lệ sinh viên ngành KTQT tốt nghiệp đúng hạn**

Chuyên ngành/ Ngành	2014-2015		2015-2016		2016-2017		2017-2018		2018-2019	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Kinh tế đối ngoại	99	99,0	77	88,5	118	81,4	41	80,4	41	47,1
Kinh tế đối ngoại chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	17	56,7	40	66,7
Ngành KTQT	99	99,0	77	88,5	118	81,4	58	62,3	81	55,1

*Nguồn: [H1.11.01.01], [H1.11.01.02]*

Kết quả thống kê giai đoạn 2015-2019 của SV ngành KTQT cho thấy: tỷ lệ SV thôi học có xu hướng giảm.

**Bảng 11.1.1b. Tỷ lệ sinh viên thôi học ngành KTQT**

Chuyên ngành/ Ngành	2014-2015		2015-2016		2016-2017		2017-2018		2018-2019	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Kinh tế đối ngoại	1	0,3	3	0,9	14	3,97	12	2,8	12	2,2
Kinh tế đối ngoại chất lượng cao	-	-	-	-	8	4,49	9	3,77	-	0
Ngành KTQT	1	0,3	3	0,3	22	4,09	21	3,15	12	1,45

*Nguồn: [H1.11.01.01], [H1.11.01.02]*

Trong các báo cáo tổng kết năm học của khoa và Học viện đều có phân tích, đánh giá và giám sát tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Các nguyên nhân thôi học thường thấy là: sinh viên đi du học nên xin thôi học tại Học viện, sinh viên cảm thấy không phù hợp với việc học tập tại Học viện nên muốn chuyển sang ngành học khác phù hợp hơn, vì lý do gia đình nên sinh viên không thể tiếp tục theo học tại Học viện... Nguyên nhân chính khiến tỷ lệ tốt nghiệp của Học viện nói chung và Khoa KTQT nói riêng giảm mạnh là do sinh viên chưa đáp ứng được CDR về Ngoại ngữ.

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp/thôi học cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp chuyên môn của Khoa, trong Hội nghị tổng kết năm học của Học viện, Hội nghị sơ kết học kỳ và tổng kết năm học của Khoa KTQT [H1.05.04.01], [H1.05.04.02], [H1.11.01.03]. Qua đó, thực hiện đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp/thôi học qua các năm và với các ngành đào tạo khác trong Học viện để từ đó đưa ra các biện pháp phù hợp nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [H1.05.04.01].

**Bảng 11.1.2a. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của sinh viên ngành KTQT với các ngành Kinh tế và QTKD**

Ngành học	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Ngành Kinh tế (%)	92,9	90,5	89,6	47,2	30,5
Ngành KTQT (%)	99,0	96,3	92,9	68,2	50,9
Ngành QTKD (%)	-	100	87,8	52,5	31,4

*Nguồn: [H1.11.01.01], [H1.11.01.02]*

Kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành KTQT với ngành Kinh tế và ngành QTKD cho thấy: Tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành KTQT hằng năm cao hơn tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành QTKD từ 2%-19% và ngành Kinh tế từ 6%-20%.

Đối sánh với tỷ lệ thôi học của SV ngành KTQT với ngành Kinh tế và ngành QTKD cho thấy: Tỷ lệ thôi học của SV ngành KTQT hằng năm thấp hơn tỷ lệ thôi học của SV ngành Kinh tế từ 0,3%-0,5% và ngành QTKD từ 0%-4,8%.

**Bảng 11.1.2b. Đối sánh tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành KTQT với các ngành Kinh tế và QTKD**

Ngành học	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Ngành Kinh tế (%)	0,73	0,51	4,61	3,45	1,87
Ngành KTQT (%)	0,3	0,3	4,09	3,15	1,45
Ngành QTKD (%)	0	0	8,91	2,1	2,54

*Nguồn: [H1.11.01.01], [H1.11.01.02]*

## **2. Điểm mạnh**

Học viện có hệ thống theo dõi, cảnh báo và giám sát, thực hiện quản lý, thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp bằng phần mềm QLĐT.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa chưa tiến hành đối sánh nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp với các trường khác có cùng chuyên ngành đào tạo.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2020 – 2021, Phòng QLĐT đề xuất nâng cấp phần mềm Quản lý đào tạo để phục vụ tốt hơn việc theo dõi, giám sát sinh viên thôi học và tốt nghiệp.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Năm học 2020-2021, Khoa KTQT tiến hành đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp với các trường có cùng ngành đào tạo như Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Ngoại thương.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.1: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### **1. Mô tả**

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho một sinh viên bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2012, Học viện bắt đầu thực hiện đào tạo đại học hệ chính qui theo tín chỉ. Thời gian đào tạo tại Học viện 3,5 - 4 năm, thời gian tối đa 6 năm [H1.05.01.01]. Học viện có thống kê đầy đủ về kết quả tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành KTQT [H1.11.01.01]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành KTQT trong cả giai đoạn 2015-2019 là 4,03 năm.

Thời gian tốt nghiệp của sinh viên cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp của Khoa KTQT [H1.05.04.01]. Trước năm 2018, tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn 4 năm khoảng 95%. Tuy nhiên, từ năm 2018 trở lại đây, tỷ lệ người học kéo dài thời gian tốt nghiệp lớn hơn 4 năm là do Học viện quy định thêm CĐR tiếng Anh (TOEIC, IELTS) và tin học (IC3, MOS) [H1.01.02.02]. Khoa thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp của sinh viên qua các năm, giữa các ngành đào tạo của Học viện [H1.05.04.01]. Kết quả thống kê cho thấy: so với 02 CTĐT Kế hoạch phát triển và Quản trị kinh doanh tại Học viện Chính sách và Phát triển, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành KTQT không có sự khác biệt. Từ đó, Khoa đề xuất một số giải pháp thúc đẩy sinh viên học tiếng Anh để có thể đạt chứng chỉ CĐR tiếng Anh như: Cố vấn học tập liên tục đôn đốc, nhắc nhở sinh viên thi chứng chỉ; Tổ chức mời trung tâm Tiếng Anh Havina về nói chuyện chuyên đề về thi TOEIC; Đề xuất với Học viện mở các lớp ôn tập thi TOEIC miễn phí cho sinh viên... [H1.05.04.01].

Tại các Hội nghị tổng kết năm học của Học viện, Lãnh đạo Học viện đã tổ chức đối thoại với sinh viên để tìm nguyên nhân và giải pháp khắc phục tình trạng sinh viên tốt nghiệp muộn và không đáp ứng đủ CĐR Tiếng Anh, Tin học [H1.11.02.02].

Tại các cuộc họp của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp đều có các phân tích nguyên nhân sinh viên chưa rút ngắn được thời gian tốt nghiệp [H1.11.01.03].

Để khắc phục tình trạng chậm tốt nghiệp, Học viện đã tổ chức các hoạt động tư vấn, các lớp ôn tập tiếng Anh miễn phí cho sinh viên năm cuối trước khi



tốt nghiệp để sinh viên cải thiện kết quả tiếng Anh của mình. Học viện cũng hỗ trợ sinh viên làm thủ tục đăng ký thi TOEIC ngay tại Học viện. Ngoài ra, hàng năm, Học viện tổ chức nhiều đợt xét tốt nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên ra trường đúng hạn [H1.11.02.01].

Trong các Báo cáo tổng kết năm học của Khoa KTQT đều có nội dung phân tích đánh giá hiệu quả của các biện pháp giúp người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp, giảm tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp muộn [H1.05.04.01]. Mặc dù Học viện và Khoa đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng hạn nhưng kết quả vẫn chưa khả quan nên thời gian tốt nghiệp của sinh viên vẫn bị kéo dài [H1.11.03.02].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện và Khoa kịp thời phân tích, đánh giá và tìm ra nguyên nhân tình trạng người học tốt nghiệp muộn.

## **3. Điểm tồn tại**

Các biện pháp hỗ trợ người học đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ còn chưa phát huy hiệu quả thực sự.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 – 2021, Khoa và Phòng QLĐT tiến hành khảo sát người học để tìm hiểu sâu hơn về nguyên nhân người học khó đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020-2021, Học viện giao Bộ môn Ngoại ngữ và Phòng QLĐT xây dựng các biện pháp nhằm đào tạo ngoại ngữ hiệu quả hơn.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.2: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### **1. Mô tả**

Học viện giao Phòng CT&CTSV chủ trì phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Khoa phụ trách thực hiện thống kê, khảo sát và lưu trữ danh sách sinh viên có việc làm, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân,

đơn vị công tác [H1.10.05.02]. Đồng thời, Học viện thành lập Ban liên lạc Hội Cựu sinh viên [H1.11.03.02] để giúp các khoa tổng hợp kết quả sinh viên có việc làm hàng năm. Ngoài ra, Khoa KTQT cũng thành lập Ban liên lạc Hội cựu sinh viên [H1.11.03.02].

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch khảo sát việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp [H1.05.01.04]. Trên cơ sở đó, Phòng CT&CTSV cùng với Khoa KTQT tổ chức khảo sát tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp. Các đợt khảo sát đều nhận được phản hồi tích cực từ các cựu sinh viên, do đó số liệu về tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp thu được từ khảo sát đều đáng tin cậy. Các số liệu này được lưu trữ để phục vụ cho việc phân tích, đánh giá và các báo cáo kết quả. Kết quả thống kê cho thấy tỷ lệ sinh viên ngành KTQT có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt mức cao (trên 80%) [H1.01.01.09]

**Bảng 11.3.1. Tỷ lệ người học có việc làm sau 6 tháng và 12 tháng tốt nghiệp ngành KTQT**

	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	6	12	6	12	6	12	6	12	6	12
Tỷ lệ có việc làm (%)	40,4	83,8	38,5	92,7	31,9	91,7	42,6	85,5	8,8	91,2
Đúng ngành (%)	81,3	81,3	85,4	85,4	83,1	83,1	85,1	85,1	83,3	83,3
Trái ngành (%)	18,7	18,7	14,6	14,6	16,9	16,9	14,9	14,9	16,7	16,7

Nguồn: [H1.01.01.09]

Kết quả đối sánh tỷ lệ có việc làm của sinh viên ngành KTQT qua các năm với ngành Kinh tế cho thấy: tỷ lệ sinh viên ngành KTQT có từ khóa 3, 4, thấp hơn 3% đến 13% so với SV ngành Kinh tế tại cùng Học viện.

**Bảng 11.3.2. Đối sánh tỷ lệ người học có việc làm của SV ngành KTQT với SV ngành Kinh tế và QTKD**

	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	6	12	6	12	6	12	6	12	6	12
Ngành Kinh tế (%)	46,3	92,3	44,6	92,7	53,0	94,0	45,6	93,9	45,8	94,2
Ngành KTQT (%)	40,4	83,8	38,5	92,7	31,9	91,7	42,6	85,5	8,8	91,2
Ngành QTKD (%)	-	-	-	-	88,5	100	60,5	90,7	55,3	91,5

Nguồn: [H1.01.01.09] và Báo cáo kết quả khảo sát việc làm của CTĐT Kế hoạch phát triển

Tỷ lệ sinh viên có việc làm cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp của Khoa KTQT [H1.05.04.01]. Trong đó, sau 1 năm

tốt nghiệp có gần 100% sinh viên có việc làm, tuy nhiên nhiều sinh viên phải sau 6 tháng mới tìm được việc làm. Nguyên nhân chính khiến sinh viên chưa tìm được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp là do thiếu kinh nghiệm tìm kiếm việc làm, thiếu định hướng nghề nghiệp hoặc không tìm được công việc có thu nhập mong muốn, thiếu kỹ năng mềm... Trên cơ sở đó, Khoa có những định hướng cải tiến trong công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng sinh viên ngành KTQT sau khi ra trường, đáp ứng tốt nhu cầu xã hội [H1.01.01.10]. Hàng năm, Học viện thường xuyên có những hoạt động nhằm giúp đỡ sinh viên định hướng nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm cho bản thân như tổ chức hội trợ việc làm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, ký kết thỏa thuận hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động để tăng cơ hội việc làm cho sinh viên, thường xuyên gửi thông tin tuyển dụng của các đơn vị đến sinh viên... [H1.11.03.03], [H1.11.03.05]. Ngoài ra, Học viện thông qua Ban liên lạc cựu sinh viên để hỗ trợ công tác định hướng nghề nghiệp cho các sinh viên đang theo học bằng cách mời các cựu sinh viên về nói chuyện hướng nghiệp tại các tuần sinh hoạt chính trị cuối khóa [H1.11.03.04]. Tuy nhiên, hiện nay Ban liên lạc cựu sinh chỉ duy trì thường xuyên hoạt động này, các hình thức hoạt động khác còn chưa được thực hiện.

## **2. Điểm mạnh**

Thông tin liên hệ với người học sau khi tốt nghiệp được Khoa KTQT và Học viện duy trì thường xuyên, chặt chẽ, nhờ đó tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của người học thuộc ngành KTQT nói riêng và các chuyên ngành khác của Học viện nói chung có thể được thống kê nhanh chóng, giám sát chặt chẽ, đảm bảo sự chính xác, đối sánh để cải tiến CTĐT. Công tác tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp bước đầu đạt kết quả nhất định nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

## **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện còn chưa mạnh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**- Phát huy điểm mạnh:**

Năm 2020 – 2021, Khoa mời một số doanh nghiệp hoặc ngân hàng tổ chức riêng hội thảo tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên ngành KTQT .

**- Khắc phục tồn tại:**

Năm học 2019 - 2020, Khoa KTQT, Phòng CT&CTSV và Ban liên lạc cựu sinh viên tổ chức thêm các hoạt động hướng nghiệp với các sinh viên đang học tại Học viện như lập các trang fanpage giới thiệu địa điểm thực tập, thông tin tuyển dụng từ các cựu sinh viên.

**5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.3: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

**1. Mô tả**

Quyết định 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/7/2018 ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển quy định loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên. Điều 40 quy định nội dung hoạt động NCKH của sinh viên bao gồm: (1) Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của sinh viên; (2) Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo khoa học công nghệ, câu lạc bộ khoa học sinh viên,...(3) Thực hiện các công trình NCKH để tham dự cuộc thi “Sinh viên NCKH” thường niên của Học viện, tham dự cuộc thi “Tài năng khoa học trẻ” của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các giải thưởng khoa học và công nghệ ở trong và ngoài nước; (4) Tham gia các đội tuyển trong các cuộc thi có nội dung khoa học nói chung và các đội tuyển Olympic chuyên ngành nói riêng; (5) Tham gia dịch thuật tài liệu, thu thập, xử lý dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập (nếu được giao) cùng các giảng viên; (6) Tham gia các đề tài cấp Học viện hoặc cấp Bộ cùng giảng viên phù hợp với khả năng và nguyện vọng của sinh viên; (7) Tham gia các hoạt động sinh hoạt khoa học thường kỳ dành cho sinh viên do phòng Khoa học và Hợp tác, Đoàn thanh niên hoặc các khoa/bộ môn tổ chức; (8) Tham gia một số hoạt động sinh hoạt khoa học khác của Học viện như Hội thảo khoa học, Tọa đàm khoa học về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành đào

tao và lĩnh vực nghiên cứu của Học viện. (9) Ngoài việc phải hoàn thành thực hiện môn học Phương pháp NCKH theo quy định của Học viện, sinh viên NCKH có thể thực hiện nhiệm vụ NCKH thông qua việc hoàn thành các bài tiểu luận của môn Phương pháp NCKH. Học viện không quy định về số lượng hoạt động NCKH bắt buộc đối với sinh viên [H1.06.02.05].

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của sinh viên được giám sát. Các hoạt động NCKH của sinh viên được lên kế hoạch hàng năm dựa trên Chiến lược phát triển Học viện và Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.01.01.03], [H1.06.02.05]. Hàng năm, theo thông báo của Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác, các Khoa, trong đó có Khoa KTQT sẽ lập kế hoạch NCKH sinh viên cho cả năm học, dự trù nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của sinh viên của Khoa trình Lãnh đạo Khoa thông qua [H1.11.04.01]. Sau đó, Hội đồng Khoa sẽ họp để xác định tên đề tài và phân công giảng viên hướng dẫn [H1.11.04.02]. Trên cơ sở đó, Giám đốc Học viện quyết định tên đề tài và phê duyệt kinh phí triển khai thực hiện [H1.11.04.03]. Trong quá trình thực hiện, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác cũng thực hiện theo dõi tiến độ thực hiện các đề tài NCKH và ra thông báo về việc tổ chức Hội nghị NCKH sinh viên cấp Khoa/Học viện để đánh giá các đề tài sau khi hoàn thành và công bố các kết quả đạt được của hoạt động NCKH của sinh viên trên website của Học viện [H1.11.04.04]. Nội dung các đề tài NCKH sinh viên ngành KTQT đều tương thích với mục tiêu, sứ mạng của Học viện và CĐR của ngành KTQT [H1.11.04.03]. Các nhóm NCKH sinh viên đều được phân công 1 giảng viên có chuyên môn sát với đề tài nghiên cứu [H1.11.04.02].

Năm học 2017-2018, hoạt động NCKH của sinh viên được lồng ghép vào nội dung môn học Phương pháp NCKH [H1.11.04.05]. Trong đó, sinh viên được chia thành 21 nhóm với 21 đề tài khoa học, sinh viên tiến hành các bước nghiên cứu đề tài khoa học dưới sự hướng dẫn của các giảng viên trong Khoa [H1.11.04.06]. Kết quả đánh giá đề tài được dùng làm điểm đánh giá môn học Phương pháp NCKH [H1.11.04.06]. Năm học 2018 – 2019, Học viện không sắp xếp môn học Phương pháp NCKH nên Khoa không có các đề tài NCKH sinh viên. Thay vào đó, Khoa tổ chức 02 buổi tọa đàm sinh viên NCKH

[H1.11.04.07].

Ngoài ra, hàng năm, sinh viên khoa KTQT được tham gia nhiều các hội thảo khoa học các cấp do Học viện và Bộ Kế hoạch – Đầu tư tổ chức [H01.11.04.09]

Hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của sinh viên được quy định tại Quyết định 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/7/2018 ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển từ điều 40 đến điều 53 [H1.06.02.05].

Hàng năm, Khoa KTQT thực hiện đối sánh loại hình và số lượng, chất lượng các đề tài NCKH của sinh viên qua các năm và giữa các chuyên ngành đào tạo trong Học viện để có những điều chỉnh kịp thời sao cho đảm bảo tất cả sinh viên đều được tham gia NCKH [H1.11.04.04]. Kết quả đối sánh cho thấy số lượng đề tài cũng như số lượng sinh viên tham gia hoạt động NCKH của sinh viên ngành KTQT các năm đều lớn hơn so với chuyên ngành Kế hoạch Phát triển, riêng trong năm học 2018 - 2019 không có đề tài nào do không có môn học Phương pháp NCKH. Tuy nhiên, Khoa chưa tiến hành đối sánh kết quả NCKH của sinh viên ngành KTQT với các cơ sở giáo dục khác.

**Bảng 11.4.1. Đối sánh kết quả NCKH của sinh viên ngành KTQT và sinh viên ngành Kinh tế**

Năm học	Kinh tế quốc tế		Kinh tế	
	Số lượng đề tài	Số sinh viên tham gia	Số lượng đề tài	Số sinh viên tham gia
2014-2015	24	91	7	39
2015-2016	30	116	7	35
2016-2017	44	75	9	17
2017-2018	41	133	6	6
2018-2019	42	244	23	93

*Nguồn: [H1.11.04.04]*

Hàng năm, Học viện Chính sách và Phát triển và Khoa KTQT đều xây dựng Kế hoạch NCKH đối với sinh viên nói chung [H1.11.04.01]. Thông qua, hoạt động NCKH cấp Khoa và cấp Học viện giúp người học nâng cao kiến thức,

kỹ năng của chuyên ngành học, phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn và CDR của CTĐT.

Các hoạt động NCKH của sinh viên được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của CTĐT, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Học viện tại Điều 38, Quyết định 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/7/2018 ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.06.02.05].

Hàng năm, Khoa đều tổ chức các hội nghị NCKH sinh viên cấp Khoa hoặc tọa đàm sinh viên NCKH cấp khoa [H1.11.04.07], [H1.11.04.08]. Học viện tổ chức hội nghị NCKH sinh viên cấp Học viện nhằm đánh giá chất lượng các đề tài NCKH sinh viên [H1.11.04.08] và tổng kết, đánh giá các kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, từ đó có các đề xuất những cải tiến trong hoạt động NCKH sinh viên phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Học viện; cũng như phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và khả năng của sinh viên [H1.11.04.08]. Nhiều đề tài NCKH của sinh viên đã được Hội đồng đánh giá đề tài NCKH sinh viên cấp Học viện đánh giá cao ý nghĩa về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu đã giải quyết được một số vấn đề thực tế đặt ra [H1.11.04.04].

## **2. Điểm mạnh**

Phần lớn sinh viên ngành KTQT tích cực tham gia trong hoạt động NCKH với nội dung nghiên cứu đa dạng, có sự hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ từ phía Khoa và Học viện.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa tiến hành đối sánh kết quả NCKH của người học với các cơ sở giáo dục khác.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT mở rộng thêm các hình thức nghiên cứu khoa học sinh viên.

### ***- Khắc phục điểm tồn tại:***

Năm học 2020-2021, Khoa KTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của

người học với các cơ sở giáo dục khác.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.4: Đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### **1. Mô tả**

Học viện thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, người học, người học đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất,...

Đối với người học: Việc khảo sát đối với sinh viên đang học được thực hiện định kỳ khi kết thúc học phần đầu mỗi là Trung tâm KT&ĐBCL [H1.06.04.04]. Việc khảo sát sinh viên năm 4 trước khi tốt nghiệp do các Khoa trực tiếp triển khai theo đúng quy trình của Học viện. Nội dung khảo sát người học và sinh viên năm 4 được thực hiện cả về tổng thể chất lượng đào tạo, cũng như toàn bộ các hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học [H1.01.01.09].

Đối với người tốt nghiệp: 12 tháng sau khi sinh viên tốt nghiệp, Phòng CT&CTSV triển khai khảo sát về: việc làm, thu nhập và các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện, CTĐT và cơ sở vật chất [H1.01.01.09].

Ngoài ra, hàng năm, sinh viên được phản hồi ý kiến trực tiếp tới lãnh đạo Khoa KTQT tại Hội nghị tổng kết năm học của Khoa KTQT. Tại hội nghị, sinh viên được đối thoại trực tiếp với Lãnh đạo Khoa KTQT [H1.05.04.01].

Đối với giảng viên: định kỳ hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCL phối hợp với Phòng TC-HC đều triển khai khảo sát giảng viên về mức độ hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giảng dạy, sách báo tài liệu phục vụ giảng dạy và nghiên cứu, sự hỗ trợ phục vụ của các phòng chức năng. [H1.01.01.09].

Từ năm 2015 đến năm 2019, mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT KTQT tại Học viện đều được đánh giá ở mức cao và năm sau tăng cao hơn năm trước. So với CTĐT Kinh tế, mức độ hài lòng của các bên liên quan không có sự khác biệt [H1.01.01.09], [H1.04.03.02], [H1.09.03.04].

Trên cơ sở kết quả khảo sát thu được và các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Khoa KTQT đã tiếp thu các ý kiến phản hồi và thực hiện triển khai



các hoạt động cụ thể nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành KTQT. Cụ thể: mô tả cụ thể hơn về CDR, điều chuyển một số môn giữa các khối kiến thức (ví dụ: Thanh toán quốc tế được chuyển từ khối Chuyên ngành lựa chọn sang Chuyên ngành bắt buộc, Đầu tư quốc tế chuyển từ khối Chuyên ngành bắt buộc sang Cơ sở ngành bắt buộc...), bổ sung hướng dẫn tự học trong các đề cương chi tiết các học phần, tăng cường áp dụng công nghệ trong quá trình giảng dạy, bổ sung thêm các môn học mang tính nghiệp vụ [H1.01.01.10]. Khoa KTQT cũng đề xuất các ý với Học viện để cải thiện chất lượng của hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên và sinh viên, cơ sở vật chất... Cụ thể như: nâng cao chất lượng đường truyền internet, phủ sóng wifi toàn Học viện, bổ sung giáo trình tài liệu vào thư viện, xây dựng cơ chế một cửa...[H1.11.05.01]

## **2. Điểm mạnh**

Thực hiện khảo sát, thống kê, phân tích kịp thời mức độ hài lòng của các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến chất lượng đào tạo ngành KTQT .

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa chưa tiến hành đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với các cơ sở giáo dục khác.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT thực hiện định kỳ các khảo sát các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến chất lượng.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT tiến hành đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với các cơ sở giáo dục khác.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.5: Đạt (mức 5/7).**

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 11:***

- ***Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:***

Học viện có hệ thống theo dõi, cảnh báo và giám sát thực hiện quản lý và thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp. Đánh giá chung cho thấy sinh viên ngành KTQT có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao. Công tác tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp bước đầu đạt kết quả nhất định. Tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường có việc làm sau 01 năm tương đối cao. Đa phần sinh viên có đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ tốt để có thể tham gia vào thị

trường lao động. Phần lớn sinh viên ngành KTQT tích cực tham gia trong hoạt động NCKH. Thực hiện khảo sát, thống kê, phân tích kịp thời mức độ hài lòng của các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến chất lượng đào tạo ngành KTQT.

*- Điểm tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:*

Những năm gần đây, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của Học viện giảm xuống khi áp dụng CĐR về ngoại ngữ. Vẫn còn tỷ lệ sinh viên thôi học dù không đáng kể. Hoạt động hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện còn chưa mạnh. Khoa chưa tiến hành đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, kết quả NCKH của người học và mức độ hài lòng của các bên liên quan với các cơ sở giáo dục khác.

Học viện và Khoa KTQT đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

*- Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:*

Tất cả các tiêu chí (5/5) trong Tiêu chuẩn 11 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 05 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/5.

## PHẦN III. KẾT LUẬN

### 3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

#### *Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo*

Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành KTQT của Học viện có một số điểm mạnh: (1) Mục tiêu của CTĐT ngành KTQT được xác định rõ ràng phù hợp với Sứ mạng và Tâm nhìn của Học viện, có tính bền vững và có khảo sát thị trường lao động liên quan đến CTĐT và phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu và rộng như hiện nay; (2) CDR của ngành KTQT được xây dựng nghiêm túc, rõ ràng theo các mức độ từ tổng hợp đến chi tiết các khối kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ cho người học, phù hợp với mục tiêu đào tạo của Khoa và Học viện, có thể hiện triển vọng vị trí việc làm đa dạng trong lĩnh vực KTQT cho người học sau khi hoàn thành CTĐT; (3) CDR của CTĐT ngành KTQT được kịp thời bổ sung, điều chỉnh gắn với yêu cầu từ thực tiễn của thị trường lao động, được nhà tuyển dụng đánh giá cao.

#### *Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo*

Bản mô tả CTĐT ngành KTQT của Học viện có một số điểm mạnh: (1) Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung và các thông tin cần thiết, được gắn kết với các vị trí việc làm. CTĐT của Khoa được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vừa mang tính khoa học và thực tiễn của các Đề tài cấp cơ sở của Khoa; (2) Đề cương môn học trong CTĐT được xây dựng đầy đủ thông tin, quá trình biên soạn, cập nhật có sự tham gia của sinh viên năm cuối, cựu sinh viên; (3) Bản mô tả CTĐT ngành KTQT và đề cương học phần trong CTĐT được công bố đầy đủ, công khai bằng một phần mềm riêng và cá nhân hóa tới từng sinh viên, công khai tới các cơ quan chủ quản và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

#### *Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành KTQT có một số điểm mạnh: (1) Công tác thiết kế CTDH ngành KTQT hợp lý, CTDH được gắn kết chặt chẽ với CDR; phối hợp trách nhiệm tham gia của doanh nghiệp, các đơn vị ngoài Học viện trong vận hành CTDH được thuận lợi và đạt CDR một cách hiệu quả; (2) Tất cả học phần trong CTĐT thuộc ngành KTQT đều có đóng góp cụ thể vào

CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ là khá rõ ràng, giúp dễ dàng thực hiện CTDH nói chung và chương trình cử nhân ngành KTQT nói riêng; (3) Tất cả các học phần của ngành KTQT đều được sắp xếp logic và cập nhật CTĐT của các trường đại học nổi tiếng trong nước và một số trường đại học ở nước ngoài

*Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT có một số điểm mạnh: (1) Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, giảng viên và người học để hiểu và thực hiện; (2) Phương pháp dạy và học phù hợp đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CĐR và đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học; (3) Tất cả các học phần đều có hướng dẫn tự học cho sinh viên, giúp nâng cao khả năng nghiên cứu và rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

*Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học*

Đánh giá kết quả học tập của người học tại Học viện CS&PT và Khoa KTQT có một số điểm: (1) Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR; (2) Các quy định về đánh giá kết quả học tập đều rõ ràng và được thông báo công khai tới người học; (3) Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng; (4) Kết quả đánh giá được công bố công khai kịp thời đến người học; được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn giúp người học cải thiện việc học tập; (5) Quy trình về khiếu nại kết quả học tập rõ ràng, được công bố công khai và dễ dàng tiếp cận đối với sinh viên. Học viện, Khoa và Bộ môn đảm bảo được quyền lợi chính đáng cho người học khi có bất kỳ thắc mắc về kết quả học tập.

*Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Học viện luôn chú trọng đến kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên của Khoa đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và giảng dạy. Học viện có quy định cụ thể, rõ ràng về đánh giá kết quả công việc, khen thưởng đối với giảng viên không chỉ giúp tạo ra động lực cho

giảng viên trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt.

*Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên*

Học viện có qui trình, tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển rõ ràng và được công bố công khai. Học viện có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển cũng như thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua điểm danh hàng ngày, đánh giá thu nhập tăng thêm hàng tháng) và định kỳ cuối năm học dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.

*Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Tiêu chuẩn 8 về Người học và hoạt động hỗ trợ người học có một số điểm mạnh: (1) Phương thức tuyển sinh của Học viện đa dạng, công bố công khai và cập nhật hàng năm; (2) Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện xác định rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan; Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát; (3) Có đầy đủ quy chế và cơ sở dữ liệu giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học; (4) Học viện, Khoa luôn có kế hoạch chi tiết triển khai định kì các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường; (5) Học viện có môi trường học tập xanh, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội; tạo môi trường học tập và làm việc thân thiện; thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến chương trình đào tạo.

*Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Cơ sở vật chất và trang thiết bị Học viện có những điểm mạnh: (1) Trụ sở tại Nam An Khánh được đầu tư và trang bị đồng bộ, hiện đại cả về số lượng các giảng đường, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ tốt nhất công tác đào tạo của Học viện.; (2) Thư viện có đầy đủ nguồn học liệu, các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của người học; (3)

Tại trụ sở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết, phòng thực hành ngoại ngữ và phòng thực hành tin học được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho sinh viên, cán bộ, giảng viên; (4) Hệ thống wifi được cung cấp miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện; (5) Đội ngũ chuyên trách để bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự của trụ sở ở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết trực thuộc Văn phòng Bộ luôn thường trực 24/24 đảm bảo an ninh, an toàn của tòa nhà; Học viện thành lập Đội Thanh niên xung kích thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chấp hành các quy định của sinh viên, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh để đảm bảo an ninh trật tự trường học trong khuôn viên của Học viện.

#### *Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng*

Học viện có quy trình xây dựng CTDH rõ ràng, minh bạch. Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống. Các thông tin phản hồi của các bên liên quan là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến chương trình đào tạo. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

#### *Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra*

Học viện có hệ thống theo dõi, cảnh báo và giám sát thực hiện quản lý và thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp. Đánh giá chung cho thấy sinh viên ngành KTQT có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao. Công tác tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp bước đầu đạt kết quả nhất định. Tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường có việc làm sau 01 năm tương đối cao. Đa phần sinh viên có đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ tốt để có thể tham gia vào thị trường lao động. Phần lớn sinh viên ngành KTQT tích cực tham gia trong hoạt động NCKH. Thực hiện khảo sát, thống kê, phân tích kịp thời mức độ hài lòng của các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến chất lượng đào tạo ngành KTQT.

### **3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT**

#### *Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo*

Tuy nhiên, Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KTQT còn có một số mặt cần hoàn thiện: (1) Chưa có hướng dẫn chi tiết về xác định mục tiêu của CTĐT trong Quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Học viện; (2) Mức độ chi tiết của CĐR của CTĐT về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học còn chưa được chi tiết gắn với từng học phần của CTĐT; (3) Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR chưa huy động được sự tham gia nhiều của nhà tuyển dụng các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực KTQT; Học viện thiếu phần mềm khảo sát online.

#### *Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo*

Bản mô tả CTĐT ngành KTQT còn có một số mặt cần hoàn thiện: (1) Bản mô tả CTĐT ngành KTQT được công bố năm 2018, chưa đến thời gian được rà soát, cập nhật và điều chỉnh; nội dung đề cương các học phần đang ở dạng tổng quát; (2) Số lượng các đối tượng được khảo sát lấy ý kiến góp ý cho đề cương môn học trong CTĐT ngành KTQT còn hạn chế; (3) Hình thức công khai Bản mô tả CTĐT chưa đa dạng; Bản mô tả CTĐT có nội dung khá dài.

#### *Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*

Trong việc thực hiện yêu cầu của Tiêu chuẩn 3 còn có một số mặt cần phải hoàn thiện: (1) Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. Tuy nhiên các chuẩn đầu ra chưa thực sự thể hiện các thang đo Bloom 6 bậc; (2) Đóng góp của một số học phần ở khối kiến thức Giáo dục đại cương chưa rõ ràng vào CĐR của chương trình; (3) CTĐT của ngành KTQT chưa thể hiện rõ tính tích hợp giữa nghiên cứu và ứng dụng.

#### *Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Trong việc thực hiện yêu cầu của tiêu chuẩn 4 còn có một số mặt cần phải hoàn thiện: (1) Việc tuyên truyền phổ biến Triết lý giáo dục đến các doanh nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả; (2) Công nghệ áp dụng cho phương pháp dạy và học còn hạn chế; (3) Chưa chỉ rõ cách thức giám sát quá trình tự học, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo trong đề cương một số học phần của CTĐT. Khoa đã xây dựng được các Kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại này.

#### *Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học*

Việc đánh giá kết quả học tập còn một số mặt cần phải hoàn thiện: (1) Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CDR còn dựa nhiều vào việc kiểm tra khả năng tái hiện, tái tạo kiến thức, giải các bài tập trong lớp học hơn đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên; (2) Các quy định về đổi mới hình thức đánh giá kết quả học tập của người học chưa được rõ ràng dẫn đến gây khó khăn trong việc thực hiện; (3) Tổ chức thi và kiểm tra chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế; (4) Việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định do một số giảng viên đôi khi còn nhập điểm muộn; (5) Vẫn có tình trạng sinh viên nộp đơn phúc khảo muộn do không nhớ chính xác về thời hạn nộp đơn.

*Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Khoa KTQT chưa có kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa mà chỉ tích hợp vào kế hoạch chung của Học viện. Trong Đề án vị trí việc làm vẫn còn một số tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên còn chưa cụ thể. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên theo tháng hay kỳ học còn gặp khó khăn. Hoạt động NCKH của giảng viên Khoa KTQT còn tập trung vào một số giảng viên.

*Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên*

Học viện còn khoảng 10-15% tỉ lệ chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối cán bộ, nhân viên Phòng, Trung tâm. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng của Học viện chưa thật sự đa dạng và phong phú. Kinh phí dành cho việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho khối cán bộ, nhân viên còn hạn chế. Bên cạnh đó, hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi chuyên viên. Hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc cũng chưa thực sự hoàn thiện, vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá.

*Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Trong việc thực hiện yêu cầu của Tiêu chuẩn 8 còn một số mặt cần phải hoàn



thiện: (1) Số lượng phiếu khảo sát nhà tuyển dụng về nhu cầu nhân lực phục vụ dự báo tuyển sinh còn ít; (2) Đối tượng tiến hành lấy ý kiến đánh giá về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh chưa đa dạng; (3) Phần mềm Quản lý đào tạo chưa có sự cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện kịp thời tới người học; (4) Nguồn lực dành cho các hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập của sinh viên còn hạn chế; (5) Cơ sở đào tạo mới của Học viện tại Nam An Khánh đang trong quá trình hoàn thiện nên các giảng đường bị ồn và bụi.

*Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Cơ sở vật chất và trang thiết bị Học viện còn những tồn tại sau: (1) Tại trụ sở Nam An Khánh, hệ thống phòng làm việc chưa hoàn thiện, các Khoa, các Phòng ban và Trung tâm ngồi làm việc chung tại các phòng giảng đường; (2) Thư viện có diện tích phòng đọc khiêm tốn nên hạn chế số lượng người sử dụng cùng lúc tại Thư viện; (3) Phòng thực hành tin học cần bổ sung mua thêm máy tính, bàn ghế để đáp ứng quy mô tuyển sinh sinh viên ngành KTQT số lượng tăng trong những năm tới; (4) Hệ thống mạng máy tính vẫn chưa ổn định do số lượng truy cập lớn nên đôi khi còn bị nghẽn mạng; (5) Tại trụ sở Nam An Khánh, Học viện chưa ban hành quy chế lưu ý đến sinh viên khuyết tật.

*Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng*

Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH của Học viện chưa được cải tiến theo xu hướng công nghệ (sử dụng mạng internet để trao đổi thông tin và thu thập ý kiến). Cơ sở dữ liệu về các bên liên quan chưa nhiều và cập nhật thường xuyên để có thể tiến hành khảo sát nhanh hơn và hiệu quả hơn. Đề tài NCKH chưa có sức lan tỏa có sức lan tỏa đối với việc tính hiệu quả của những giải pháp tới nâng cao chất lượng trong nội dung CTĐT và CTDH.

*Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra*

Những năm gần đây, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của Học viện giảm xuống khi áp dụng CĐR về ngoại ngữ. Vẫn còn tỷ lệ sinh viên thôi học dù không đáng kể. Hoạt động hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện còn chưa mạnh. Khoa chưa tiến hành đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, kết quả NCKH của người học và mức độ hài lòng của các bên liên quan với các cơ sở giáo dục khác.

### **3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT**

#### *Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Năm học 2020 – 2021, Phòng QLĐT rà soát, đề xuất ban hành lại quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT sao cho có các hướng dẫn xác định mục tiêu CTĐT chi tiết hơn.

Năm học 2020-2021, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT thực hiện rà soát CĐR của CTĐT năm 2018, sẽ tiến hành rà soát các CĐR và tiếp tục chi tiết hơn về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm trong các đề cương các học phần thuộc cơ sở ngành cho môn học Kinh tế quốc tế, Đầu tư quốc tế và các môn học còn lại thuộc phân chuyên ngành.

Kỳ 2 năm học 2019 -2020, Khoa đề xuất với Học viện thông qua Trung tâm KT&ĐBCL về việc xây dựng phần mềm khảo sát online phục vụ cho khảo sát, đánh giá CTĐT; gửi CĐR và lấy ý kiến phản hồi tại đơn vị thực tập của gần 100 sinh viên của khóa 7 đang trong giai đoạn thực tập từ tháng 1/2020 đến tháng 6/2020.

Năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với Phòng, Trung tâm liên quan lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, cơ quan có liên quan đến lĩnh vực KTQT về CĐR của CTĐT để rà soát, điều chỉnh bổ sung, điều chỉnh nội dung này.

#### *Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo*

Năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với các Phòng, Trung tâm liên quan như Trung tâm KT&ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của người học năm cuối, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng để rà soát, cập nhật và chỉnh sửa bản mô tả CTĐT vào năm 2021; phối hợp với Phòng QLĐT bổ sung thêm một số nội dung chi tiết của đề cương các học phần.

Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT sẽ phối hợp với các phòng ban liên quan như Trung tâm KT&ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của người học năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và nhà khoa học đối với xây dựng và chỉnh sửa, cập nhật đề cương môn học trong CTĐT ngành KTQT.

Tháng 7/2020, Khoa đưa thông tin bản mô tả CTĐT và đề cương môn học lên trang fanpage của Khoa, của Học viện và facebook của cựu sinh viên, sinh viên năm cuối. Năm học 2020 – 2021, Khoa bổ sung 01 bản mô tả CTĐT dạng

tóm tắt, bao gồm các nội dung chính để công khai cho các bên liên quan thuận tiện theo dõi, nắm bắt và lấy thông tin nhanh.

*Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*

Năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo và các Khoa, Bộ môn trong Học viện tiến hành rà soát, điều chỉnh CTDH, tăng thời lượng thực hành so với lý thuyết của học phần chuyên ngành Đàm phán kinh tế quốc tế, Thương mại quốc tế trong CTĐT.

Năm học 2020 – 2021, Khoa KTQT sẽ phối hợp với các Khoa, Bộ môn phụ trách học phần đại cương (Khoa Toán kinh tế, Bộ môn Ngoại ngữ...) điều chỉnh nội dung của học phần nhằm đáp ứng tốt hơn CĐR của chương trình.

Năm học 2020-2021, Khoa chủ trì, phối hợp với Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV, các Phòng, Trung tâm liên quan, các chuyên gia, nhà tuyển dụng để nâng cao tính tích hợp giữa nghiên cứu lý luận và ứng dụng thực tế trong các môn học chuyên ngành của Khoa như: tổ chức các buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên đề đối với các môn chuyên ngành...

*Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Năm 2020-2021, Khoa KTQT phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến Triết lý giáo dục tới các doanh nghiệp thông qua các kênh truyền thông như fanpage, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh...

Năm học 2020-2021, Phòng QLĐT chủ trì phối hợp cùng Khoa tiến hành nghiên cứu cách thức tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác dạy và học thông qua việc thiết kế các mô hình, phần mềm để sinh viên thực hành trong các học phần chuyên ngành.

Năm học 2020-2021, Khoa chủ trì phối hợp với Phòng QLĐT chỉ đạo các Bộ môn xây dựng cơ chế giám sát tự học đối với tất cả các học phần của CTĐT.

*Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học*

Năm học 2020 – 2021, Khoa KTQT phối hợp với Phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL tổ chức tọa đàm về Các giải pháp đánh giá mức độ đạt CĐR về kỹ năng đối với CTĐT hiện hành.

Năm học 2020 – 2021, Khoa KTQT phối hợp với Phòng QLĐT và Trung

tâm KT&ĐBCL cập nhật và làm rõ các quy định về đổi mới hình thức đánh giá kết quả học tập của người học nhằm tạo điều kiện cho giảng viên đưa ra các hình thức đánh giá phù hợp hơn nữa với việc đo lường mức độ đạt được CDR của học phần và của CTĐT.

Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL và Phòng QLĐT xây dựng phương thức thi điểm thi vấn đáp cho một số học phần.

*Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Năm học 2020 - 2021, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị thuộc Học viện xây dựng một văn bản chung thống nhất quy định về khối lượng giờ giảng, giờ NCKH và cách thức quy đổi và xây dựng mới Đề án vị trí việc làm theo hướng cụ thể hóa các tiêu chuẩn đối với giảng viên. Năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC phối hợp các đơn vị chức năng sắp xếp, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian thích hợp với giảng viên (nghỉ hè, tuần dự trữ). Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT xây dựng Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa. Khoa KTQT yêu cầu giảng viên phải xây dựng kế hoạch công việc theo kỳ học để thuận tiện cho việc quản trị và đánh giá kết quả công việc và giao các giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu hướng dẫn các giảng viên trẻ thực hiện viết và đăng bài trên các báo, tạp chí khoa học.

*Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên*

Năm 2020 - 2021, Khoa KTQT sẽ tích cực tìm nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo đội ngũ nhân viên của khoa. Có chính sách để tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong việc phấn đấu đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

*Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Năm học 2020 – 2021, Khoa KTQT kết hợp với các Phòng, Trung tâm tiến hành khảo sát và đánh giá nhu cầu của các nhà tuyển dụng, sinh viên đã tốt nghiệp về ngành KTQT để có cơ sở lập dữ liệu cho xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, chính sách và phương thức truyền thông, làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh trong những năm tiếp theo.

Năm học 2020 – 2021, Học viện bổ sung đối tượng tiến hành lấy ý kiến

đánh giá về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh.

Năm học 2020 – 2021, Học viện chỉ đạo Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa quản lý sinh viên hoàn thiện hệ thống phần mềm để thông báo kịp thời kết quả học tập, rèn luyện và tình hình tốt nghiệp tới từng sinh viên ở diện cảnh báo.

Năm học 2020 - 2021, Khoa KTQT đề xuất với Học viện bổ sung kinh phí hỗ trợ các hoạt động tư vấn và tham quan thực tế tại các doanh nghiệp.

Năm học 2020 - 2021, Học viện hoàn thiện xây dựng cơ sở đào tạo tại Nam An Khánh đảm bảo môi trường cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

#### *Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Năm học 2020 – 2021, Học viện bố trí phòng làm việc riêng cho các Khoa, Bộ môn, Phòng và Trung tâm.

Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện giao Trung tâm Hỗ trợ đào tạo phối hợp cùng Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông bố trí phòng đọc rộng hơn, với nhiều chỗ ngồi hơn phục vụ người đọc.

Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện giao Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Học viện Chính sách và Phát triển phối hợp cùng phòng TC-HC lên kế hoạch mua bổ sung máy tính, bàn ghế cho các phòng thực hành Tin học tại trụ sở Nam An Khánh.

Năm học 2020 - 2021, Học viện giao cho Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông lên phương án nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin theo hướng đồng bộ và hiện đại, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học.

Năm học 2020 – 2021, Học viện giao Trung tâm Hỗ trợ đào tạo xây dựng Quy định riêng về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến sinh viên khuyết tật.

#### *Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng*

Năm học 2020-2021, Học viện chỉ đạo Trung tâm KT&ĐBCL đặt mua phần mềm khảo sát phù hợp trong việc thu thập ý kiến sinh viên, và cựu sinh viên vì với số lượng thu thập và xử lý cơ sở dữ liệu ngày càng tăng, thì việc ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa công việc là tất yếu, giảm thiểu thời gian, công

sức, sai sót trong khâu thu thập và phân tích dữ liệu.

Năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng QLĐT phối hợp với Khoa KTQT rà soát, xin ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý để điều chỉnh quy trình thiết kế và phát triển CTDH theo hướng ứng dụng công nghệ hiệu quả giúp thuận tiện tiếp cận với các chuyên gia, nhà quản lý từ các địa phương khác nhau.

Năm học 2020-2021, Học viện tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy định liên quan đến lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật theo năm học. Tăng cường hỗ trợ, động viên và khuyến khích sinh viên thông qua hệ thống cố vấn học tập để sinh viên đạt được CDR.

Năm học 2020-2021, Khoa KTQT sẽ tiếp tục thực hiện khảo sát đối với các khoá sinh viên đã tốt nghiệp (khóa 6, 7) và các nhà tuyển dụng để đánh giá về chương trình đào tạo và khả năng đáp ứng công việc của các cử nhân ngành KTQT.

Năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL và Phòng CT&CTSV thực hiện khảo sát trực tuyến và khảo sát trên giấy để đánh giá về tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, đồng thời nghiên cứu để sử dụng đa dạng hơn nữa các công cụ.

Năm học 2020 – 2021, Khoa KTQT có kế hoạch tổ chức tọa đàm giữa Khoa với nhà tuyển dụng và cựu sinh viên để nâng cao chất lượng CTĐT, chất lượng dịch vụ hỗ trợ, và rút ngắn thời gian tiếp nhận thông tin phản hồi.

#### *Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra*

Năm học 2020 – 2021, Khoa KTQT và Phòng CT&CTSV tổ chức các hoạt động đồng hướng nghiệp của Ban Liên lạc cựu sinh viên với các sinh viên đang học tại Học viện. Khoa KTQT xây dựng kế hoạch khuyến khích tất cả sinh viên tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học trong đó, đưa ra các định hướng nghiên cứu ứng dụng để thu hút sinh viên. Năm học 2020 -2021, Khoa KTQT tổ chức thêm các buổi gặp gỡ, giao lưu với các nhà tuyển dụng, tăng cường mối quan hệ với các nhà tuyển dụng để tăng số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát của Khoa KTQT. Trung tâm KT&ĐBCL và Khoa KTQT phối hợp xây dựng kế hoạch khảo sát hàng năm với đối tượng là các nhà tuyển dụng.

### 3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT đánh giá theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Chính sách và Phát triển

Tên CTĐT: Ngành Kinh tế quốc tế

Mã CTĐT: 7310106

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								5,00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								5,00	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								5,00	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>								5,00	7	100%

Tiêu chí 6.1					5						
Tiêu chí 6.2					5						
Tiêu chí 6.3					5						
Tiêu chí 6.4					5						
Tiêu chí 6.5					5						
Tiêu chí 6.6					5						
Tiêu chí 6.7					5						
<b>Tiêu chuẩn 7</b>											
Tiêu chí 7.1					5						
Tiêu chí 7.2					5						
Tiêu chí 7.3					5						
Tiêu chí 7.4					5						
Tiêu chí 7.5					5						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>											
Tiêu chí 8.1					5						
Tiêu chí 8.2					5						
Tiêu chí 8.3					5						
Tiêu chí 8.4					5						
Tiêu chí 8.5					5						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>											
Tiêu chí 9.1					5						
Tiêu chí 9.2					5						
Tiêu chí 9.3					5						
Tiêu chí 9.4					5						
Tiêu chí 9.5					5						
<b>Tiêu chuẩn 10</b>											
Tiêu chí 10.1					5						
Tiêu chí 10.2					5						
Tiêu chí 10.3					5						
Tiêu chí 10.4					5						
Tiêu chí 10.5					5						
Tiêu chí 10.6					5						



<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>5,00</b>	<b>50</b>	<b>100%</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

**GIÁM ĐỐC**



**PGS. TS. Đào Văn Hùng**

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

#### CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2019

#### **I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Học viện Chính sách và Phát triển
  - Tiếng Anh: Academy of Policy and Development
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: HCP
  - Tiếng Anh: APD
3. Tên trước đây (nếu có): Không có
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5. Địa chỉ: Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
Khu đô thị Nam An Khánh – Xã An Thượng – Huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 024.37957368 Số fax: 024.35562392.
7. E-mail: Website: <http://www.apd.edu.vn>
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2008
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 2010
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Năm 2014
11. Loại hình cơ sở giáo dục:  
Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục   
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

#### **II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế Quốc tế
  - Tiếng Anh: International Economics Faculty
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: Khoa KTQT
  - Tiếng Anh: IEF
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Kinh tế đối ngoại

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
- Tiếng Anh: External Economics

16. Mã CTĐT: 7310106

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không có

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Địa chỉ 1: Học viện Chính sách và Phát triển, Khu đô thị Nam An Khánh – Xã An Thượng – Huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội: tòa nhà 7F, P.212 (từ ngày 23/12/2019).

- Địa chỉ 2: Tòa nhà Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngõ 7 Tôn Thất Thuyết – Cầu Giấy – Hà Nội: tầng 6, phòng 602.

19. Số điện thoại liên hệ: 024.3996.5458

20. E-mail: Website: <http://apd.edu.vn/khoa-kinh-te-oi-ngoai>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2009

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): Năm 2010

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): Năm 2014

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

24. Khái quát về đơn vị triển khai chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế

Ngành Kinh tế quốc tế hiện có 03 chuyên ngành, trong đó 02 chương trình (Kinh tế đối ngoại và Thương mại quốc tế và Logistics) thuộc khoa KTQT triển khai và chương trình Kinh tế đối ngoại CLC thuộc Viện Đào tạo Quốc tế được giao thực hiện.

Khoa Kinh tế quốc tế được thành lập theo Quyết định số 355/QĐ-HVCS&PT ngày 31/07/2009 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển, với tên gọi Khoa Kinh tế đối ngoại. Năm 2018, Khoa được đổi tên thành Khoa Kinh tế quốc tế theo Quyết định số 532/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018. Về cơ cấu tổ chức, Khoa Kinh tế quốc tế có 01 Trưởng khoa, 01 phó trưởng khoa, 01 trợ lý khoa và các giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy 2 bộ môn Kinh tế đối ngoại và Thương mại quốc tế.

Viện Đào tạo Quốc tế (tên tiếng Anh: International School of Economics and Finance, viết tắt là: ISEF) được thành lập theo Quyết định số 525/QĐ-HVCSPT ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển trên cơ sở nâng cấp Khoa Đào tạo Quốc tế. Về cơ cấu tổ chức, Viện Đào tạo Quốc tế có 01 Viện trưởng, 01 Trưởng ban Đào tạo và Hợp tác, 02 trợ lý khoa và các giảng viên cơ hữu

tham gia giảng dạy các chuyên ngành Kinh tế đối ngoại, Tài chính – ngân hàng, Đầu tư và Quản trị kinh doanh tại Học viện.

Hội đồng Khoa được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Học viện, bao gồm 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 01 thư ký và các thành viên. Về công tác Đảng, các cán bộ, giảng viên của Khoa là Đảng viên tham gia sinh hoạt tại Chi bộ 2 (Chi bộ khối cán bộ phòng ban) và Chi bộ 3 (Chi bộ khối cán bộ giảng viên). Về công tác Đoàn, một số cán bộ, giảng viên của Khoa tham gia sinh hoạt tại Chi đoàn khối cán bộ giảng viên của Học viện. Các cán bộ giảng viên trong Khoa đều là thành viên của Tổ công đoàn Khoa trực thuộc Công đoàn Học viện Chính sách và Phát triển.

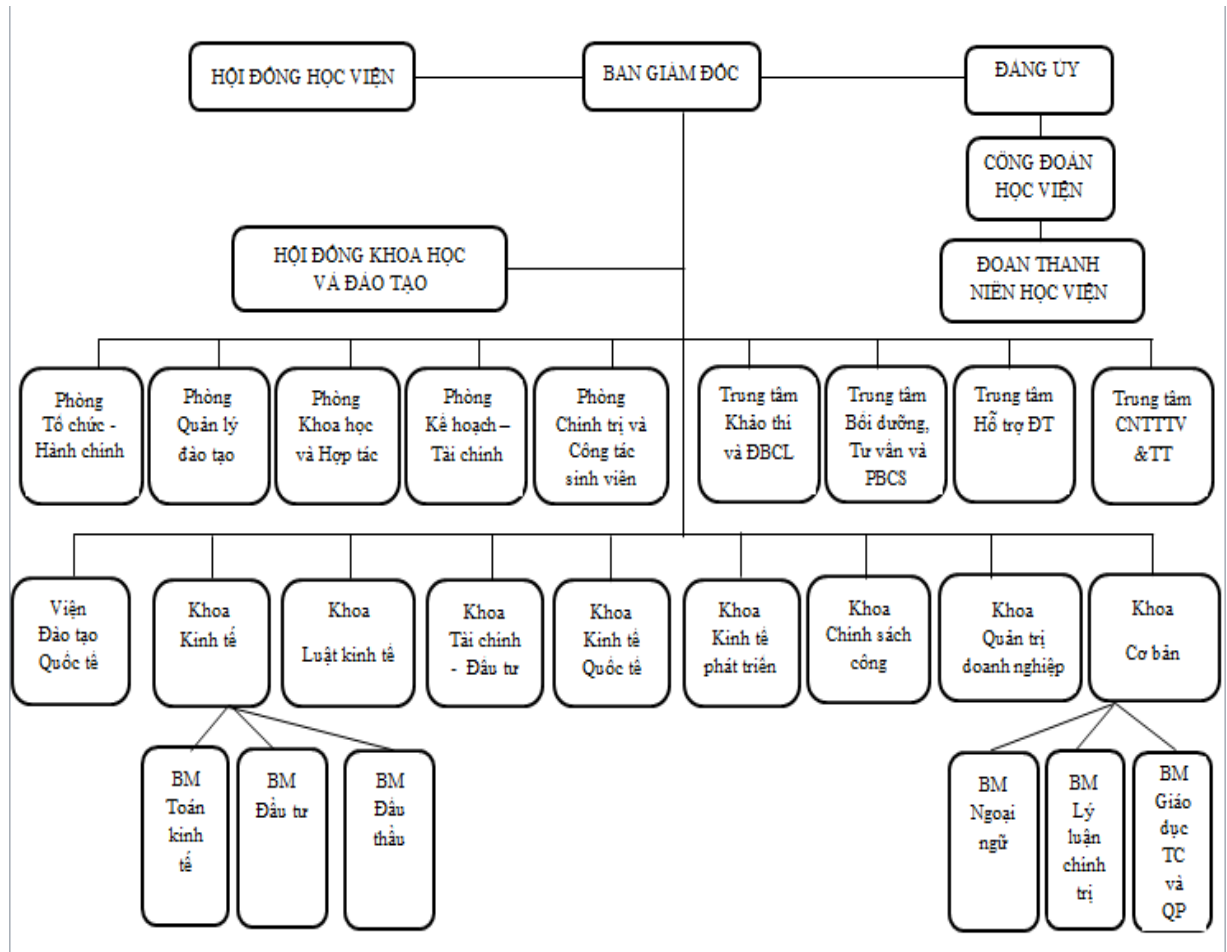
Về hoạt động đào tạo, Quy mô tuyển sinh hệ đại học hàng năm của ngành KTQT từ 150 – 200 sinh viên, hệ thạc sĩ là 50 học viên. Tính đến tháng 09 năm 2019, Khoa Kinh tế quốc tế đã có 6 khóa ra trường với hơn 450 sinh viên tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm sau một năm tốt nghiệp đạt trên 90%, số sinh viên làm đúng chuyên ngành đạt khoảng 80%.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, các cán bộ giảng viên của Khoa/Viện tích cực tham gia các đề tài, đề án cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện như *Nghiên cứu về những thách thức, thuận lợi trong thu hút đầu tư nước ngoài và sự chuẩn bị của Việt Nam khi gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015; Nghiên cứu các chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhằm cải thiện giá trị gia tăng của hàng xuất khẩu trong điều kiện gia nhập Hiệp định thương mại tự do xuyên Thái Bình Dương (TPP); Brexit – Tác động tới xu hướng đầu tư ra nước ngoài của một số đối tác Châu Âu chủ yếu và tác động tới Việt Nam...*, đồng thời tích cực tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo như *Giáo trình Kinh tế quốc tế, giáo trình nội bộ Đầu tư quốc tế, sách chuyên khảo Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam...*, có nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Về công tác sinh viên, với vai trò là Khoa quản lý sinh viên, lãnh đạo và cán bộ giảng viên trong Khoa thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị khác trong Học viện triển khai nhiều hoạt động cho sinh viên trong suốt quá trình học tập tại Học viện như Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, cuộc thi tiếng Anh, Rung chuông vàng, Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên, Hội diễn văn nghệ, Thi cắm trại... Thực hiện quy định của Học viện, đồng thời nhằm hỗ trợ tốt hơn cho sinh viên trong quá trình học tập, Khoa phân công cố vấn học tập cho các lớp sinh viên là các cán bộ giảng viên am hiểu chương trình đào tạo, có kinh nghiệm giảng dạy và tư vấn, thường xuyên trao đổi và

cung cấp các thông tin hữu ích cho sinh viên. Ngoài những hoạt động chung của Học viện, Khoa phối hợp với Liên chi đoàn của sinh viên tổ chức các hoạt động như Chào tân sinh viên của Khoa được tổ chức trong phạm vi Học viện hoặc những chuyến dã ngoại, chương trình Nhịp cầu văn hóa, đi thực tế tại Cảng Hải Phòng, các khu công nghiệp...

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT



Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính của Học viện Chính sách và Phát triển

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>Ban giám đốc Học viện</b>						
1	Ban	Đào Văn Hùng	1960	Phó Giáo	0903418235	daohungvan@gmail.com

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Giám đốc			sur, Tiến sĩ, GVCC, Giám đốc		
		Trần Trọng Nguyên	1972	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, GVCC, Phó Giám đốc	0912142282	trongnguyen@mpi.gov.vn
		Giang Thanh Tùng	1967	Tiến sĩ, CVC, Phó Giám đốc	0904121967	tunggiangthanh@mpi.gov.vn
		Nguyễn Thế Vinh	1977	Tiến sĩ, GVC, Phó Giám đốc	0903282737	<a href="mailto:vinh.nt@apd.edu.vn">vinh.nt@apd.edu.vn</a>
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT – Ngành Kinh tế quốc tế</b>						
1.	Lãnh đạo đơn vị	Bùi Thúy Vân	1977	Tiến sĩ, GV, Trưởng khoa, Chủ tịch Hội đồng khoa, Trưởng bộ môn Kinh tế đối ngoại	0355100506	bx.van@apd.edu.vn
		Trịnh Tùng	1974	Tiến sĩ, GVC, Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn	0937676819	<a href="mailto:bong26@gmail.com">bong26@gmail.com</a>

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
				Thương mại quốc tế và Logistics		
		Đào Hoàng Tuấn	1985	Tiến sĩ, GV, Viện trưởng		
	Tổ công đoàn	Đào Hồng Quyên	1983	Tiến sĩ, GV, Phó chủ tịch Hội đồng Khoa, Tổ trưởng	0904873183	<a href="mailto:daohquyen@gmail.com">daohquyen@gmail.com</a>
	Trợ lý khoa	Phạm Hoàng Ngân	1987	Thạc sĩ	0936559333	<a href="mailto:hoangngan@apd.edu.vn">hoangngan@apd.edu.vn</a>
<b>Các đơn vị phối hợp thực hiện CTĐT</b>						
1.	Viện Đào tạo quốc tế	Đào Hoàng Tuấn	1985	Tiến sĩ, GV, Viện trưởng	0966192042	<a href="mailto:tuandhapd@apd.edu.vn">tuandhapd@apd.edu.vn</a>
2.	Khoa Kinh tế	Nguyễn Thanh Bình	1973	Tiến sĩ, GVC, Phó Trưởng khoa phụ trách, Trưởng bộ môn	0983835518	<a href="mailto:nguyenthanhbinhapd@gmail.com">nguyenthanhbinhapd@gmail.com</a>
3.	Khoa Luật	Nguyễn Như Hà	1982	Tiến sĩ, GV, Phụ	0902468579	<a href="mailto:Nhuha.apd@gmail.com">Nhuha.apd@gmail.com</a>

<b>TT</b>	<b>Các bộ phận</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Học vị, chức danh, chức vụ</b>	<b>Điện thoại</b>	<b>Email</b>
	kinh tế			trách Khoa		
4.	Khoa Tài chính – Đầu tư	Nguyễn Thạc Hoát	1960	Tiến sĩ, GV, Trưởng khoa	0978430366	<a href="mailto:thachoat123@gmail.com">thachoat123@gmail.com</a>
5.	Khoa Kinh tế phát triển	Lê Huy Đoàn	1975	Tiến sĩ, GV, Phó trưởng khoa	0965799007	<a href="mailto:doanlhtapl@gmail.com">doanlhtapl@gmail.com</a>
6.	Khoa Chính sách công	Ngô Phúc Hạnh	1977	Phó giáo sư, Tiến sĩ, GVC, Phó trưởng khoa phụ trách	0912482399	<a href="mailto:nphanh39@gmail.com">nphanh39@gmail.com</a>
7.	Khoa Quản trị doanh nghiệp	Vũ Thị Minh Luận	1975	Tiến sĩ, GVC, Trưởng khoa	0979128458	<a href="mailto:vuminhluan@gmail.com">vuminhluan@gmail.com</a>
8.	Khoa Cơ bản	Trần Trọng Nguyên	1972	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa	0912142282	trongnguyen@mpi.gov.vn
9.	Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Thế Hùng	1977	Tiến sĩ, GV, Trưởng phòng	0772555669	<a href="mailto:hungnt888@gmail.com">hungnt888@gmail.com</a>
10.	Phòng	Võ Xuân Hoài	1984	Thạc sĩ,	0904849515	<a href="mailto:vo.xuanhoai@gmail.com">vo.xuanhoai@gmail.com</a>



<b>TT</b>	<b>Các bộ phận</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Học vị, chức danh, chức vụ</b>	<b>Điện thoại</b>	<b>Email</b>
	Quản lý khoa học và Hợp tác			Phó trưởng phòng phụ trách		
11.	Phòng Tổ chức – Hành chính	Lê Hồng Quân	1967	Thạc sĩ, Trưởng phòng	0904281693	<a href="mailto:hongquanle271@gmail.com">hongquanle271@gmail.com</a>
12.	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Chu Thị Ngọc Trâm	1980	Thạc sĩ, Kế toán trưởng	0903449498	<a href="mailto:ngoctram.apd@gmail.com">ngoctram.apd@gmail.com</a>
13.	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Nguyễn Tiến Hùng	1971	Tiến sĩ, GVC, Trưởng phòng	0904694099	<a href="mailto:hunghoavi@gmail.com">hunghoavi@gmail.com</a>
14.	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Lê Minh Vân	1962	Cử nhân, NCVC, Giám đốc Trung tâm	0904281734	<a href="mailto:vanylempi@yahoo.com">vanylempi@yahoo.com</a>

<b>TT</b>	<b>Các bộ phận</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Học vị, chức danh, chức vụ</b>	<b>Điện thoại</b>	<b>Email</b>
15.	Trung tâm Hỗ trợ đào tạo	Nguyễn Mã Lương	1978	Thạc sĩ, GV, Giám đốc Trung tâm	0977626233	<a href="mailto:nguyenmaluong03@gmail.com">nguyenmaluong03@gmail.com</a>
16.	Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông	Đàm Thanh Tú	1981	Tiến sĩ, GV, Giám đốc Trung tâm	0912426326	<a href="mailto:dt.hvtc@gmail.com">dt.hvtc@gmail.com</a>
17.	Trung tâm Tư vấn, Bồi dưỡng và Phản biện chính sách	Võ Xuân Hoài	1984	Thạc sĩ, Phụ trách Trung tâm	0904849515	<a href="mailto:vo.xuanhoai@gmail.com">vo.xuanhoai@gmail.com</a>

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 01 (Chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics)

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): 0

29. Tổng số các ngành đào tạo: 01

#### IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
<b>I</b>	<b>Cán bộ cơ hữu<sup>3</sup></b> <i>Trong đó:</i>	10	10	20
I.1	Cán bộ trong biên chế	08	07	15
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	02	03	05
<b>II</b>	<b>Các cán bộ khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>4</sup> )	02	02	04
	<b>Tổng số</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>24</b>

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>5</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

<sup>3</sup>Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>4</sup>Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>5</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>5</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
1	Giáo sư, Viện sĩ	01				01	
2	Phó Giáo sư	02			01	01	
3	Tiến sĩ khoa học	0					
4	Tiến sĩ	10	08			02	
5	Thạc sĩ	07	03	04			
6	Đại học	0					
7	Cao đẳng	0					
8	Trình độ khác	0					
	<b>Tổng số</b>	<b>20</b>	<b>11</b>	<b>04</b>	<b>01</b>	<b>04</b>	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 16 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 16/20 ~ 80%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	01				01		1
2	Phó Giáo sư	3,0	02			01	01		3,6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0						0
4	Tiến sĩ	2	10	08			02		16,8
5	Thạc sĩ	1	07	03	04				7
6	Đại học	0,3	0						0
	<b>Tổng</b>		<b>20</b>	<b>11</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>4</b>		<b>28,4</b>

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0							

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
2	Phó Giáo sư	01	6,3	01					01	
3	Tiến sĩ khoa học	0	0							
4	Tiến sĩ	08	50,0	06	02		03	04	01	
5	Thạc sĩ	07	43,7	02	05		07			
6	Đại học	0	0							
	<b>Tổng</b>	16	100							

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 39,6

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 9/16 ~ 56,3%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 7/16 ~ 43,7%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	15	75
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	60	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20	5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	5	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	<b>Tổng</b>	100%	100%

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016	450	159	1-4	159	20,75/10	21,5	0
2016-2017	344	167	1-2,5	167	20,46/10	21,5	0
2017-2018	258	256	1-1,1	256	20,5/10	21	0
2018-2019	328	248	1-1,5	248	19/10	19,5	0
2019-2020	335	212	1-1,6	212	20/10	21	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	451	538	667	830	850
Trong đó:					
Hệ chính quy	451	538	667	830	850
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

	Năm học				
	2014 -2015	2015 -2016	2016 -2017	2017 -2018	2018 -2019
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

100% người học của CTĐT Kinh tế đối ngoại ở ngoại trú

Các tiêu chí	2014 -	2015 -	2016 -	2017 -	2018 -
--------------	--------	--------	--------	--------	--------

	2015	2016	2017	2018	2019
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	0	0	0	0	0
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	451	538	667	830	850
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	0	0	0	0	0
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	0	0	0	0	0

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
Số lượng (người)	91	116	75	133	244
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	20,18	21,56	12,24	16,02	28,71

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	99	77	118	58	81
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	82	99	77	118	58
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	100	99	88,5	81,4	62,3
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018
<p>chất lượng CTĐT:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	97,6	100	100	98,6	98,0
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	2,4	0	0	1,4	2,0
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học</i> được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
<p>4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
<p>4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).</p> <p>- Sau 6 tháng tốt nghiệp.</p> <p>- Sau 12 tháng tốt nghiệp.</p>	40,4 81,3	38,5 85,4	31,9 83,1	42,6 85,1	8,8 83,3
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	18,7	14,6	16,9	14,9	16,7
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (trđ)	10	9,6	9,8	9,5	8,9
<p>5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các</p>					



Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018
thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	68,2	70,0	67,4	77,0	66,7
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	31,8	30,0	32,6	20,4	33,3
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0	2,6	0

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	3	6
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	5	5	5	6	10	31
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	4	3	2	6	8
4	Tổng		6	9	8	8	19	45

Tổng số đề tài quy đổi: 45

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 45/20 ~ 2,25

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ được chuyển về tài khoản của Học viện, không chuyển trực tiếp về Khoa.

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	20...			
2	20...			
3	20...			
4	20...			

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/ người)
5	20...			

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	5	10	11	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	5	2	
Trên 6 đề tài	0	1	0	
Tổng số cán bộ tham gia	5	16	13	

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0	1	1	1	2	6	22
2	Sách giáo trình	1,5	2	1	3	3	0	13,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	1	0	1
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		3	2	4	6	6	36,5

Tổng số sách (quy đổi): 36,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $36,5/20 \sim 1,83$

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	7	9	1	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	1	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	7	10	1	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng
----	-------------------	----------

		Hệ số**	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	11	1	5	6	7	45
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	6	12	14	10	27	69
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	1	0	1	1	2
	<b>Tổng</b>		18	14	19	17	35	116

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 116

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 116/20 ~ 5,8

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	3	11	2
Từ 6 đến 10 bài báo	1	3	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	1	0
Trên 15 bài báo	1	0	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	5	15	2

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	1	4	2	1	8
2	Hội thảo trong nước	0,5	2	3	2	4	6	8,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	2	1	0	1	1,25
4	<b>Tổng</b>		3	6	7	6	8	17,75

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 17,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 17,75/20 ~ 0,89

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5

năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	4	10	5
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	10	5

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2014 - 2015	0
2015 - 2016	0
2016 - 2017	0
2017 - 2018	0
2018 - 2019	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	659	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	659	

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	01 giải ba cấp Học viện	01 giải nhất cấp Học viện	01 giải nhì cấp Học viện	-	-
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

**VII. Cơ sở vật chất, thư viện**

Các tiêu chí	Cơ sở tại D25	Cơ sở tại Nam An Khánh
53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m <sup>2</sup> ):	2.351,8	50.876
54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m <sup>2</sup> )	2.351,8	50.876
55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m <sup>2</sup> ):		
- Nơi làm việc:	872,9	4.020
- Nơi học:	1.950	14.884
- Nơi vui chơi giải trí:	0	3.160
56. Diện tích phòng học (tính bằng m <sup>2</sup> )		
- Tổng diện tích phòng học:	1.950	13.811
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:	1	5

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: trên 2.800 đầu sách, trên 30 báo và tạp chí và gần 22.000 tài liệu số.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 180

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 83

- Dùng cho người học học tập: 97

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,11

### **VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

#### 1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 16

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 80

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 56%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 44%

#### 2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 850

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 35

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 86,24

#### 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 98,84

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 1,16

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 83,64

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 16,36

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

Thu nhập	Dưới 4 triệu	4 tr – 7tr	7tr – 10tr	Trên 10 triệu
Tỷ lệ (%)	0	6,33	62,22	31,45

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 70,26

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 29,74

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,25

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,83

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5,8

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,89

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,11

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 5

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 1,24

## Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng và Kế hoạch tự đánh giá

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
HỌC VIỆN  
**CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**  
Số: *670*/QĐ-HVCSPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày *12* tháng *8* năm *2019*

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế quốc tế

Học viện Chính sách và Phát triển

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ- BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018 của Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Trưởng khoa Kinh tế Quốc tế;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế quốc tế Học viện Chính sách và Phát triển gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế quốc tế Học viện Chính sách và Phát triển theo Quy định



về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Khoa Kinh tế quốc tế (để thực hiện)
- Lưu: TCHC; KT&ĐBCL (10 bản).

**GIÁM ĐỐC**



**PGS, TS. Đào Văn Hùng**





**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ**

**HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

(Kèm theo Quyết định số 177/QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 8 năm 2019  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1	Đào Văn Hùng	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện	Chủ tịch
2	Giang Thanh Tùng	P.GĐ Học viện	Phó Chủ tịch
3	Bùi Thúy Vân	Trưởng Khoa KTQT	Phó Chủ tịch thường trực
4	Lê Minh Văn	GD, TTKT&ĐBCL	Thư ký
5	Lê Hồng Quân	Chủ tịch công đoàn Học viện, TP. TCHC	Ủy viên
6	Vũ Đình Hòa	Bí thư đoàn thanh niên, P.Trưởng khoa QTKD	Ủy viên
7	Trịnh Tùng	P.Trưởng khoa KTQT	Ủy viên thường trực
8	Bùi Quý Thuấn	Giảng viên khoa KTQT	Ủy viên
9	Nguyễn Thế Hùng	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên
10	Ngô Minh Thuận	P.Trưởng bộ môn Triết	Ủy viên
11	Nguyễn Tiến Hùng	Trưởng phòng CT&CTSV	Ủy viên
12	Nguyễn Văn Tuấn	P.Trưởng bộ môn toán	Ủy viên
13	Chu Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng	Ủy viên
14	Nguyễn Thị Đông	P. Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên
15	Lê Quang Hiếu	Sinh viên K8, chuyên ngành KTĐN	Ủy viên

(Danh sách gồm có 15 người).

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 8 năm 2019  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Minh Vân	Giám đốc TT KT&ĐBCL	Trưởng Ban thư ký
2	Trần Thị Thanh Minh	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	P.Trưởng Ban thư ký
3	Nguyễn Thị Mai	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thành viên
4	Nguyễn Thị Hà	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thành viên
5	Nguyễn Đức Hiếu	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thành viên

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
 (Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 8 năm 2019  
 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Tiêu chuẩn	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>Nhóm 1:</b> Tiêu chuẩn: 1;2;3;4;11	TS. Bùi Thúy Vân	Trưởng khoa KTQT	Trưởng nhóm
	Phan.T.Thanh Huyền	Giảng viên khoa KTQT	Thành viên
	Đào Hồng Quyên	Giảng viên khoa KTQT	Thành viên
	Nguyễn Thị Đông	P.Trưởng P.QLĐT	Thành viên
	Ngô Thị Thanh Hoa	Phòng TC-HC	Thành viên
	Nguyễn T.Minh Hạnh	Chuyên viên P.HTQT	Thành viên
	Chu Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng	Thành viên
	Nguyễn Đức Hiếu	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thư ký
<b>Nhóm 2:</b> Tiêu chuẩn 6;7;9	Trịnh Tùng	P.Trưởng khoa KTQT	Trưởng nhóm
	Phạm T.Quỳnh Liên	Giảng viên khoa KTQT	Thành viên
	Bùi Quang Nghĩa	Chuyên viên P. TCHC	Thành viên
	Lê Thị Cẩm Thơ	Chuyên viên P.QLĐT	Thành viên
	Đỗ Thị Hà Anh	Chuyên viên P.HTQT	Thành viên
	Phạm Thị Nhâm	Nghiên cứu viên P.KHTC	Thành viên
	Trần Thị Thanh Minh	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thư ký
<b>Nhóm 3:</b> Tiêu chuẩn 5;8;10	Bùi Quý Thuấn	Giảng viên khoa KTQT	Trưởng nhóm
	Đặng Thị Kim Dung	Giảng viên khoa KTQT	Thành viên
	Lưu Thị Diệu	Chuyên viên P.QLĐT	Thành viên
	Đỗ Kiến Vọng	P.Trưởng Phòng CT&CTSV	Thành viên
	Nguyễn Tiến Thành	Chuyên viên P.TCHC	Thành viên
	Trần Thị Hương Trà	Chuyên viên P.KHTC	Thành viên
	Nguyễn Thị Mai	Chuyên viên TT TT&ĐBCL	Thư ký

(Danh sách gồm có 22 người)

## KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Mục đích tự đánh giá

Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành Kinh tế quốc tế so với bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trên cơ sở kết quả đánh giá để Khoa và Học viện xây dựng kế hoạch đảm bảo, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Kinh tế quốc tế

Làm căn để Học viện đăng ký kiểm định chất lượng theo Bộ Tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT của Ngành Kinh tế quốc tế theo bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học.

### 3. Công cụ đánh giá

Sử dụng bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ đại học được ban hành tại thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các tài liệu hướng dẫn khác có liên quan.

### 4. Hội đồng tự đánh giá

#### 4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế được thành lập theo Quyết định số  /QĐ-HVCPST ngày 12/8/2019 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển, Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo)

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo)

#### 4.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1+2+3+4+11	Nhóm 1		
2	Tiêu chuẩn 6+7+9	Nhóm 2		

3	Tiêu chuẩn 5+8+10	Nhóm 3	
---	-------------------	--------	--

### 5. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài

Trong quá trình thực hiện công tác tự đánh giá nếu có vấn đề gì liên quan đến nội dung cần phải tư vấn thì khoa sẽ chủ động đề xuất thuê chuyên gia thông qua Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trung tâm sẽ làm đầu mối tổng hợp và báo cáo Giám đốc quyết định.

### 6. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 1 - 2</b> <b>10/2019</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hội Ban Giám đốc và Lãnh đạo khoa Kinh tế đối ngoại để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá.</li> <li>• Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá:</li> <li>• Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.</li> <li>• Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao.</li> </ul>
<b>Tuần 3-4</b> <b>10/2019</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học viện tổ chức tập huấn tự đánh giá CTĐT.</li> <li>• Hội Hội đồng TĐG để thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng và Ban thư ký.</li> <li>• Thông qua dự thảo kế hoạch tự đánh giá.</li> <li>• Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ giảng viên, nhân viên và sinh viên.</li> <li>• Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt</li> <li>• Trưởng 03 nhóm tổ chức họp các nhóm chuyên trách: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, phân tích nội hàm từng tiêu chuẩn/tiêu chí;</li> <li>- Xây dựng danh mục minh chứng dự kiến cần thu thập (Xác định các minh chứng đã có, các minh chứng nào cần được phục dựng);</li> <li>- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.</li> </ul> </li> </ul>
<b>Tháng</b> <b>11/2019</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các nhóm tiến hành thu thập minh chứng theo phân công của trưởng nhóm.</li> <li>• Bắt đầu thu thập số liệu của phụ lục 8.</li> <li>• Trưởng 03 nhóm tổ chức họp các nhóm chuyên trách: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu nội dung của minh chứng để đánh giá mức độ phù</li> </ul> </li> </ul>

	<p>hợp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công các thành viên viết báo cáo cho từng tiêu chí, thực hiện mã hóa minh chứng khi viết báo cáo;</li> <li>- Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết)</li> </ul>
<b>Tuần 1-2 12/2019</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trưởng 03 nhóm tổ chức họp các nhóm chuyên trách:</li> <li>- Thông qua báo cáo tiêu chí và đề xuất chỉnh sửa;</li> <li>- Thành viên nhóm chuyên trách chỉnh sửa theo góp ý của Nhóm;</li> <li>- Trưởng nhóm chuyên trách và thư ký tổng hợp thành báo cáo cáo tiêu chuẩn và nộp cho Thư ký Hội đồng.</li> <li>- Thu thập bổ sung thông tin minh chứng (nếu cần thiết)</li> </ul>
<b>Tuần 3-4 12/2019</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thư ký Hội đồng TĐG họp với các nhóm chuyên trách để thông qua báo cáo tổng hợp, thống nhất cách mã hóa lại minh chứng cho toàn báo cáo.</li> <li>• Thu thập bổ sung thông tin , minh chứng (nếu cần thiết)</li> <li>• Viết các phần mở đầu và kết luận của báo cáo TĐG</li> <li>• Thư ký Hội đồng họp với các nhóm chuyên trách:</li> <li>- Xem xét báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí của các nhóm chuyên trách;</li> <li>- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG;</li> <li>- Tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo TĐG CTĐT;</li> <li>- Kết nối, biên tập phần báo cáo;</li> <li>- Kết nối, biên tập phần minh chứng và phụ lục;</li> <li>- Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung.</li> <li>• Ban Thư ký gửi báo cáo cho Hội đồng TĐG để xin ý kiến.</li> </ul>
<b>Tuần 1-2 01/2020</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ban thư ký chỉnh sửa báo cáo TĐG theo góp ý của Hội đồng TĐG.</li> <li>• Ban Thư ký công bố bản báo cáo TĐG và xin ý kiến góp ý của các bên liên quan.</li> <li>• Ban Thư ký họp các nhóm chuyên trách thống nhất về việc chỉnh sửa báo cáo để có số liệu thống nhất chung cho toàn báo cáo.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng TĐG CTĐT họp để bổ sung, hoàn thiện báo cáo TĐG</li> </ul>
<b>Tuần 3</b> <b>Tháng</b> <b>01/2020</b> <b>Tuần 1</b> <b>Tháng</b> <b>02/2020</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ban Thư ký họp các nhóm chuyên trách rà soát lại báo cáo TĐG, danh mục minh chứng chính sửa theo góp ý của Hội Đồng TĐG lần cuối.</li> <li>Hội đồng TĐG CTĐT họp để chốt bản báo cáo TĐG cuối cùng.</li> <li>Hoàn thiện thủ tục hồ sơ báo cáo TĐG gửi Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo.</li> <li>Đăng ký đánh giá ngoài CTĐT.</li> </ul>

**Nơi nhận:**

- Khoa KTĐN (để thực hiện)
- BGĐ (để b/c)
- Lưu: TCHC; KT&ĐBCL(20 bản).

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)



**PGS, TS. Đào Văn Hùng**